

Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose

Sách Giáo Khoa Việt Ngữ Cấp 3

Ấn bản 8.7 1983-2017

Họ và tên học sinh _____

Lớp _____ **Khóa** _____

Thầy/Cô phụ trách _____

Số phòng học _____

Nước chảy đá mòn.



Sách Cấp 3, ấn bản 8.7 1983-2017.
Tài liệu giáo khoa
Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang - San Jose xuất bản.
Tháng Chín, 2016.

Liên lạc, thư từ và ý kiến xin gửi về:

Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang
P.O. Box 32563
San Jose, CA 95152

Điện thoại: (408) 647-5147
Email: admin@vanlangsj.org
Website: <http://www.vanlangsj.org>

MỤC LỤC

- Nội quy.....	v
- Lời mở đầu	vi
- Định nghĩa.....	vii
- Nguyên tắc viết chính tả.....	viii
- Chữ cái - Nguyên âm và phụ âm.....	xii

Bài học

- Tiêu chuẩn cho học sinh Cấp 3.....	1
- Bài Ôn Cấp 2	2
- Bài 1: at ăt ăt	5
- Bài 2: em êm im	9
- Bài 3: en ên in	13
- Bài 4: học ôn	17
- Bài 5: ep êp ip	21
- Bài 6: et êt it	25
- Bài 7: học ôn	29
- Bài 8: eo, êu, iu	33
- Bài 9: ec, oc, ôc.....	37
- Bài 10: ia, oa, oe	41
- Bài 11: học ôn	45
- Bài 12: oi, ôi, ơi	49
- Bài thi mẫu giữa khóa	53
- Bài 13: om, ôm, ơm.....	56
- Bài 14: on, ôn, ơn.....	60
- Bài 15: học ôn	64
- Bài 16: op, ôp, ơp.....	68
- Bài 17: ot, ôt, ơt.....	72
- Bài 18: ua, ưa, uc, ưc.....	76
- Bài 19: học ôn	80
- Bài 20: ui, ưi, uy	84
- Bài 21: um, un, uê	88
- Bài 22: up, ut, ưt	92
- Bài 23: học ôn	96
- Bản đồ Việt Nam	101
- Bài thi mẫu cuối khóa	102

Bà làm ở nhà

- Bài làm ở nhà 1.....	105
- Bài làm ở nhà 2.....	109
- Bài làm ở nhà 3.....	113
- Bài làm ở nhà 4.....	117
- Bài làm ở nhà 5.....	121
- Bài làm ở nhà 6.....	125
- Bài làm ở nhà 7.....	129
- Bài làm ở nhà 8.....	133
- Bài làm ở nhà 9.....	137
- Bài làm ở nhà 10.....	141
- Bài làm ở nhà 11.....	145
- Bài làm ở nhà 12.....	149
- Bài làm ở nhà 13.....	153
- Bài làm ở nhà 14.....	157
- Bài làm ở nhà 15.....	161
- Bài làm ở nhà 16.....	165
- Bài làm ở nhà 17.....	169
- Bài làm ở nhà 18.....	173
- Bài làm ở nhà 19.....	177
- Bài làm ở nhà 20.....	181
- Bài làm ở nhà 21.....	185
- Bài làm ở nhà 22.....	189
- Bài làm ở nhà 23.....	193
- Việt sử đọc thêm.....	194
- Ngữ vựng đã học.....	195
- Giải nghĩa tục ngữ.....	199
- Bản đồ Việt Nam.....	201
- Tài liệu tham khảo.....	202
- Quốc Ca Việt Nam Cộng Hòa.....	203
- Văn Lang Hành Khúc.....	204
- Ngôi Trường Văn Lang.....	205
- Việt Nam.....	206
- Việt Nam Quê Hương Ngạo Nghễ.....	207

Nội quy dành cho học sinh và phụ huynh thuộc TRUNG TÂM VIỆT NGỮ VĂN LANG SAN JOSE

- 1- **Học sinh phải đi học đúng giờ và liên tục**, học sinh đến lớp trễ quá 15 phút, phải có phụ huynh đích thân dẫn tới văn phòng gặp Ban trật tự để nhận giấy phép vào lớp.
- 2- **Học sinh nghỉ học**, phụ huynh phải xin phép trước với Thầy, Cô giáo, gọi vào điện thoại Trung Tâm hoặc đến gặp Ban trật tự trình bày lý do nghỉ học vừa qua. Học sinh nghỉ liên tiếp 3 lần mà không có lý do chính đáng, không xin phép cũng như không có phụ huynh đích thân dẫn tới gặp Ban trật tự thì coi như tự ý thôi học.
- 3- **Học sinh bắt buộc phải mặc đồng phục** (áo trắng có phù hiệu Văn Lang). Học sinh không được về sớm quá 5 lần trong một khóa học. Ban trật tự sẽ không giải quyết cho học sinh xin về sớm nếu người xin phép không phải là người đứng tên trong đơn xin nhập học hay sau 11 giờ trưa (trừ trường hợp khẩn cấp)
- 4- **Học sinh phải giữ kỷ luật trong lớp**, lễ phép với Thầy, Cô, tuyệt đối tuân theo sự hướng dẫn của Thầy, Cô và hòa nhã với bè bạn. Học sinh vi phạm kỷ luật và tỏ ra thiếu lễ độ sẽ bị cảnh cáo, nếu còn tái phạm sẽ không được tiếp tục theo học tại Trung Tâm.
- 5- **Học sinh phải tham dự đầy đủ các kì thi trong khóa học** (nếu không tham dự đầy đủ các kì thi sẽ đương nhiên ở lại lớp. Các trường hợp xin thi trước hoặc sau đều không được chấp nhận). Học sinh phải hoàn tất những bài tập do Thầy, Cô đã cho và nộp lại đúng kì hạn. Học sinh vắng mặt 5 lần dù có lý do chính đáng cũng không được lên lớp trong khóa tới.
- 6- **Học sinh phải giữ vệ sinh chung của trường và lớp học**, tuyệt đối không được ăn uống trong lớp học, di chuyển, lấy cắp đồ đạc, sách vở cũng như trợ huấn cụ của lớp học. Mọi sự thất thoát có bằng chứng phụ huynh phải chịu trách nhiệm hoàn trả theo trị giá của từng món và học sinh sẽ không được tiếp tục theo học.
- 7- **Học sinh không được mang giày có bánh xe** trong khuôn viên nhà trường và **các loại đồ chơi vào lớp học** bao gồm: đồ chơi bằng hình (game cards), máy chơi điện tử (Ds Lite, Dsi v.v..), máy hát (ipod, Mp3...) nếu bị bắt gặp chơi trong giờ học lần đầu sẽ bị cảnh cáo và thông báo đến cha mẹ. Nếu tiếp tục học sinh sẽ được cho thôi học. Những trường hợp mất mát nhà trường không chịu trách nhiệm.
- 8- **Cấm Mang Vũ khí**, học sinh tuyệt đối không được mang vào lớp học hay khuôn viên nhà trường gây gộc, các vật dụng bén nhọn, chất nổ, ma túy cũng như vũ khí. Ban điều hành có trách nhiệm báo cáo với sở cảnh sát mà không cần thông báo cho phụ huynh.
- 9- **Đưa Đón Học sinh**, để an toàn tuyệt đối cho chính con em mình, phụ huynh phải đón con em đúng giờ và chỉ đưa đón con em mình trong khuôn viên nhà trường. Tuyệt đối tuân theo sự hướng dẫn của Ban trật tự về vấn đề giao thông lúc đưa cũng như lúc đón, xin hoà nhã với người hướng dẫn. Mọi ý kiến, xin liên lạc cùng Ban điều hành để được giải quyết.
- 10- **Phụ huynh không được theo con em vào lớp học** nếu không có sự đồng ý của Ban điều hành. Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose có mọi thẩm quyền xử dụng hình ảnh và video được thu trong tất cả các sinh hoạt của Trung Tâm.
- 11- **Học phí** của học sinh sẽ không được hoàn trả sau 2 tuần nhập học (với bất cứ lý do gì)

Lưu ý: Nếu vi phạm các điều trên, Trung tâm sẽ áp dụng các biện pháp kỷ luật cho học sinh bao gồm: chép phạt, không cho ra chơi, mời phụ huynh đến trường hoặc bị đuổi học vĩnh viễn

Phụ Huynh kí tên:

LỜI MỞ ĐẦU

Hiện nay con em chúng ta rộn rã đến trường vào mỗi cuối tuần để tìm về nguồn cội Việt Nam. Vì vậy, Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose cố gắng biên soạn bộ sách giáo khoa tiếng Việt "Chúng Em Cùng Học" gồm 10 tập.

Mục tiêu nhằm khuyến khích các em biết đọc, biết viết tiếng Mẹ thân thương và thấm nhuần phong tục tập quán cùng lịch sử của tổ tiên. Sách được soạn từ dễ đến khó: từ cấp lớp 1 đến cấp lớp 10. Mỗi tập gồm có bài học trong lớp và bài làm ở nhà. Ngoài ra còn có hai kì thi giữa khóa và cuối khóa để kiểm nhận trình độ học vấn của các em.

Thời gian để hướng dẫn sửa bài làm ở nhà và học bài mới tại lớp là 2 giờ 30 phút, không kể 30 phút ra chơi trong một buổi học.

Về cách phát âm chữ cái và ráp vần, chúng tôi áp dụng theo cuốn "Cẩm Nang Sư Phạm" do công trình biên soạn chung của nhiều nhà giáo khả kính và giàu kinh nghiệm trong ban đại diện các Trung Tâm Việt Ngữ miền Nam California. Tập sách này đã được tái bản tháng 7 năm 1996.

Về cách viết tiếng có I (ngắn) hay Y (dài), chúng tôi căn cứ vào cuốn "Tự Điển Việt Nam" của hội Khai Trí Tiến Đức do nhà xuất bản Trung Bắc Tân Văn ấn hành tại Hà Nội năm 1931, trong khi chờ đợi một chuẩn mực chính tả chung trong tương lai.

Nhân dịp này, kính mong quý văn, thi sĩ cũng như quý giáo chức rộng lòng cho phép chúng tôi được dùng những bài văn, thơ của quý vị để làm tài liệu giảng dạy. Và mặc dù đã cố gắng nhiều, chúng tôi ước mong quý vị có nhiệt tâm với tiếng Việt chỉ giáo những thiếu sót để cho bộ sách "Chúng Em Cùng Học" ngày được hoàn hảo hơn.

Xin quý vị nhận nơi đây lời tri ân chân thành của chúng tôi.

Trân trọng,

Ban Tu Thư
Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose,
California, U. S. A.

CHÚ THÍCH

(Dành riêng cho quý Thầy Cô và Phụ huynh)

Hàng tuần mỗi bài học được chia ra làm ba phần:

PHẦN I. EM HỌC CHỮ CÁI.

Trước hết, quý Thầy Cô viết các chữ cái lên bảng và cho các em đọc theo ba lần. Sau đó nhìn vào sách đọc lại.

Thầy Cô cho các em nhận biết mặt chữ theo hai giai đoạn sau:

- 1- Mỗi em cần có một bảng con (như loại bảng lite board). Thầy Cô đọc chữ cái cho các em viết lên bảng con, xong đưa cao bảng lên để tiện theo dõi.
- 2- Thực tập ngay trong sách có hình vẽ thích hợp với câu ngắn. Thầy Cô đọc chậm rãi từng câu ngắn và giải thích theo hình vẽ. Sau đó cho các em gạch dưới các chữ cái tìm thấy trong câu (xin xem thí dụ ở ô hình số 1 bài 1). ***Các em chỉ cần lưu ý đến các chữ cái có ghi sẵn ở góc trái ô hình, không bắt buộc phải nhớ các câu ngắn này.***

Trong các bài học ôn, chúng tôi gắng viết những câu ngắn với các từ mà các em đã học (chỉ gồm hai chữ cái).

Các bài này còn được dùng để Thầy Cô đọc chính tả hay soạn bài thi cho các em.

PHẦN II. EM RÁP VẦN VÀ ĐẶT CÂU.

- 1- **Em ráp vần:** Thầy Cô viết các từ đã ráp vần lên bảng, sau đó đánh vần để các em đọc theo ba lần.
Thí dụ: Từ **ba** đánh vần **bờ-a-ba**.
Thầy Cô gọi vài em đứng lên tự đánh vần để kiểm soát.
- 2- **Tập đặt câu:** Với mỗi từ, chúng tôi đặt một câu ngắn kèm theo. Thầy Cô cũng đọc các câu này chậm rãi và giải nghĩa cho các em hiểu. ***Không bắt buộc học sinh phải nhớ các câu này.*** Sau đó cho các em khoanh tròn từ đã học được trong các câu ngắn ấy.
Thí dụ: Trong câu: **ba bà đi chợ** các em khoanh tròn từ **ba** đã học ở trên. Những câu ngắn này sẽ giúp các em tập đặt câu và làm luận văn ở những lớp cao hơn.
- 3- **Em tập viết:** Thầy Cô hãy dặn các em vừa viết vừa đọc đủ nhỏ cho chính các em nghe. Em nào chép xong đưa tay lên để khuyến khích các em khác viết nhanh hơn cho kịp bạn.
- 4- **Bài hát và học thuộc lòng:** Không những đã học đầy đủ 23 chữ cái, các em lại còn được dạy thêm một số bài học thuộc lòng xen kẽ với những bài hát ngắn để khích lệ các em vui học trong lớp.

PHẦN III. BÀI LÀM

- 1- **Bài làm trong lớp:** Chúng tôi dùng một số hình vẽ và từ đã học trong phần I và II. Các em sẽ chọn chữ có sẵn ở góc trái mỗi ô hình để điền vào chỗ trống trong câu cho đúng. Nhờ hình vẽ các em dễ thuộc bài học hơn.
- 2- **Bài làm ở nhà:** Phần này cũng đơn giản, cố sao cho các em tự làm được ở nhà. Trang đầu là tập viết các chữ cái và từ đã học. Trang sau là các hình vẽ với những tiếng còn thiếu chữ cái, các em cũng sẽ chọn chữ có sẵn ở góc trái ô hình để điền vào chỗ trống. Trong các bài học ôn, các em sẽ chọn và viết từ hoặc câu văn ngắn thích hợp cho mỗi hình vẽ.

Phần này còn có thêm một tập riêng có in tên và ngày tháng dùng cho học sinh điền tên và ngày tháng vào rồi làm bài trên đó. Học sinh lấy bài làm ra khỏi tập để nộp cho Thầy Cô vào tuần tới.

Ngoài ra ở cuối mỗi bài học thường có một câu tục ngữ. Thí dụ ở cuối bài 1 có câu: ***Ngày nay học tập, ngày mai giúp đời.*** Thầy Cô đọc cho các em nghe và giải thích ý nghĩa của câu tục ngữ ấy. Phần giải nghĩa các câu tục ngữ có ở cuối sách.

Chúng tôi ước mong tập sách nhỏ này sẽ giúp quý Thầy Cô dễ dàng hơn trong các buổi dạy vỡ lòng cho các em còn rất nhiều bỡ ngỡ với tiếng Việt.

Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang San Jose



ĐỊNH NGHĨA

- I - CHỮ** Chữ là dấu hiệu viết ra, chấp lại với nhau để biểu thị tiếng nói.
Tiếng Việt có 23 chữ cái:
a, b, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t, u, v, x, y.
- II - ÂM** Âm là giọng. Âm có âm trầm (tức là giọng thấp) và âm bổng (tức là giọng cao).
Để ghi âm tiếng Việt, chúng ta có nguyên âm, phụ âm đơn và phụ âm ghép:
- 12 nguyên âm: ***a, ă, â, e, ê, i, o, ô, ơ, u, ư, y.***
- 17 phụ âm đơn: ***b, c, d, đ, g, h, k, l, m, n, p, q, r, s, t, v, x.***
- 11 phụ âm ghép: ***ch, gh, gi, kh, ng, ngh, nh, ph, qu, th, tr.***
- III - VẦN** Vần, do một nguyên âm đứng một mình, hay ghép với một hoặc nhiều âm khác mà thành. Vần có thể là một tiếng hay một phần của tiếng. Vần đôi khi không có nghĩa.
Thí dụ: ***a, o, ui, iêt, ong, iêng, ươn*** v. v. . .
- IV - TIẾNG** Tiếng do một nguyên âm đứng riêng hay do nhiều âm ráp lại mà thành. Tiếng đôi khi không có nghĩa.
Thí dụ: ***A! bông hoa đẹp quá.***
Câu này có năm tiếng.
- V - TỪ** Từ do một hay nhiều tiếng ghép lại. Từ có từ đơn và từ ghép. Từ luôn luôn có ý nghĩa.
Thí dụ:
- ***A, ba, nhà*** là ba từ đơn.
- ***Học sinh, thầy giáo, cô giáo, máy bay trực thăng*** là bốn từ ghép.

NHỮNG NGUYÊN TẮC VIẾT CHÍNH TẢ

(Thầy cô tùy nghi áp dụng về các dấu trong khi giảng dạy)

A- Vị trí chung cho các dấu giọng.

1) Những từ chỉ có một nguyên âm mang dấu mũ hay không có dấu mũ --- **a, ă, â, e, ê, i, o, ô, ơ, u, ư** ---, thì dấu giọng được viết ở nguyên âm ấy như :

- Ăn **quả** nhớ kẻ trồng cây.
- Gắn **mực** thì đen, gắn **đèn** thì **rạng**.

2a) Nếu từ có hai nguyên âm đứng sau phụ âm thì dấu giọng phải được viết ở nguyên âm đầu như :

- Chị **Thùy** bỏ **kẹo** vào **túi** áo.
- **Cái** răng **cái** tóc là vóc con người.

Trường hợp phụ âm ghép “qu” thì dấu giọng phải được viết ở nguyên âm sau như :

- Chị đói **quá** nên ăn hết đồ ăn của em.
- Ăn **quả** xanh dễ bị đau bụng.
- **Quý** vị làm ơn cúi đầu khi làm lễ.

2b) Nếu từ có hai nguyên âm, một mang dấu mũ và một không có dấu mũ, thì dấu giọng phải được viết ở nguyên âm có dấu mũ như :

- Anh đừng có **quở** cháu **tội** nghiệp.
- Bảy **giờ** đã quá sáu **giờ** chiều.
- Cúng **giỗ** ở bên này phải **lựa** ngày **bảy** trẻ không đi làm.
- **Quê** đóng **thuế** trễ nên bị phạt

3) Nếu từ có hai nguyên âm ở giữa hay đằng trước phụ âm thì dấu giọng phải được viết ở nguyên âm sau như :

- Cụ **Toàn** thích ăn **oản**.
- **Nước Việt** Nam có ba **miền** : Bắc, Trung, Nam.

4) Nếu từ có ba nguyên âm thì dấu giọng ở vào vị trí nguyên âm giữa như :

- Hãy yêu thương **người** đồng **loại**.
- Ông bà **ngoại** em có lòng **đoái** thương **người** **thiếu** ăn, **thiếu** mặc.

5) Nếu từ có ba nguyên âm ở giữa phụ âm thì dấu giọng phải được viết ở nguyên âm cuối như :

- Em nghĩ **chuyện huyền** thoại là **truyền thuyết** không có thật.
- **Quyển** sách đó nói về các vua nhà **Nguyễn**.

B- Quy tắc về dấu hỏi (?) hay dấu ngã (~) trên các từ láy.

Đặc biệt áp dụng cho các từ láy thì dấu hỏi (?) hay dấu ngã (~) được đánh dấu theo quy tắc sau đây:

1) Dấu hỏi (?).

Một trong hai tiếng của từ láy không có dấu () hoặc có dấu sắc (/) thì tiếng còn lại phải được đánh dấu hỏi (?) như:

- Thoai thoải, chăm chỉ, mát mẻ, rải rác, xa xỉ, lẻ loi, sắp sửa, vui vẻ, sáng sửa ...

2) Dấu ngã (~).

Một trong hai tiếng của từ láy có dấu huyền (˘) hoặc có dấu nặng (˙) thì tiếng kia phải được đánh dấu ngã (~) như:

- Dễ dàng, rộn rã, nghĩ ngợi, hòa hoãn, hờ hững, lữ lự, lạc lõng, sạch sẽ, ngạo nghễ ...

* Áp dụng quy tắc này qua câu thơ:

***“ Em Huyền (˘) mang Nặng (˙) Ngã (~) đau
Anh Không () Sắc (/) thuộc Hỏi (?) đau chỗ nào ”.***

Tuy nhiên cũng có một số ít từ láy thuộc vào trường hợp ngoại lệ và cũng có một số từ ghép Hán Việt không theo quy tắc trên như:

- Ngoan ngoãn, Sửa soạn, Đầy đủ, Bồi bổ, Hòa hoãn, Thỏ thần

C- Viết Chính Tả Với Chữ I và Y

Vào năm 1931, hội Khai Trí Tiến Đức cho xuất bản bộ "Việt Nam Tự Điển" tại Hà Nội. Kể từ đó đến nay chúng ta được biết nhiều nhà văn, nhà giáo đã góp ý kiến hoặc viết sách báo theo chuẩn mực chính tả đề cập trong bộ tự điển này.

Gần đây một nhà văn bày tỏ thêm ý kiến như sau:

"Việt Nam Tự Điển" của hội Khai Trí Tiến Đức, do nhà xuất bản Trung Bắc Tân Văn ấn hành tại Hà Nội năm 1931 phân biệt khá rõ rệt trường hợp nào viết với chữ I và trường hợp nào viết với chữ Y.

Những hội nghị về chữ quốc ngữ, điển hình là "Hội Nghị Thống Nhất Ngôn Ngữ" (1956) hay những ủy ban chuyên môn nghiên cứu về chữ quốc ngữ để nêu ra nguyên tắc chính tả, như "Ủy Ban Điển chế Văn tự" (1973) đều nhấn mạnh cần sử dụng bộ "Việt Nam Tự Điển" của hội Khai Trí Tiến Đức làm tiêu chuẩn. Tiếc là không mấy ai chú ý đến những lời khuyên cáo này. Để rồi vẫn viết sai nhiều chữ mà tưởng là mình viết đúng. Trong đó có trường hợp lẫn lộn giữa chữ I và chữ Y. Lâu dần, sự sai lầm đó trở nên phổ quát hầu như không thể nào sửa lại được nữa cho những người quen dùng.

Nay chúng tôi biên soạn bộ sách giáo khoa "Chúng Em Cùng Học". Ban Tu Thư của trường Việt Ngữ Văn Lang San Jose dựa theo nguyên tắc chính tả trong bộ tự điển của hội Khai Trí Tiến Đức để giúp các em bớt khó khăn khi ráp vần và viết chính tả với chữ I và chữ Y.

Xin nêu ra đây những nhận định tiêu biểu :

I. Về chữ i.

Chỉ viết chữ **i** khi **i** ngắn là nguyên âm duy nhất trong một tiếng hay một từ như :

Trước kia viết:

lý do
địa lý
đi tỵ nạn
một tỷ đồng
v. v. . .

Nay sẽ viết:

lí do
địa lí
đi tị nạn
một tỉ đồng

II. Về chữ **y**.

Chỉ viết chữ **y** dài trong những trường hợp sau đây :

1. Tự nó (chữ **y**) là một tiếng có đủ nghĩa như :

chú ý	ngồi ỳ
ý kiến	y phục
ỷ lại	v. v. . .

2. Tuy **y** và **i** đồng âm nhưng khác nghĩa khi ráp vần. Cho nên vần mà có nguyên âm **y** dài phải được sử dụng chính xác, không thể viết lẫn lộn với nguyên âm **i** ngắn được như :

● Từ có vần:		● Từ có vần:
nước chẫy (ay)	không thể viết	nước chải (ai)
ngày nay (ay)	không thể viết	ngày nai (ai)
say túy lúy (uy)	không thể viết	say túi lúi (ui)
cô Thúy (uy)	không thể viết	cô Thúi (ui)
v. v. . .		

3. Với **y** dài hay **i** ngắn của danh từ riêng về người, về địa danh v. v. . . trước sau không thay đổi như :

Nguyễn Ngu Í	(tên nhà văn)
Lý Thường Kiệt	(tên một danh tướng)
Mỹ Tho	(tên một tỉnh)
Mỹ Quốc	(tên một nước)
v. v. . .	

Chúng tôi hi vọng con em chúng ta sẽ không còn bối rối khi nào viết **i** ngắn và khi nào viết **y** dài.

23 CHỮ CÁI TIẾNG VIỆT

A a	B b	C c	D d	Đ đ	E e	G g	H h
I i	K k	L l	M m	N n	O o	P p	Q q
R r	S s	T t	U u	V v	X x	Y y	

THÊM DẤU

* Dấu mũ: **^** * Dấu á: **◌** * Dấu móc: **◌**

CÁCH PHÁT ÂM CHỮ CÁI CÓ THÊM DẤU

A a	Ă á	Â ớ	B bờ	C cờ	D dờ	Đ đờ	E e
Ê ê	G gờ	H hờ	I i	K ca	L lờ	M mờ	N nờ
O o	Ô ô	Ơ ơ	P pờ	Q quờ	R rờ	S sờ	T tờ
U u	Ư ư		V vờ	X xờ	Y i-cờ-rét		

Chú ý: - Chữ **k** chỉ ghép với ba nguyên âm: **i, e, ê** (ki, ke, kê)

- Chữ **c** ghép với các nguyên âm còn lại: **a, o, ô, ơ, u, u** (ca, co, cô, cơ, cu, cư)

12 nguyên âm đơn

A <i>a</i>	Ă <i>á</i>	Â <i>ớ</i>	E <i>e</i>	Ê <i>ê</i>	I <i>i</i>
O <i>o</i>	Ô <i>ô</i>	Ơ <i>ơ</i>	U <i>u</i>	Ư <i>ư</i>	Y <i>i-cờ-rét</i>

11 phụ âm ghép

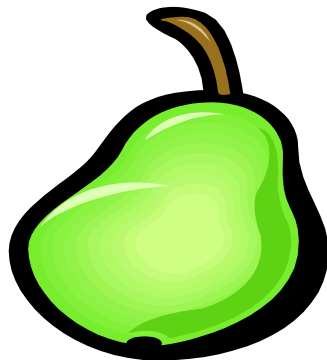
CH <i>chờ</i>	GH <i>gờ-hát</i>	GI <i>giờ</i>	KH <i>khờ</i>	
	NG <i>ngờ</i>	NGH <i>ngờ-hát</i>		
NH <i>nhờ</i>	PH <i>phờ</i>	QU <i>quờ</i>	TH <i>thờ</i>	TR <i>trờ</i>

Chú ý: - Phụ âm ghép **gh** chỉ ráp được với các nguyên âm **e, ê, i**.

- Phụ âm đơn **g** ráp được với các nguyên âm **a, i, o, ô, ơ, u, ư**.

Tiêu Chuẩn cho học sinh cấp 3

- Đọc và viết thông thạo và ghép vần tiếng Việt Nam (at, ăt, ât, em, êm, im, en, ên, in, ep, êp, ip, et, êt, it, eo, êu, iu, ec, oc, ôc, ia, oa, oe, oi, ôi, oí, om, ôm, ơm, on, ôn, ơn, op, ôp, ơp, ot, ôt, ơt, ua, ưa, uc, ưc, ui, ưi, uy, um, un, uê, up, ut, ưt)
- Ráp vần và đặt câu bằng miệng
- Học thuộc lòng
- Chính tả, tập đọc đoạn văn ngắn 4-5 dòng
- Tập viết nguyên câu ngắn
- Điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa
- Học đếm số từ 20 đến 30, 40 ... 100
- Học Huyền sử (Sự Tích Trầu Cau, Bánh Chung Bánh Dầy)
- Học Địa lý (bờ biển, khí hậu Việt Nam)
- Làm bài và nộp bài đầy đủ và đúng kì hạn do thầy cô yêu cầu
- Hoàn tất 2 kì thi : học kì 1 và học kì 2



BÀI ÔN CẤP 2

- **Vần**

ai ay ây am ăm âm an ăn ân
ao au âu ac ắc âc ap ắp âp

- **Tập đọc có vần**

ai → vai phải	ay → hôm nay	ây → thầy cô
am → trái cam	ăm → nắm xôi	âm → nam châm
an → đàn hát	ăn → chăn trâu	ân → tay chân
ao → chào hỏi	au → lên tàu	âu → đi đâu
ac → nghe nhạc	ắc → mặc áo	âc → xôi gấc
ap → xe đạp	ắp → hạt bắp	âp → béo mập

** Thầy cô có thể thêm vào những từ khác liên kết với những vần trên để các em tập đọc*

- **Bài tập**

Tìm và gạch dưới những từ ở trên có vần:

ai, âm, ăn, ao, ắc, ay, âp, am, ao, au, ac, ân, ắp, âc, ây, ăm, ay, an

- **Đặt từ với những vần dưới đây:**

ai: _____ **âm:** _____ **ăn:** _____
ao: _____ **ắc:** _____ **ay:** _____
âp: _____ **am:** _____ **ao:** _____

au: _____ ac: _____ ân: _____
 ăp: _____ âc: _____ ây: _____
 ăm: _____ ay: _____ an: _____

• Tập đọc

Thầy cô cho các em tập đọc.

Gió Bắc

Gió bắc đã thổi về.
 Qua ngàn cây *xào xạc*.
 Mưa rơi rơi lác đác.
 Em mặc áo dày ghê,
 Mà vẫn thấy *giá rét*.

• Chính tả

Thầy cô đọc bài Gió Bắc cho các em viết chính tả.

• Bài tập

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **ac, ăc, âc**.
- Đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **ac, ăc, âc** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài.

- **Việt sử**

Con Rồng Cháu Tiên

Nguồn cội tổ tiên,
Từ thửa hoang sơ.
Có Lạc long Quân.
Cưỡi sóng vào bờ.
Lấy nàng tiên nữ.
Tên là Âu Cơ.
Sinh ra trăm trứng.
Ơn trời cho nở.
Trăm con *sởn sở*.

**Thầy cô đặt một vài câu hỏi liên quan đến bài “Con Rồng Cháu Tiên” cho các học sinh nhớ lại bài học*

- **Địa lí**

Việt Nam

Nước Việt Nam hình cong như chữ S, có ba thành phố lớn là: Hà Nội, Huế, Sài Gòn. Nước Việt Nam ở Đông Nam châu Á. Phía bắc giáp với nước Trung Hoa, phía tây giáp với nước Lào và nước Cambodia.

**Thầy cô đặt một vài câu hỏi liên quan đến “Việt Nam” cho các học sinh nhớ lại bài học.*

BÀI MỘT

- **Vần** **at** **ăt** **ât**
 Phát âm: a-tờ-at á-tờ-ăt ó-tờ-ât

Nguyên âm + Phụ âm → Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
a + t → at	phát quà (phờ-at-phat-sắc-phát quờ-a-qua-huyền-quà)
ă + t → ăt	giặt áo (giờ-ăt-giặt-nặng-giặt a-o-ao-sắc-áo)
â + t → ât	trật tự (trờ-ât-trât-nặng-trật tờ-u-tư-nặng-tự)

● Bài tập

- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu cho thích hợp với hình vẽ.

giặt áo - phát quà

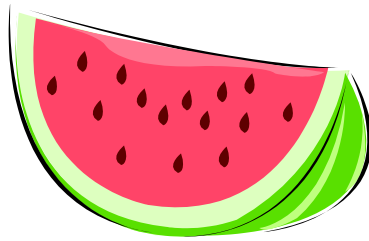
- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

ăt ần  Mẹ _____ quần	át em  _____ cho em
--	--

• **Em ráp vần**

b + at		bát (bờ-at-bat-sắc-bát)	bạt (bờ-at-bat-nặng-bạt)
h		hát	hạt
ph		phát	phạt
qu		quát	quạt

c + ât		cắt (cờ-ât-cât-sắc-cắt)	cật (cờ-ât-cât-nặng-cật)
m		mắt	mật
nh		nhất	nhật
qu		quất	quật



• **Bài tập**

Em đọc câu đặt sẵn	Em tập đặt câu bằng miệng
Chị em hay ca hát . Áo dài sát mặt đất . Cắt ki chớ để mắt .	... tắm mát cắt cây mật ong ...

• Tập đọc

Đi Phố

Hôm nay trời thật là mát mẻ. Bà dắt em đi phố. Bà nắm tay em thật chặt. Bà mua cho em mũ, giày, *tất*. Khi ra về, bà dẫn em đi ngõ tắt, rất gần.

• Bài tập

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **at, ăt, ât** của bài trên.
- Đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **at, ăt, ât** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài.

.....

.....

.....

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Cát kĩ, chớ để	
Mẹ em áo quần.	
Chị em hay ca	
Cô quà cho bé.	
Áo dài sát đất.	

- Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới.

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Mẹ dọn dẹp chén <u>bác</u> . Bà <u>các</u> kĩ đồ cổ. <u>Bát</u> em tên là Đạt. Căn nhà <u>chác</u> hẹp quá !	

- **Chính tả**

Thầy cô đọc bài “Đi Phố” cho các em viết chính tả.

- **Học thuộc lòng**

Đêm Hè

Đêm hè gió mát,
Mặt đất ẩm áp.
Bé ra sân cát,
Mẹ dắt vô nhà.

- **Giải nghĩa**

- **Tất:** Bì tất hay vớ. - **Đồ cổ:** Đồ xưa, vật dụng lâu đời.

Mật ngọt chết ruồi.

BÀI HAI

• **Vần**

Phát âm:

em

e-mờ-em

êm

ê-mờ-êm

im

i-mờ-im

Nguyên âm + Phụ âm → Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
e + m → em	cây kem (cờ-ây-cây ca-em-kem)
ê + m → êm	êm đêm (ê-mờ-êm đờ-êm-đêm-huyền-đêm)
i + m → im	im lìm (i-mờ-im lơ-im-lìm-huyền-lìm)

• Bài tập

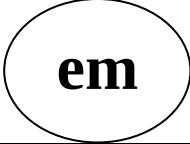
- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu cho thích hợp với hình vẽ.

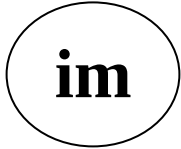
nằm nệm - thèm ăn

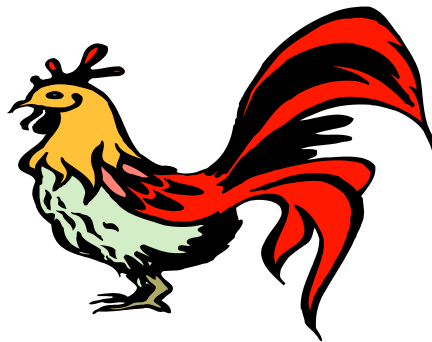
- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

êm ăm  _____ ngủ êm	em èm  Tý _____ kem
---	--

• **Em ráp vần**

k + em		kem <i>(ca-em-kem)</i>	kèm <i>(ca-em-kem-huyền-kèm)</i>
t		tem	tẹm
x		xem	xém
nh		nhem	nhẹm

l + im		lim <i>(lờ-im-lim)</i>	lìm <i>(lờ-im-lim-huyền-lìm)</i>
t		tim	tím
ch		chim	chìm
ph		phim	phím



• **Bài tập**

Em đọc câu đặt sẵn	Em tập đặt câu bằng miệng
Chị và em xem phim . Đêm thu thật êm đềm . Đôi mắt bé lim dim .	. . . cà rem nếm thức ăn chim hót . . .

• **Tập đọc**

Xem Phim

Đêm thu thật êm đềm. Ba chở Mai và Tâm đi xem phim. Rạp chiếu phim mát mẻ và im lặng. Ai nấy chăm chú xem phim. Khi ra về, ba cho chúng em ăn kem.

• **Bài tập**

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **em, êm, im** của bài trên.
- Đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **em, êm, im** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài.

.....

.....

.....

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Đôi mắt bé lim	
Tý thèm ăn	
Chị và em xem	
Nằm ngủ êm.	
Đêm thu thật . . .đềm.	

- Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới.

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Mai và Tâm <u>sem</u> phim. Rạp chiếu phim mát <u>mẽ</u> . Em <u>trăm</u> chú xem phim. Ba cho em ăn <u>cem</u> .	

- **Chính tả**

Thầy cô đọc bài "Xem Phim" cho các em viết chính tả.

- **Học thuộc lòng**

Về Nhà

Buổi học chiều đã tan.
Bạn và em về nhà.
Gió thổi nhẹ và êm.
Trên khóm cây **im lìm**.
Đàn chim bay về tổ.

- **Giải nghĩa**

- **Im lìm:** Hoàn toàn im lặng.

Có công mài sắt, có ngày nên kim.

BÀI BA

- **Vần** **en** **ên** **in**
 Phát âm: e-nờ-en ê-nờ-ên i-nờ-in

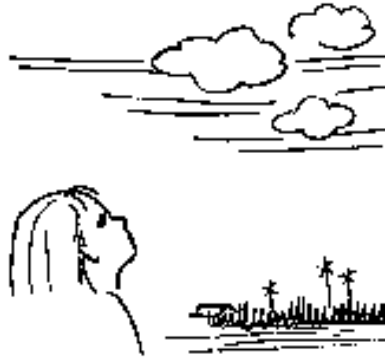
Nguyên âm + Phụ âm → Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
e + n → en	áo len (a-o-ao-sắc-áo lò-en-len)
ê + n → ên	ốc sên (ô-cờ-ôc-sắc-ốc sờ-ên-sên)
i + n → in	trái chín (trờ-ai-trai-sắc-trái chờ-in-chin-sắc-chín)

• Bài tập

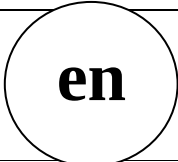
- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu cho thích hợp với hình vẽ.

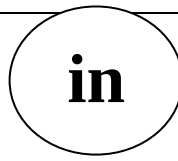
áo len - trên cao

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

en ăc  Em mặc _____	ây ên  Mây bay _____
---	---

• **Em ráp vần**

đ + en		đen (đờ-en-đen)	đen (đờ-en-đen-huyền-đen)
k		kén	kèn
m		men	mèn
ch		chen	chén

t + in		tin (tờ-in-tin)	tín (tờ-in-tin-sắc-tín)
x		xin	xỉn
v		vin	vịn
nh		nhìn	nhịn



• **Bài tập**

Em đọc câu đặt sẵn	Em tập đặt câu bằng miệng
Đèn đỏ chớ đi qua. Ba thắp nến làm lễ. Em xin phép ra lớp.	... làm quen đề tên vào vở nhìn mây bay ...

• Tập đọc

Chọn Bạn

“Gần mực thì đen,
Gần đèn thì sáng”.
Em nên chọn bạn,
Chăm chỉ nét na.
Yêu quý mẹ cha,
Kính thầy, mến bạn,
Mới là bạn ngoan.

• Bài tập

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **en, ên, in** của bài trên.
- Đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **en, ên, in** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài.

.....

.....

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

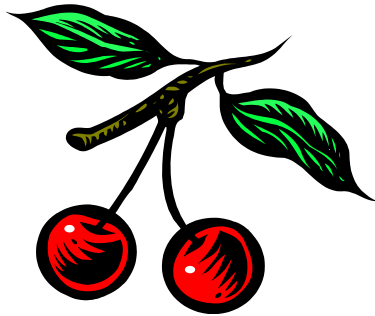
Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Ba thấp làm lễ.	
Em bé mặc áo	
. đồ chó đi qua.	
Bé nhìn mây cao.	
Em phép ra lớp.	

- **Viết sử**

Con Rồng Cháu Tiên

(Bài ôn)

Năm mươi cùng cha,
Hướng về biển Đông.
Dựng nước Văn Lang,
Hơn bốn ngàn năm.
Lưu truyền nòi giống,
Con Rồng cháu Tiên.



- **Bài hát**

Vòng Tròn

Vòng tròn có một **cái tâm**,
Cái tâm ở giữa vòng tròn.
Đi sao cho đều cho khéo,
Vòng tròn đừng méo đừng vuông.

- **Giải nghĩa**

- **Lưu truyền:** Truyền lâu dài tới đời sau. - **Cái tâm:** Điểm ở giữa vòng tròn.

Một sự nhịn, chín sự lành.

* Bài đọc thêm ở cuối sách.

BÀI BỐN

Ôn bài 1.

• Tập đọc có vần

at	ắt	ât
sân cát nóng rát. phát đạt thèm khát bát chè hạt sen thơm ngát.	cháu chắt tay bắt mặt mừng. sắp đặt dắt nhau bắt cá rô sắt.	bị mất lật đật giặt câu. lời thật mất lòng. có tật giật mình.

• Bài tập

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **at** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ắt** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ât** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.
- Đặt câu:

sân cát:

giặt áo:

ong mật:

Ôn bài 2.

• Tập đọc có vần

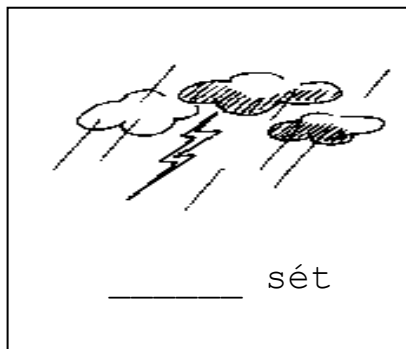
em	êm	im
Ba em cho xem con tem. Chị em thèm ăn li kem.	Đêm thu nằm nệm ngủ êm. Bên thềm chú Thềm nằm đếm sao đêm.	Chim tìm tổ chim. Ta tìm tổ tiên. Thím Ba thấy nhím nằm im.

• Bài tập

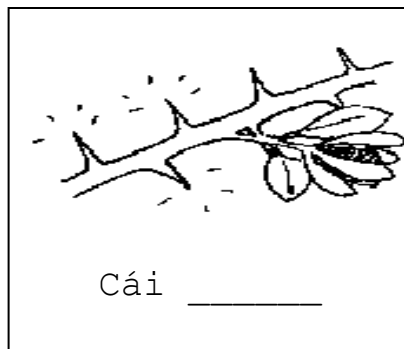
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **em** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **êm** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **im** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.

• Câu đố

1. Không gõ mà kêu.
Đó là gì ?



2. Không vót mà nhọn.
Đó là cái gì ?



Ôn bài 3.

• Tập đọc có vần

en	ên	in
Mẹ khen áo len đen đẹp, Mai then bẽn lẽn. Ven hồ hoa sen chen chúc.	Tên em là Mến, học lên lớp trên, đến bài ốc sên, nhên nhện.	Chú Chín để nhín một nghìn cho Thìn xin tiền in sách Đức Tin.

• Bài tập

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **en** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ên** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **in** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.
- Đặt câu:

tên em:

trái cam chín:

áo len:

- **Tập đọc - Chính tả**

Quý Mến Mẹ Cha

Từ sáng sớm, cha mẹ Mai đã phải thức dậy đi làm.
Chiều về đến nhà, mẹ sắp đặt việc làm có thứ tự.
Nào nấu ăn, giặt áo quần. Nào nhắc nhở các em làm bài.
Cha hãy còn ở sở. **Vất vả** vì con cái mà cha mẹ vẫn vui.
Em rất quý mến mẹ cha.

- **Bài tập**

- Tìm và gạch dưới từ đơn có vần **ăp, ăt, âp, em, ên**.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài.

.....

.....

.....

.....

- **Giải nghĩa**

- **Vất vả:** *Khó nhọc vì phải bỏ nhiều sức lực và tâm trí.* - **Con cái:** *Các con.*



Lời thật méch lòng.

BÀI NĂM

• **Vần**

Phát âm:

ep

e-pờ-ep

êp

ê-pờ-êp

ip

i-pờ-ip

Nguyên âm + Phụ âm → Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
e + p → ep	lễ phép (<i>lờ-ê-lê-ngã-lễ phờ-ep-phep-sắc-phép</i>)
ê + p → êp	đèn xếp (<i>đờ-en-đen-huyền-đen xờ-êp-xêp-sắc-xếp</i>)
i + p → ip	nhịp cầu (<i>nhờ-ip-nhip-nặng-nhip cờ-âu-câu-huyền-cầu</i>)

• **Bài tập**

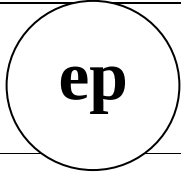
- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu cho thích hợp với hình vẽ.

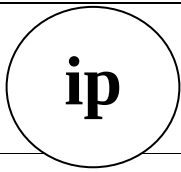
hai nhịp - lễ phép

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

ây ip  Cầu xây _____	ào ép  Mai chào _____
---	---

• Em ráp vần

d + ep		dép (đôi dép) <i>(dờ-ep-dép-sắc-dép)</i>	đẹp (dọn đẹp) <i>(dờ-ep-dép-nặng-đẹp)</i>
k		kép	cái kẹp
n		khép nép	cái nẹp
nh		Nhép (nhóp nhép)	nhẹp (ướt nhẹp)

h + ip		híp <i>(hờ-ip-hip-sắc-híp)</i>
b		bíp
k		kíp
nh		nhíp



• Bài tập

Em đọc câu đặt sẵn	Em tập đặt câu bằng miệng
Bà cho em dép đẹp . Em phụ mẹ làm bếp . Cô hát, em gõ nhịp .	khép cửaxếp áo quầnkịp giờ học ...

• Tập đọc

Đi Cẩn Thận

Tan học, bé xếp vở ra về. Bé đi dép *lep xep*. Đầu bé đội mũ đẹp. Hai cô bạn đã đi kịp bé. Các em chỉ đi qua lộ khi nào đèn cho người đi bộ bật sáng. Về đến nhà, bé lễ phép chào ông bà.

• Bài tập

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **ep, êp, ip** của bài trên.
- Đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **ep, êp, ip** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài.

.....

.....

.....

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Cô hát, em gõ	
Mai lễ chào bà.	
Bà cho Mai đẹp.	
Cây cầu xây hai	
Em phụ mẹ làm . . .	

- Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới.

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Bé <u>sếp</u> vỡ ra về. Bé đi dép lẹp <u>xet</u> . Bé đội mũ <u>det</u> . Hai bạn đã đi <u>kiệp</u> bé. Bé lễ phép <u>trào</u> ông bà.	

- **Chính tả**

Thầy cô đọc bài "Đi Cẩn Thận" cho các em viết chính tả.

- **Học thuộc lòng**

Đôi Dép Đẹp

Chú Chín về nghỉ phép.
Chú cho bé đôi dép.
Bé mê đôi dép đẹp,
Bé đi lẹp xẹp, lẹp xẹp.

- **Giải nghĩa**

- *Lẹp xẹp*: Tiếng dép đi trên nền gạch.

Đời cha ăn mặn, đời con khát nước.

BÀI SÁU

- **Vần** **et** **ê** **it**
Phát âm: e-tờ-et ê-tờ-ê i-tờ-it

Nguyên âm + Phụ âm → Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
e + t → et	gâm thét (<i>gờ-âm-gâm huyền-gâm thờ-et-thet-sắc-thét</i>)
ê + t → êt	dệt vải (<i>dờ-ê-t-dê-t-nặng-dệt vờ-ai-vai-hỏi-vải</i>)
i + t → it	trái mít (<i>trờ-ai-trai-sắc-trái mờ-it-mít-sắc-mít</i>)

• Bài tập

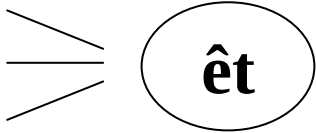
- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu cho thích hợp với hình vẽ.

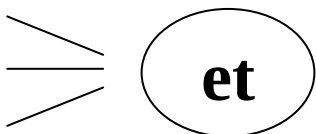
quét nhà - con vịt

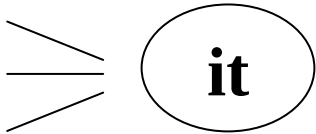
- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

em ét  Bà em _____	ít ạp  _____ kêu cạp! cạp!
--	---

• **Em ráp vần**

b + êt		bết (bờ-ê-t-bết-sắc-bết)	bệt (bờ-ê-t-bệt-nặng-bệt)
h		hết	hệt
m		mết	mệt
ch		chết	chệt

k + et		két (kờ-et-ket-sắc-két)	kệt (kờ-et-ket-nặng-kệt)
k		hết	hệt
t		tét	tệt
ch		chét	chệt

m + it		mít (mờ-it-mít-sắc-mít)	mịt (mờ-it-mít-nặng-mịt)
t		tít	tịt
v		vít	vịt
th		thít	thịt

• **Em vui hát**

Cò ke cót két
 Đi chợ mua két
 Về cho em chơi
 Cu ki cút kít
 Đi chợ mua mít
 Về cho em ăn.

• **Bài tập**

Em đọc câu đặt sẵn	Em tập đặt câu bằng miệng
Em phụ mẹ quét nhà. Bà đã về quê ăn Tết . Em thèm ăn trái mít .	... la hét con rết thịt vịt ...

• **Tập đọc**

Về Quê

Má dẫn bé về quê ăn Tết.
 Ở quê có vịt kêu cạp cạp, chó sủa gâu gâu.
 Bé sợ chó khóc thét. Bà dỗ bé nín.
 Ai cũng mến bé vì ít khi bé khóc nhè.

• **Bài tập**

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **et, êt, it** của bài trên.
- Đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **et, êt, it** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm đúng như trong bài.

.....

.....

.....

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Em thèm ăn trái	
Conkêu cạp! cạp!	
Em phụ mẹnhà.	
Bà về quê ăn	
Chị em lo vãi.	

- Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới.

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Bé về quê ăn <u>Tế</u> c. <u>Vic</u> kêu cạp cạp. Bé sợ chó khóc <u>théc</u> . Ai cũng mến <u>be</u> . Bà <u>giở</u> bé nín.	

- **Chính tả**

- Thầy cô đọc bài "Về Quê" cho các em viết chính tả.

- **Học thuộc lòng**

Sấm Sét

Mây kéo về đen nghịt,
Mù mịt cả bầu trời.
Mưa lớn rơi, sấm sét.
Gió gầm thét gần xa.
Cả nhà đều sợ sét.

- **Giải nghĩa**

- **Sấm:** Tiếng nổ do sự dẫn nổ không khí bị đốt nóng bởi sét.
- **Sét:** Ánh sáng sinh ra do phản ứng điện giữa hai đám mây hay giữa đám mây và mặt đất.

Cái nết đánh chết cái đẹp.

BÀI BẢY

Ôn bài 5.

• Tập đọc có vần

ep	êp	ip
Dép Tâm quá đẹp. Lẹp kẹp ngõ hẹp. Vào bếp khép nép bên mẹ.	Con rệp nằm êp. Thếp giấy xếp xó. Gấp nếp xếp đèn Trung Thu.	Cây cầu hai nhịp. Con chim bìb bìp. Cả nhà rộn rịp cho kịp về quê.

• Bài tập

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ep** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **êp** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ip** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.

- Đặt câu

xếp vở:

lễ phép:

đi học kịp giờ:

Ôn bài 6.

• Tập đọc có vần

et	ê	it
Má ghét người say be bét. Quá rét nghệt mũi bé hét, khóc thét.	Năm hết Tết đến, sơn phết cho hết vết dơ. Kết bạn nết na.	Mù mịt đen kịt. Trẻ nít thút thít. Trái mít, trái quýt chỉ chít.

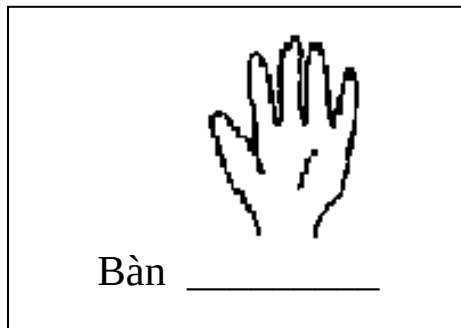
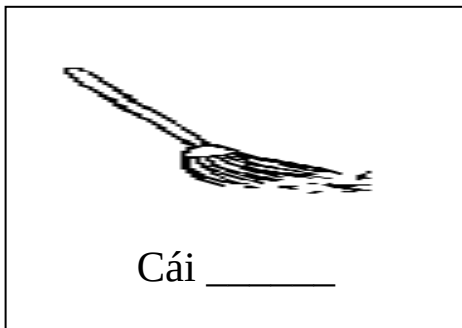
• Bài tập

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **et** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ê** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **it** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.

• Câu đố

1. Ở nhà có cái gì
hay la liêm ?

2. Một cây mà có năm cành.
Nhúng nước thì héo, để dành thì tươi.
Đố là cái gì ?



• Tập đọc - Chính tả

Có Lễ Phép

Ông bà khen cháu Mai xinh đẹp và lễ phép.

Mỗi khi đi đâu, Mai xin phép mẹ cha. Ở nhà, Mai nói lời dịu dàng, hay giúp đỡ kẻ nghèo khó. Mai thật thà, ***nết na***, luôn chăm chỉ học để theo kịp bạn. Mai còn phụ mẹ nấu bếp. Ông bà và cha mẹ rất vui.

• Bài tập

- Tìm và gạch dưới từ đơn có vần **ep, êp, ip, êt**.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài.

.....

.....

.....

- Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới.

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Mai thật lễ <u>phép</u> . Tâm xếp <u>dở</u> ra về. Mai phụ mẹ làm <u>bết</u> . Cả nhà rộn <u>rit</u> về quê. <u>Thích</u> để lâu hư thối.	



Việt sử

Chử Đồng Tử *

Vua Hùng thứ ba.
Có một công chúa,
Tên là Tiên Dung.
Nàng rất xinh đẹp.
Vào tiết tháng ba.
Đạo chơi bên sông,
Gặp Chử Đồng Tử,
Kết duyên vợ chồng.
Hai người học đạo.
Tiên ban phép lạ.

• Bài hát

Ngón Tay Nhúc Nhích

Một ngón tay nhúc nhích này, (2 lần)
Một ngón tay nhúc nhích cũng đủ cho ta vui rồi.
Hai ngón tay nhúc nhích này, (2 lần)
Hai ngón tay nhúc nhích, nhúc nhích
cũng đủ cho ta vui rồi.
Ba ngón tay nhúc nhích này, (2 lần)
Ba ngón tay nhúc nhích, nhúc nhích, nhúc nhích
cũng đủ cho ta vui rồi.
Bốn ngón tay nhúc nhích

• Giải nghĩa

- *Nét na: Có tính tốt.*

<i>Ăn ngay nói thật, mọi tật mọi qua</i>

BÀI TÁM

• Vần

Phát âm:

eo

e-o-eo

êu

ê-u-êu

iu

i-u-iu

Nguyên âm + Nguyên âm → Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
e + o → eo	cái kéo (cờ-ai-cai-sắc-cái ca-eo-keo-sắc-kéo)
ê + u → êu	áo thun (a-o-ao-sắc-áo thờ-êu-thêu)
i + u → iu	lú lo (lờ-iu-liu-sắc-lú lờ-o-lo)

• Bài tập

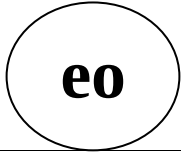
- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu cho thích hợp với hình vẽ:

nhỏ xíu - trèo cây

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

ân iu  Bé có nhần _____	êu ây  Con mèo _____
---	---

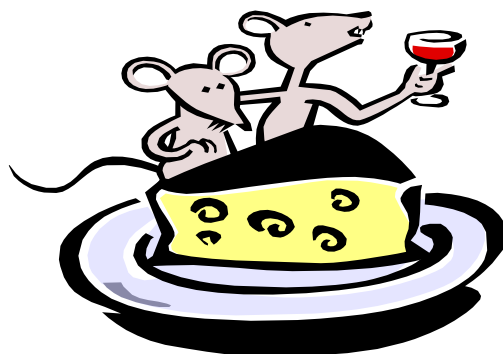
• Em ráp vần

b + eo		béo (bờ-eo-beo-sắc-béo)	bèo (bờ-eo-beo-huyền-bèo)
k		kéo	kẹo
m		mèo	méo
th		theo	thẹo

d + iu		diu (dờ-iu-diu-huyền-diu)	điu (dờ-iu-diu-nặng-điu)
t		tiu	tíu
x		xíu	xìu
ch		chíu	chịu

• Bài tập

Em đọc câu đặt sẵn:	Em tập đặt câu bằng miệng:
Bé theo bà đi chợ. Cô Tám thêu khăn đẹp. Chớ nên ăn đồ thiu .	... con mèo mếu máo lú lo ...



• Tập đọc

Con Mèo

Nhà em có con mèo.
 Ban ngày thiu thiu ngủ.
 Tối đến hay leo trèo.
 Chuột nghe sợ khiếp vía.
 Khi mèo kêu meo meo.

• Bài tập

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **eo, êu, iu** của bài trên.
- Em đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **eo, êu, iu** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

.....

.....

.....

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Bé bà đi chợ. Chó nên ăn đồ Con mèo hay trèo. Cô Tám khăn đẹp. Bé có nhãn nhỏ	

- Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới:

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Con <u>mều</u> ở nhà em. Mèo hay <u>siu siu</u> ngủ. Tối đến mèo leo <u>chèo</u> . Chuột <u>nge xơ</u> khiếp vía. Vì mèo kêu <u>mêu mêu</u> .	

- **Chính tả**

- Thầy cô đọc bài "Con Mèo" cho các em viết chính tả.

- **Học thuộc lòng**

Mèo Kêu

Con mèo kêu meo meo.
Con heo kêu ụt ịt.
Chim vui hót **lú lo**.
Ồ, ó, o, o, o !
Là con gà cồ gáy.

- **Giải nghĩa**

- **Lú lo:** Tiếng chim hót với nhiều âm thanh cao, trong và liên tiếp nhau nghe vui tai.

Ăn bát cơm dẻo, nhớ nẻo đường đi.

BÀI CHÍN

- **Vần** **ec** **oc** **ôc**
 Phát âm: e-cờ-ec o-cờ-oc ô-cờ-ôc

Nguyên âm + Phụ âm → Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
e + c → ec	con kéc (cờ-on-con ca-ec-kec-sắc-kéc)
o + c → oc	khóc lóc (khờ-oc-khoc-sắc-khóc lờ-oc-loc-sắc-lóc)
ô + c → ôc	ốc sên (ô-cờ-ôc-sắc-ốc sờ-ên-sên)

• Bài tập

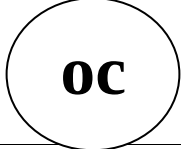
- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu dưới hình vẽ cho thích hợp :

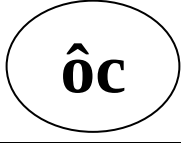
khóc nhè - Ốc sên

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

óc âm  Bé Tâm _____	Ốc âm  _____ bò chậm.
---	--

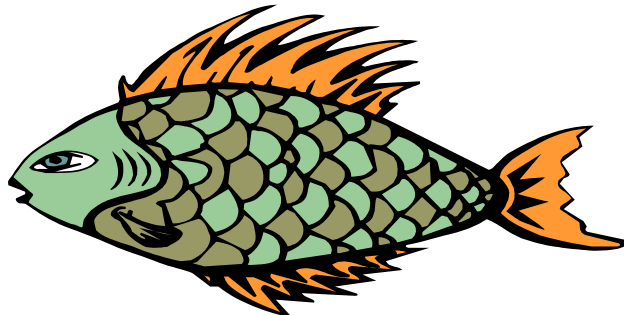
• Em ráp vần

c + oc		cóc (cờ-oc-coc-sắc-cóc)	cọc (cờ-oc-coc-nặng-cọc)
b		bóc	bọc
nh		nhóc	nhọc
th		thóc	thọc

đ + ôc		đốc (đờ-ôc-đôc-sắc-đốc)	độc (đờ-ôc-đôc-nặng-độc)
h		hóc	học
m		móc	mộc
t		tóc	tộc

• Bài tập

Em đọc câu đặt sẵn:	Em tập đặt câu bằng miệng:
Ba làm việc nhọc nhằn. Lên đốc , xe chạy chậm. Con lợn kêu eng éc .	. . . học trò gốc cây thọc léc . . .



• Tập đọc

Về Quê Chơi

Ngày hè nghỉ học, bà dắt bé về quê chơi.
 Bé rất vui thấy con kéc mỏ đỏ. Nó kêu kéc! kéc!
 Một con cóc ở gốc cây nhảy ra làm bé sợ khóc.
 Bà dỗ bé nín. Bà chỉ bé xem con ốc sên bò trên cây.

• Bài tập

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **ec, oc, ôc** của bài trên.
- Em đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **ec, oc, ôc** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

.....

.....

.....

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Lên . . . , xe chạy chậm. sên bò chậm. Ba làm việc nhàn. Bé Tâm hay nhè. Con lợn kêu eng . . . !	

- Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới:

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
<u>Ngỉ</u> học, bé về quê chơi. Con <u>céc</u> có mỏ màu đỏ. <u>Kóc</u> trong hang nhảy ra. Con ốc sên bò <u>trâm</u> .	

- **Chính tả**

- Thầy cô đọc bài "Về Quê Chơi" cho các em viết chính tả.

- **Học thuộc lòng**

Còn Bé

Còn bé, em hay khóc,
Đến nay em vui học:
Nòng nọc ở dưới ao,
Lớn lên là con cóc.
Con kéc có mỏ đỏ.
Ốc sên bò rất chậm.

- **Giải nghĩa**

- *Nòng nọc*: Loại ếch hay nhái con ở giai đoạn mới sinh trưởng, sống dưới nước, thở bằng mang và có đuôi.

Cái răng, cái tóc là vóc con người.

BÀI MƯỜI

• Vần

Phát âm:

ia

i-a-ia

oa

o-a-oa

oe

o-e-oe

Nguyên âm + Nguyên âm → Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
i + a → ia	bìa vở (bờ-ia-bia-huyền-bìa vở-ơ-vơ-hỏi-vở)
o + a → oa	ổ khóa (ô-hỏi-ổ khờ-oa-khoa-sắc-khóa)
o + e → oe	xòe tay (xờ-oe-xoe-huyền-xòe tờ-ay-tay)

• Bài tập

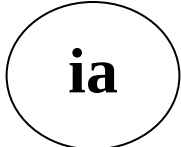
- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu dưới hình vẽ cho thích hợp :

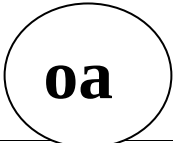
bìa vở - khóe mắt

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

ìa ên  Ghi tên vào _____	ắt óe  Lệ trên _____
--	--

• Em ráp vần

k + ia		kia <i>(ca-ia-kia)</i>	kìa <i>(ca-ia-kia-huyền-kìa)</i>
b		bia	bìa
ch		chia	chĩa
ph		phía	phịa

l + oa		loa <i>(lờ-oa-loa)</i>	lóa <i>(lờ-oa-loa-sắc-lóa)</i>
h		hóa	hòa
x		xoa	xóa
kh		khoa	khóa

• Bài tập

Em đọc câu đặt sẵn:	Em tập đặt câu bằng miệng:
Cái áo kia đẹp hơn. Hoa hậu Hoa Kỳ. Vở ướt, chữ bị nhòe .	... kia kì chìa khóa bé khoe ...



• Tập đọc

Bé Khỏe

Mẹ vui vì bé khỏe.
 Đôi mắt bé tròn xoe.
 Má hồng như thoa phấn.
 Kia! miệng bé cười toe!
 Chân và tay bụ bẫm.
 Ít khi bé khóc nhè.

• Bài tập

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **ia, oa, oe** của bài trên.
- Em đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **ia, oa, oe** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

.....

.....

.....

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Cái áo đẹp hơn. Vở ướt, chữ bị Lệ rơi trên mắt. Em ghi tên vào vở. Hoa hậu Kỳ.	

- **Việt sử**

Sự Tích Trầu Cau *

Anh em họ Cao,
Thương nhau đậm đà,
Không muốn lìa xa.
Lúc anh cưới vợ,
Em buồn đi xa,
Đến bờ sông sâu,
Chết thành hòn đá.
Nhớ em lòng đau,
Anh tìm đến đó,
Chết thành cây cau.
Vợ buồn đến sau,
Chết thành dây trầu.

(xem tiếp trang 63)

- **Bài hát**

Em Yêu Ai ?

Nếu hỏi rằng: Em yêu ai?
Thì em rằng: em yêu Ba nè.
Thì em rằng: em yêu Má nè.
Yêu chị, yêu anh, yêu hết cả nhà....
Nhưng nhất là yêu má cơ!

Hùng Lân
(xem tiếp trang 63)

<i>Kiến tha lâu đây tổ.</i>

* Bài đọc thêm ở cuối sách.

BÀI MUỖI MỘT

Ôn bài 8.

• Tập đọc có vần

eo	êu	iu
Con mèo leo trèo cây cao. Bé Tèo khéo léo vẽ theo con mèo.	Áo thêu đều chỉ màu rêu. Cò, sếu cao nghều, cao nghệu.	Gió thổi hiu hiu, bé thiú thiú ngủ. Ba có cái riu nhỏ xíu.

• Bài tập

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **eo** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **êu** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **iu** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.
- Đặt câu.

con mèo:

áo thêu:

liú lo:

Ôn bài 9.

• Tập đọc có vần

ec	oc	ôc
Kéc kêu kéc kéc. Ở quê heo kêu eng éc.	Con cóc nhảy phóc bé khóc. Chị Ngọc chăm học nhọc nhằn.	Trèo dốc một chốc thở dốc. Gió lốc làm tróc gốc cây.

• Bài tập

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ec** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **oc** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ôc** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.

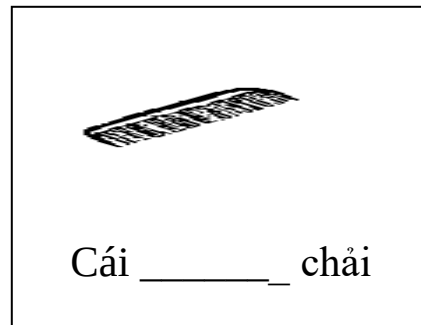
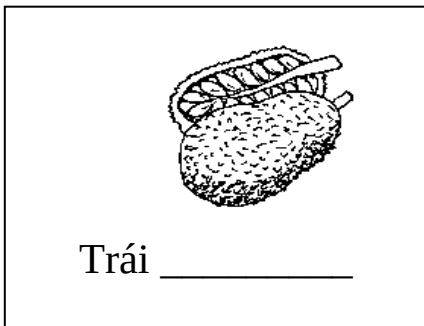
• Câu đố

1. Da cóc mà bọc trứng gà,
Mở ra thơm nức cả nhà muốn ăn.

Đố là trái gì ?

2. Cái gì mà có nhiều răng,
Con gái thì thích, nhà sư chẳng dùng.

Đố là cái gì ?



Ôn bài 10.

• Tập đọc có vần

ia	oa	oe
Kìa cá lia thia đỏ tía. Kìa kìa chìa khóa roi trên vía hè.	Nói ngoa khoa tay xí xóa. Mùi hoa tỏa khắp tòa nhà bác Khoa.	Mẹ khoe bé khỏe. Bé cười toe toét, đôi mắt tròn xoe.

• Bài tập

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ia** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **oa** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **oe** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.
- Đặt câu.

đỏ tía :

mùi hoa :

xòe tay :

- **Tập đọc - Chính tả**

Bé Khoa

Hãy coi kìa! Bé Khoa trông khỏe mạnh và lanh lẹ.
Ngày ngày Khoa theo cha dạy chim kéc học nói.
Chim líu lo như trẻ nhỏ. Nhưng chốc chốc nó lại kêu kéc kéc.
Vào nhà, Khoa khoe mẹ: "Mẹ à! Con kéc biết nói rồi".

- **Bài tập**

- Tìm và gạch dưới từ đơn có vần **eo, êu, iu**.
- Tìm và gạch dưới từ đơn có vần **ec, oc, ôc**.
- Tìm và gạch dưới từ đơn có vần **ia, oa, oe**.
 - Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

.....

.....

- **Chính tả**

Thầy cô đọc bài "Bé Khoa" cho các em viết chính tả.

- **Địa lí**

Bờ Biển Việt Nam

Bờ biển nước Việt Nam dài 3.444 km. Có nhiều hải cảng tốt là Hải Phòng, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang, Cam Ranh và Vũng Tàu.

(Xem bản đồ trang 101)

Thương người như thể thương thân.

BÀI MƯỜI HAI

- **Vần** **oi** **ôi** **ơ**
 Phát âm: o-i-oi ô-i-ôi ơ-i-ơi

Nguyên âm + Nguyên âm → Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
o + i → oi	học giỏi (hờ-oc-hoc-nặng-học giờ-oi-gioi-hỏi-giỏi)
ô + i → ôi	cái gối (cờ-ai-cai-sắc-cái gờ-ôi-gôi-sắc-gối)
ơ + i → ơi	phơi áo (phờ-ơi-phơi a-o-ao-sắc-áo)

• Bài tập

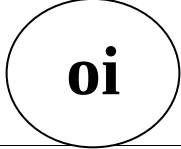
- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu dưới hình vẽ cho thích hợp :

học giỏi - phơi áo

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

ôi ỏi  Em Khôi _____	ộc ơi  Chị Lộc _____
---	--

• **Em ráp vần**

c + oi		coi (cờ-oi-coi)	còi (cờ-oi-coi-huyền-còi)
g		gỏi	gọi
v		voi	vọi
ng		ngói	ngòi

đ + ôi		đôi (đờ-ôi-đôi)	đòi (đờ-ôi-đôi-huyền-đòi)
t		tôi	tối
kh		khôi	khối
ph		phôi	phối

• **Bài tập**

Em đọc câu đặt sẵn:	Em tập đặt câu bằng miệng:
C òi xe nghe ch ói tai. Gió th ối ngã cây. Có học phải có ch ơi	... nói đôi đi chơi ...



• Tập đọc

Giờ Ra Chơi

Chuông báo giờ ra chơi.
 Cô giáo vừa cho phép.
 Em liền ra sân chơi.
 Nhảy dây ở một nơi.
 Chạy đua la ơi ơi.
 Nắng trưa thì chói lọi,
 Chẳng ai ngồi nghỉ ngơi.

• Bài tập

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **oi, ôi, ơ** của bài trên.
- Em đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **oi, ôi, ơ** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

.....

.....

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Còi xe nghe tai.	
Chị Lộc áo.	
Có học phải có.	
Em Khôi giỏi.	
Gió mạnh . . . ngã cây.	

- Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới:

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Em ra sân <u>trơi</u> . Nhảy <u>giây</u> ở một nơi. <u>Tray</u> đưa la ới ới. Nắng <u>chưa</u> thì <u>trói</u> lại.	

• Chính tả

Thầy cô đọc bài "Giờ Ra Chơi" cho các em viết chính tả.

• Học thuộc lòng

Buổi Tối ở Quê

Ở quê khi trời tối,
Tôi ngồi chơi trên đồi.
Hiu hiu làn gió thổi,
Đế kêu ran khắp lối,
Đom đóm bay **lập lòe**,
Xa xa nghe chó sủa.

• Giải nghĩa

- **Hiu hiu**: Gió thổi nhẹ, từng hồi. - **Lập lòe**: Ánh sáng khi lóe lên khi mờ đi.

Lá rụng về cội.

Kì thi giữa khóa

Bài thi mẫu cấp 3

Thầy cô dùng bài thi mẫu này để soạn đề thi mà các em đã học trong những tháng vừa qua.

I- Chính tả (40 điểm).

Viết một trong hai bài "Tập đọc" hoặc "Tập đọc - Chính tả" do thầy cô chỉ định trước cho các em ôn thi.

- Câu hỏi:

- Tìm và gạch dưới từ có vần trong bài chính tả.
(Chọn bài có từ 5 đến 6 vần như: êu, oc, ơn . . .)

- Chép lại những từ vừa tìm có vần đúng như trong bài.

.....
.....

II- Viết lại cho đúng chính tả (8 điểm).

Viết lại cho đúng chính tả 8 câu có từ viết sai.
(Tìm những câu có từ viết sai từ bài 1 đến bài 11)

Thí dụ:

Tôi đến mèo hay leo chèo.

1. Tôi đến mèo hay leo trèo

2.

3.

4.

5.

6.

7.

8.

III- Điền vào chỗ trống. (10 điểm).

Chọn 4 hay 5 từ để điền vào chỗ trống theo bài "Tập đọc" hoặc "Tập đọc - Chính tả".

Thí dụ:

leo trèo, thiu, nhỏ, meo meo.

Con Mèo Nhà Em

Con mèo nhà em còn Nó thiu ngủ cả ngày. Tối đến nó hay
..... Lũ chuột rất sợ mỗi khi nghe mèo kêu

IV- Học thuộc lòng (20 điểm).

Chép lại một trong hai bài Học Thuộc Lòng đã được thầy cô chỉ định trước.

Đề bài 1:

Đề bài 2:

V- Đặt câu (10 điểm).

Chọn 3 từ để cho các em đặt một câu ngắn với những từ ấy.
(Chọn các từ trong bài số 1 đến 8)

Thí dụ:

- Đi chợ.

Hôm nay, em theo mẹ **đi chợ** mua trái cây.

1-

.....

2-

.....

3-

.....

VI- Địa lí (6 điểm).

Chọn một bài hay một đoạn địa lí để các em tìm hiểu, sau đó sẽ trả lời 2 hoặc 3 câu hỏi.

Thí dụ:

Việt Nam

Nước Việt Nam hình cong như chữ S, có ba thành phố lớn là: Hà Nội, Huế và Sài Gòn.

- Câu hỏi:

1. Kể tên những thành phố lớn của nước Việt Nam ?
2. ?
3. ?

VII- Việt sử (6 điểm).

Chọn một bài hay một đoạn Việt sử để các em tìm hiểu, sau đó sẽ trả lời 2 hoặc 3 câu hỏi.

Thí dụ:

Con Rồng Cháu Tiên

.....

Sinh ra trăm trứng.

Ơn trời cho nở,

Trăm con sồn sồn.

Năm mươi con thơ,

Theo mẹ lên non.

.....

- Câu hỏi:

1. Mẹ Âu Cơ sinh ra bao nhiêu con ?
2. ?
3. ?

BÀI MƯỜI BA

- **Vần** **om** **ôm** **ơm**
 Phát âm: o-mờ-om ô-mờ-ôm ơ-mờ-ơm

Nguyên âm + Phụ âm → Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
o + m → om	lom khom (lờ-om-lom khờ-om-khom)
ô + m → ôm	gối ôm (gờ-ô-i-gô-i-sắc-gối ô-mờ-ôm)
ơ + m → ơm	hạt cơm (hờ-at-hat-nặng-hạt cờ-ơ-m-cơm)

• Bài tập

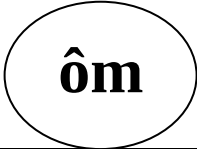
- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu dưới hình vẽ cho thích hợp :

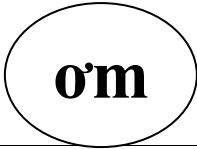
lom khom - gối ôm

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

là om  Cụ già đi _____	ôi ôm  Cái _____ dài.
---	---

• Em ráp vần

g + ôm		gôm (gờ-ôm-gôm)	gồm (gờ-ôm-gôm-huyền-gồm)
h		hôm	hồm
ch		chôm	chồm
nh		nhôm	nhồm

b + ơm		bơm (bờ-ơm-bơm)	bờm (bờ-ơm-bơm-huyền-bờm)
c		cơm	cờm
r		rom	rờm
nh		nhơm	nhờm

• Bài tập

Em đọc câu đặt sẵn:	Em tập đặt câu bằng miệng:
Mẹ lom khom hái rau. Bác Khôi gầy ốm . Trái mít quá thơm .	... trái khóm con tôm bát cơm ...



Tập đọc

Bà Bị Ốm

Hôm qua bà bị ốm.
Bà ăn chẳng được cơm.
Cả nhà đều lo ngại.
Mẹ ân cần chăm nom,
Đưa bà đi bác sĩ.
Hôm nay bà khỏe hơn.
Cả nhà đều vui mừng.

• Bài tập

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **om, ôm, ơ** của bài trên.
- Em đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **om, ôm, ơ** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

.....

.....

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Mẹ lom hái rau.	
Cái gối dài.	
Bác Khôi gầy	
Cụ già khom.	
Trái mít quá	

- Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới:

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Bà em bị <u>ố</u> n hôm qua. Bà ăn <u>cô</u> m không được. Mẹ em <u>trắ</u> m nom bà. Mẹ em dậy thật <u>xó</u> m. Nấu <u>tráo</u> mời bà ăn.	

• Chính tả

Thầy cô đọc bài "Bà Bị Ốm" cho các em viết chính tả.

• Học thuộc lòng

Ngày Mùa

Hôm qua em thăm quê.
Trong gió mới thổi về,
Ngọt ngào mùi thơm lúa.
Với tiếng cười *hả hê*,
Dân làng *lom khom* gặt,
Mừng vui chờ thóc về.

• Giải nghĩa:

- *Hả hê*: Vui sướng thích thú. - *Lom khom*: Tư thế cong lưng xuống.

Sau cơn mưa, trời lại nắng.

BÀI MƯỜI BỐN

- **Vần** **on** **ôn** **ơn**
 Phát âm: o-nờ-on ô-nờ-ôn ơ-nờ-ơn

Nguyên âm + Phụ âm → Vần	Em học từ (tiếng) Phụ âm / Vần
o + n → on	cái nón (cờ-ai-cai-sắc-cái nờ-on-non-sắc-nón)
ô + n → ôn	bốn chân (bờ-ôn-bôn-sắc-bốn chờ-ân-chân)
ơ + n → ơn	cao lớn (cờ-ao-cao lơ-ơn-lơ-sắc-lớn)

• Bài tập

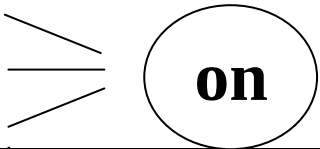
- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu dưới hình vẽ cho thích hợp :

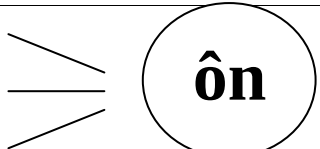
đội nón - bốn chân

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

ón ôn  Bác Côn _____	ơn ôn  Con lợn có _____
---	---

• Em ráp vần

c + on		con (cờ-on-con)	còn (cờ-on-con-huyền-còn)
đ		đón	đòn
ng		ngon	ngon
tr		tròn	trộn

h + ôn		hôn (hờ-ôn-hôn)	hồn (hờ-ôn-hôn-huyền-hồn)
t		tôn	tồn
ch		chôn	chôn
kh		khôn	khôn

• Bài tập

Em đọc câu đặt sẵn:	Em tập đặt câu bằng miệng:
Bát sạch thì ngon cơm. Mẹ ôm hôn em bé. Ba và em sơn nhà.	. . . ngon cây. nhận nhịp cao hơn . . .



- **Tập đọc**

Bàn Tay

Bàn tay em năm ngón.
Có ngón ngắn, ngón dài.
Như anh em một nhà,
Có kẻ hơn người kém.
Nhưng cùng một mẹ cha.
Phải yêu thương *đoàn kết*.
Mới thật là khôn ngoan.

- **Bài tập**

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **on, ôn, ơn** của bài trên.
- Em đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **on, ôn, ơn** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

.....

.....

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Bát sạch thì cơm.	
Ba và em nhà.	
Con lợn có chân.	
Mẹ ôm bé.	
Bác Côn đội lá.	

- **Việt sử**

Sự Tích Trầu Cau *

(Tiếp theo trang 44)

Trầu, cau, đá vôi,
Nhai lẫn với nhau,
Lên màu đỏ thắm.
Vua Hùng thứ tư,
Truyền cho dân chúng,
Cười hỏi nên dùng,
Trầu cau dâng lễ.
Chỉ lòng *thủy chung*.

- **Bài hát**

Em Yêu Ai ?

(Tiếp theo trang 44)

Nếu hỏi rằng: Em yêu ai?
Thì em rằng: Em yêu Ông nè.
Thì em rằng: Em yêu Bà nè.
Bác, Dì, Cậu, Cô, yêu hết họ hàng....
Nhưng nhất là yêu Bà cơ.

Hùng Lân

(xem tiếp trang 79)

- **Giải nghĩa**

- **Đoàn kết:** Gắn bó với nhau thành một nhóm và hoạt động với cùng một mục đích.
- **Thủy chung:** Trước sau như một, không thay đổi.

Con hơn cha là nhà có phúc.

* Bài đọc thêm ở cuối sách.

BÀI MƯỜI LĂM

Ôn bài 12.

• Tập đọc có vần

oi	ôi	ơ
Ba nói học giỏi thì khỏi sợ đói. Bé coi con voi có vôi.	Ông nội ngồi dậy đội mũ đi hội. Xa xôi chớ chối nguồn cội.	Trời cao sao rơi khắp nơi. Lời nói thức thời cho đời phấn khởi.

• Bài tập

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **oi** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ôi** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ơ** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.
 - Đặt câu.

bé coi:

ông nội:

bơi giỏi:

Ôn bài 13.

• Tập đọc có vần

om	ôm	ơ
Cụ già lom khom chăm nom khóm trúc. Dòm ngó mồm chó đen ngòm.	Hôm nay bé ôm bà ôm. Chiều hôm gió nồm, ngồi xồm, ăn côm.	Tóc Bờm lởm chởm dị hợm. Nồi cơm chín thơm, đơm cơm cho sớm.

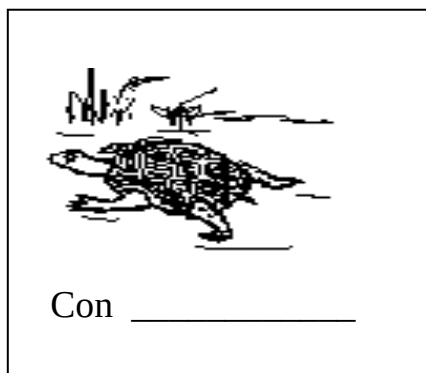
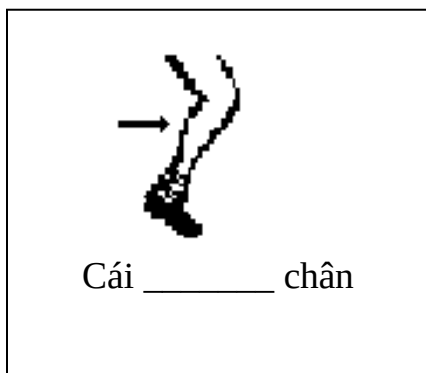
• Bài tập

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **om** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ôm** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ơ** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.

• Câu đố

1. Lưng đằng trước bụng đằng sau,
Hai mắt bên dưới, cái đầu ở trên.
Đó là cái gì ?

2. Con gì áo giáp che thân,
Tính hay ẹ thẹn, đầu chân thụt thò.
Đó là con gì ?



Ôn bài 14.

• Tập đọc có vần

on	ôn	ơn
Trẻ con lon ton đón mẹ. Có con chim non vẫn còn véo von.	Ra chốn phồn hoa bôn ba bận rộn. Nhớ chốn nông thôn tử tốn.	Bạn Sơn hớn hở đùa giỡn. Con lợn của Sơn to lớn hơn cả.

• Bài tập

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **on** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ôn** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ơn** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.
- Đặt câu.

con cò :

bận rộn :

son nhà :

• Tập đọc - Chính tả

Mưa lớn

Hôm nay trời oi ả khác lạ. Báo hiệu sắp có cơn mưa lớn. Mây kéo về đen nghịt. Cả bầu trời tối om như ban đêm. Mưa bắt đầu rơi **lác đác** rồi ào ào như thác đổ. Sấm nổ rền, chớp chói lòa làm trẻ con sợ hãi.

Sau cơn mưa, cây cối như được tắm gội sạch sẽ. Khí trời mát mẻ trở lại.

• Bài tập

- Tìm và gạch dưới từ đơn có vần **oi, ôi, ời**.
- Tìm và gạch dưới từ đơn có vần **om, on, ơn**.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

=====

=====

• Địa lí

Khí Hậu Việt Nam

Nước Việt Nam ở vùng nhiệt đới nên có **khí hậu** nóng và ẩm thấp. Nhờ hai phía giáp biển nên mùa nóng không nóng quá, mùa lạnh không lạnh quá.

(xem tiếp trang 83)

• Giải nghĩa

- **Lác đác**: Thưa thớt, ít ỏi.
- **Khí hậu**: Tình hình chung về thời tiết của một vùng.

Ăn kĩ no lâu, cày sâu tốt lúa.

BÀI MƯỜI SÁU

• Vần

Phát âm:

op

o-pờ-op

ôp

ô-pờ-ôp

ơp

ơ-pờ-ơp

Nguyên âm + Phụ âm → Vần	Em học từ (tiếng) Phụ âm / Vần
o + p → op	cái bóp (cờ-ai-cai-sắc-cái bờ-op-bop-sắc-bóp)
ô + p → ôp	nộp đơn (nờ-ôp-nộp-nặng-nộp đờ-on-đơn)
ơ + p → ơp	lớp hai (lờ-ơp-lop-sắc-lớp hờ-ai-hai)

• Bài tập

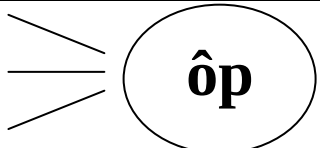
- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu dưới hình vẽ cho thích hợp :

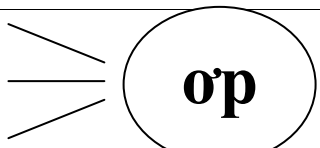
cái bóp - nộp đơn

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

ái óp  Mẹ cho bé _____	ôp ọc  Em _____ xin học
---	---

• Em ráp vần

đ + ôp		đốp (đờ-ôp-đốp-sắc-đốp)	độp (đờ-ôp-đốp-nặng-độp)
h		hốp	hộp
l		lốp	lộp
x		xốp	xộp

h + ơp		hốp (hờ-ơp-hơp-sắc-hốp)	hộp (hờ-ơp-hơp-nặng-hộp)
l		lốp	lộp
n		nốp	nộp
ch		chốp	chộp

• Bài tập

Em đọc câu đặt sẵn:	Em tập đặt câu bằng miệng:
Ba leo lên chóp núi. Xe bác bị bể lốp . Em sẽ học lớp bốn.	... hội họp ngộp thở sấm chớp ...



• Tập đọc

Sấm Chớp

Hôm qua trời mưa lớn, có sấm chớp. Em ngồi ở lớp học nghe mưa rơi lộp độp trên mái ngói. Gió thổi mạnh, mái ngói bị **dột**. Vài lớp phải dời qua phòng khác.

• Bài tập

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **op, ôp, ơp** của bài trên.
- Em đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **op, ôp, ơp** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

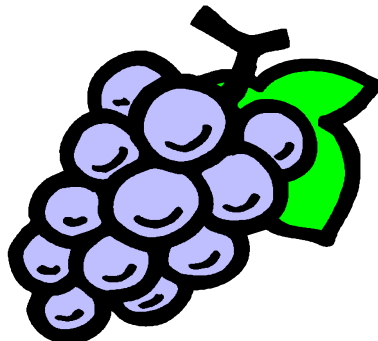
.....

.....

.....

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Em đơn xin học. Em sẽ học bốn. Mẹ cho bé cái Ba leo lên núi. Xe bác bị bể	



- Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới:

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Hôm qua <u>chời</u> mưa lớn. Mưa rơi <u>lop đop</u> trên mái nhà. Mái ngói bị <u>giột</u> . Lớp em phải <u>giời</u> đi.	

• Chính tả

Thầy cô đọc bài "Sấm Chớp" cho các em viết chính tả.

• Học thuộc lòng

Lớp Ba

Em đang học lớp ba.
Cô giáo em từ tôn.
Dạy chúng em học bài.
Cho làm bài tại lớp.
Em gắng mau kịp **nộp**.
Cô góp bài nhanh nhanh.

• Giải nghĩa

- **Dột:** Bị nước chảy vào nhà qua lỗ thủng hoặc kẽ hở trên mái nhà. - **Nộp:** Đưa cho.

Góp gió thành bão.

BÀI MƯỜI BẢY

• Vần

Phát âm:

ot

o-tờ-ot

ôt

ô-tờ-ôt

ơt

ơ-tờ-ơt

Nguyên âm + Phụ âm → Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
o + t → ot	gót chân (gờ-ot-got-sắc-gót chờ-ân-chân)
ô + t → ôt	bạn tốt (bờ-an-ban-nặng-bạn tờ-ôt-tôt-sắc-tốt)
ơ + t → ơt	hớt tóc (hờ-ơt-hot-sắc-hót tờ-ơc-toc-sắc-tóc)

• Bài tập

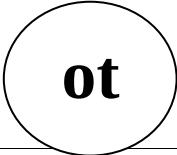
- Em hãy chọn từ có vần dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu dưới hình vẽ cho thích hợp :

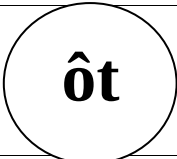
bạn tốt - hớt tóc

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

on ốt  Sơn là _____	ót óc  Bố _____ cho em.
---	--

• Em ráp vần

g + ot		gót (gò-ot-sắc-gót)	gọt (gò-ot-got-nặng-gọt)
v		vót	vọt
ch		chót	chọt
ng		ngót	ngọt

c + ôt		cốt (cò-ô-t-côt-sắc-cốt)	cột (cò-ô-t-côt-nặng-cột)
h		hót	hột
ch		chót	chột
nh		nhót	nhột

• Bài tập

Em đọc câu đặt sẵn:	Em tập đặt câu bằng miệng:
G ót chân bé đỏ hỏn. Cô bạn em rất t ốt. Mùa thu lá thưa th ót.	... chim hót trụ cột cái vọt ...



• Tập đọc

Vườn Sau

Vườn sau có chim hót.
Chót vót trên ngọn cây.
Mấy cây cà **sai trái**.
Khóm cà rốt xinh thay!
Và đây vài bụi ớt.
Trái chín đỏ xum xuê.
Mỗi khi tan học về.
Em ra vườn chăm sóc.

• Bài tập

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **ot, ôt, ơt** của bài trên.
- Em đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **ot, ôt, ơt** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

.....

.....

.....

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Cô bạn em rất	
Sơn là bạn	
Mùa thu lá thưa	
Bố tóc cho Tâm.	
..... chân bé đỏ hồng.	

- Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới:

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Vườn sau có <u>trim</u> hót. Khóm cà rốt <u>sinh</u> thay! Và đây <u>dài</u> bụi <u>ốt</u> . Em ra vườn <u>trăm xóc</u> . Mấy hàng cà <u>xai chái</u> .	

• Chính tả

Thầy cô đọc bài "Vườn Sau" cho các em viết chính tả.

• Học thuộc lòng

Bạn Tốt

Trời thu mây xám nhạt.
Tùng đọt gió thổi qua.
Lá vàng rơi *lả tả*.
Mưa rơi rơi từng hột.
Bạn tốt che dù nhau.
Ngọt bùi cùng chia sớt.

• Giải nghĩa

- **Chót vót:** Cao vút, vượt khỏi mọi vật. - **Sai trái:** Có nhiều trái. - **Lả tả:** Rơi xuống nhiều và liên tiếp. - **Ngọt bùi:** Có được lúc sung sướng, hạnh phúc.

Tốt gỗ hơn tốt sơn.

BÀI MƯỜI TÁM

- **Vần** **ua** **ưa** **uc** **ưc**
 Phát âm: u-a-ua ư-a-ưa u-cờ-uc ư-cờ-ưc

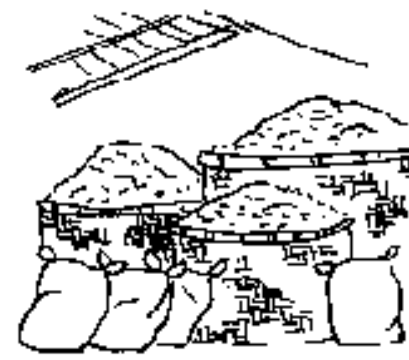
Nguyên âm + Phụ âm → Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
u + a → ua	lúa gạo (lờ-ua-lua-sắc-lúa gờ-ao-gao-nặng-gạo)
ư + a → ưa	cây dừa (cờ-ây-cây dờ-ưa-dừa-huyền-dừa)
u + c → uc	hoa cúc (hờ-oa-hoa cờ-uc-cuc-sắc-cúc)
ư + c → ưc	thức ăn (thờ-ưc-thưc-sắc-thức á-nờ-ăn)

• Bài tập

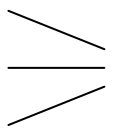
- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu dưới hình vẽ cho thích hợp :

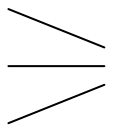
cây dừa - lúa gạo

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

ừa ật  _____ thật cao.	úa ây  _____ đầy kho.
--	--

• Em ráp vần

b + ưa		bừa <i>(bờ-ưa-bừa-huyền-bừa)</i>	bữa <i>(bờ-ưa-bừa-ngã-bữa)</i>
s		sữa	sữa
ch		chưa	chữa
ng		ngừa	ngựa

đ + uc		đúc <i>(đờ-uc-đúc-sắc-đúc)</i>	đục <i>(đờ-uc-đục-nặng-đục)</i>
m		múc	mục
ph		phúc	phục
tr		trúc	trục

• Bài tập

Em đọc câu đặt sẵn:	Em tập đặt câu bằng miệng:
Em bé sợ con cua . Má đưa em đi học. Hoa cúc nở thơm phức . Phải làm hết sức lực .	... con rùa dưa chua thể dục thức ăn ...



• **Tập đọc**

Phải Gắng Sức

Học hành phải gắng sức.
Đừng phí sức đi chơi.
Khi thời gian qua rồi.
Khó lòng mua chuộc lại.
Hãy nhớ tấm gương xưa.
Thỏ mà chạy thua rùa.
Vì thỏ không gắng sức.

• **Bài tập**

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **ua, ưa, uc** của bài trên.
- Em đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **ua, ưa, uc** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

.....

.....

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Phải làm hết lực.	
Cây thật cao.	
Bé sợ con	
. gạo đầy kho.	
Hoa . . . nở thơm phức.	

- **Việt sử**

Bánh Chung Bánh Dầy *

Vua Hùng thứ sáu.
Con cháu thật nhiều.
Con út Tiết Liêu,
Trọng điều *nhân nghĩa*.
Nhân mùa Tết đến,
Làm bánh dâng vua.
(xem tiếp trang 95)

- **Bài hát**

Em Yêu Ai ?

Nếu hỏi rằng: Em yêu ai?
Thì em rằng: Yêu Quê Hương nè.
Thì em rằng: Yêu mái trường nè.
Yêu Thầy, yêu Cô, yêu hết cả trường....
Nhưng nhất là Cô giáo cơ!
Hùng Lân

- **Giải nghĩa**

- *Nhân nghĩa*: Lòng thương người và yêu chuộng lẽ phải.

Có đức mặc sức mà ăn.

* Bài đọc thêm ở cuối sách.

BÀI MƯỜI CHÍN

Ôn bài 16.

• Tập đọc có vần

op	ôp	ơp
Cọp ở chóp núi thoi thóp. Cả xóm tập hợp bắt cốp.	Nhà hộp ngộp thờ. Lốp xe nổ bốp. Mưa rơi lộp độp.	Sấm chớp cả lớp sợ khớp. Cả xóm lộp nhà bác Hợp.

• Bài tập

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **op** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ôp** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ơp** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.
 - Đặt câu.

cốp sở thú:

sấm chớp:

lốp xe:

Ôn bài 17.

• Tập đọc có vần

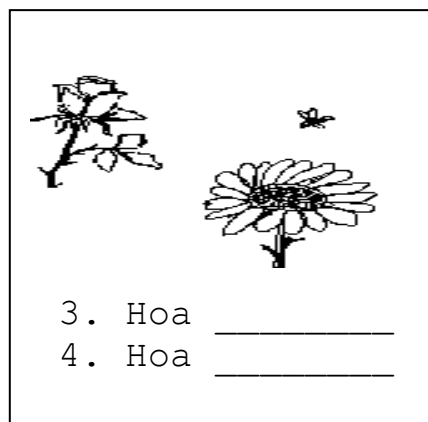
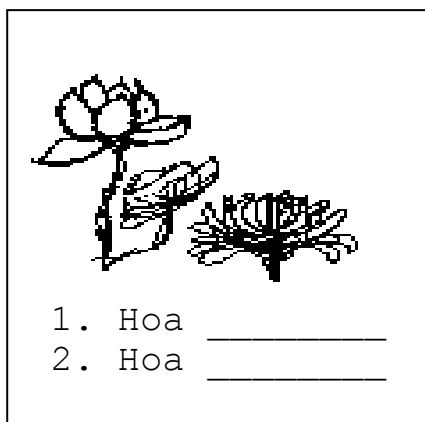
ot	ôt	ơt
Mẹ gọt cam ngọt trái chót. Chót vót đọt cây chim hót thánh thót.	Bột là bạn tốt bị sốt đọt ngọt. Chị nhai cà rốt sốt sốt.	Hái bột ớt chín từng đọt. Chợt nghe một đọt bão rớt vừa ngọt.

• Bài tập

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ot** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ôt** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ơt** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.

• Câu đố

1. Hoa gì sống cạnh bùn nhơ?
2. Hoa gì báo hiệu đến giờ thu sang?
3. Hoa gì theo ánh mặt trời?
4. Hoa gì tươi đẹp đồng thời lắm gai?



Ôn bài 18.

• Tập đọc có vần

ua	ưa	uc	ưc
Chó sủa đùa giỡn con cua con rùa. Ông vua già nua đi chùa.	Ngày mưa bé ưa ngủ trưa. Cây dừa vừa mọc lá dừa lừa thưa.	Bà Phúc mua chục chậu cúc. Cô Trúc lục đục cưa khúc củ mục.	Gặp việc phiền phức nhức đầu. Trời hè nóng bức bực bội hết sức.

• Bài tập

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ua** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ưa** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **uc** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ưc** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.
- Đặt câu.

chó sủa :

trái dừa :

chậu cúc :

hết sức :

- **Tập đọc - Chính tả**

Đàn Chim Việt

Còn bốn bài nữa là hết khóa học.

Các em chăm chỉ đến lớp. Thi đua với bạn bè tập đọc, tập viết và nói tiếng mẹ đẻ. Ríu rít như chim, các em là nguồn vui, hạnh phúc của mẹ cha. Thầy cô chia sẻ niềm vui **cao quý** này.

Hẹn ngày gặp lại đàn chim Việt mến yêu.

- **Bài tập**

- Tìm và gạch dưới từ đơn có vần **ơp, ôp**.
- Tìm và gạch dưới từ đơn có vần **ua, ưa, uc**.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

=====

=====

- **Địa lí**

Khí Hậu Việt Nam

(Tiếp theo trang 67)

Nước Việt Nam có hai vùng khí hậu khác nhau:

Một nửa nước về phía Bắc có bốn mùa là **Xuân, Hạ, Thu, Đông**.

Còn nửa nước về phía Nam có hai mùa rõ rệt là mùa nắng và mùa mưa.

- **Giải nghĩa**

- **Cao quý:** Có giá trị và ý nghĩa lớn lao, đáng quý trọng.

Của rề rề không bằng một nghề trong tay.

BÀI HAI MƯỜI

• Vần

Phát âm:

ui

u-i-ui

ưi

ư-i-ưi

uy

u-i-cờ-rét-uy

Nguyên âm + Nguyên âm → Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
u + i → ui	ủi áo (u-i-ui-hỏi-ủi a-o-ao-sắc-áo)
ư + i → ưi	gửi thư (gờ-ưi-gưi-hỏi-gửi thờ-ư-thư)
u + y → uy	khuy áo (khờ-uy-khuy a-o-ao-sắc-áo)

• Bài tập

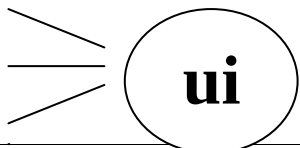
- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu dưới hình vẽ cho thích hợp :

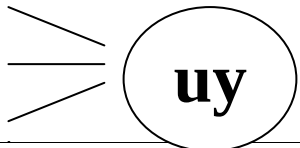
ủi áo - gửi thư

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

ủi áo  Má _____ quần.	gửi ác  Tâm _____ cho bác.
--	--

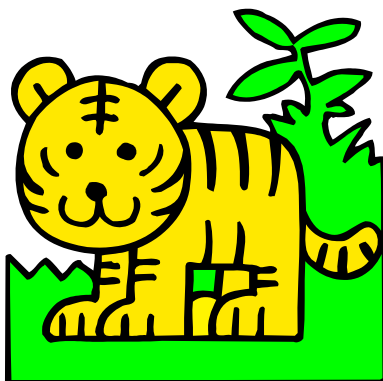
• Em ráp vần

c + ui		cúi (cờ-ui-cui-sắc-cúi)	củi (cờ-ui-cui-hỏi-củi)
m		mùi	mũi
ch		chui	chùi
th		thui	thúi

h + uy		huy (hờ-uy-huy)	hủy (hờ-uy-huy-hỏi-hủy)
t		tùy	tủy
kh		khuy	khủy
th		thúy	thủy

• Bài tập

Em đọc câu đặt sẵn:	Em tập đặt câu bằng miệng:
Em bỏ kẹo vào túi . Ba em đi gửi thư. Quê ta có lũy tre.	... lau chùi ngửi mùi thùy mị ...



• Tập đọc

Má Em

Tuy bận đi làm, má em vẫn vui vẻ, **cặm cùi** lau chùi bàn ghế, nhà cửa. Má còn đi chợ, nấu ăn, rửa chén và giặt ủi quần áo. Trên bàn thờ má bày hoa thủy tiên, hoa cúc. Vào nhà em ngửi được mùi thơm **sực nức**.

• Bài tập

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **ui, ưi, uy** của bài trên.
- Em đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **ui, ưi, uy** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

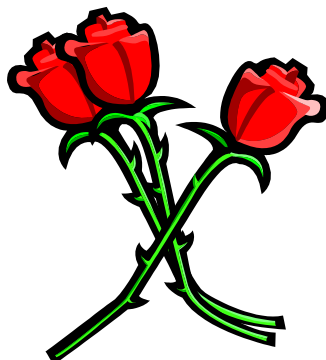
.....

.....

.....

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Quê ta có tre.	
Tâm thư cho bác.	
Ba em đi thư.	
Má em áo quần.	
Em bỏ kẹo vào	
Má em lau. nhà cửa.	



- Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới:

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Má <u>dắt</u> ủi quần áo. Má bày hoa <u>thử</u> tiên. Má em <u>dui dễ</u> làm việc. Em ngửi thấy <u>muôi thơm</u> .	

• Chính tả

Thầy cô đọc bài "Má Em" cho các em viết chính tả.

• Học thuộc lòng

Gửi Thư

Tuy ở xa quê nhà,
Ba luôn gửi thư qua,
Thăm nội ngoại ông bà.
Mỗi lần được thư lại,
Ba má mừng *thiết tha*.
Cả nhà đều mạnh giỏi,
An vui và *thuận hòa*.

• Giải nghĩa

- *Cặm cùi*: Chăm chú làm việc gì. - *Sực nức*: Xông lên rất mạnh và tỏa ra khắp nơi.
- *Thiết tha*: Có tình cảm sâu sắc, gắn bó. - *Thuận hòa*: Êm ả, không cãi cọ.

Miệng ăn núi lở.

BÀI HAI MƯƠI MỐT

- Vần**
 Phát âm: **um** **un** **uê**
 u-mờ-um u-nờ-un u-ê-uê

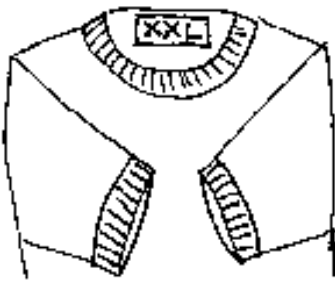
Nguyên âm + Phụ âm → Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
u + m → um	tôm hùm (tờ-ôm-tôm hờ-um-hum-huyền-hùm)
u + n → un	áo thun (a-o-ao-sắc-áo thờ-un-thun)
u + ê → uê	thuê xe (thờ-uê-thuê xờ-e-xe)

• Bài tập

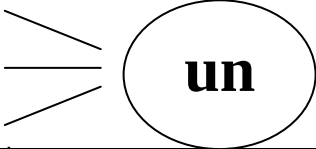
- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu dưới hình vẽ cho thích hợp :

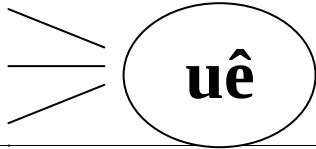
tôm hùm - áo thun

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

ót ùm  Vớt con _____.	un ón  _____ cỡ lớn.
--	--

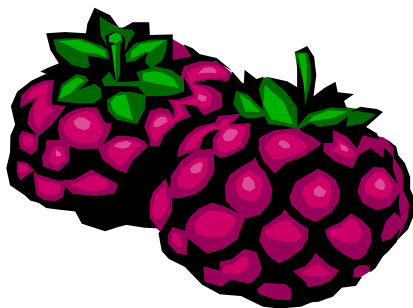
• Em ráp vần

b + un		bún (bờ-un-bun-sắc-bún)	bủn (bờ-un-bun-hỏi-bủn)
l		lún	lủn
r		run	rủn
nh		nhún	nhủn

h + uê		huê (hờ-uê-huê-huyền-huê)	huệ (hờ-uê-huê-nặng-huệ)
t		tuê	tuệ
x		xuê	xuệ
th		thuê	thuệ

• Bài tập

Em đọc câu đặt sẵn:	Em tập đặt câu bằng miệng:
Bà cho em chùm nho. Bà ăn bún bò Huế. Ba thuê xe Huê Kỳ.	... lùm cây lún sâu hoa huệ ...



• Tập đọc

Chú Lùn

Ở quê em có chú lùn. Chú cầm con dao cùn đi vào bụi rậm **um từm** để đốn củi đun bếp. Rủi ro chú dẫm vào bùn, bị lún. Chú kêu cứu **um sùm**.

• Bài tập

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **um, un, uê** của bài trên.
- Em đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **um, un, uê** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

.....

.....

.....

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Áo cỡ lớn. Bà cho em nho. Vớt con tôm Ba xe hơi. Bà ăn bò Huế. Chú bị lún bùn.	



- Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới:

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Chú <u>nùn</u> ở quê em. Chú có <u>giao</u> cùn đồn củi. Chú lùn bị <u>nún</u> . Chú kêu <u>kứu</u> om sòm. Chú đồn củi <u>đunq</u> bếp.	

• Chính tả

Thầy cô đọc bài "Chú Lùn" cho các em viết chính tả.

• Học thuộc lòng

Ở Quê

Bà em sống ở quê.
 Có cây cối **xum xue**.
 Hoa lan và hoa huệ.
 Bốn mùa tươi sắc khoe.
 Bà vun trồng rau quế.
 Rau diếp lá um tùm.
 Bí và bầu xanh mướt.
 Thăm vườn em rất mê.

• Giải nghĩa

- **Um tùm:** Rậm rạp, sum sê. - **Um sòm:** Om sòm. - **Xum Xuê:** Có nhiều cành lá rậm rạp, tươi tốt.

Làm phúc được phúc.

BÀI HAI MƯƠI HAI

- Vần**
Phát âm:
- up**
u-pờ-up
- ut**
u-tờ-ut
- urt**
ư-tờ-urt

Nguyên âm + Phụ âm → Vần	Em học từ Phụ âm / Vần
u + p → up	chụp ảnh (<i>chờ-up-chup-nặng-chup</i> <i>a-nhờ-anh-hỏi-ảnh</i>)
u + t → ut	hút bụi (<i>hờ-ut-hut-sắc-hút</i> <i>bờ-ui-bui-nặng-bụi</i>)
ư + t → urt	đứt tay (<i>đờ-urt-đứt-sắc-đứt</i> <i>tờ-ay-tay</i>)

• Bài tập.

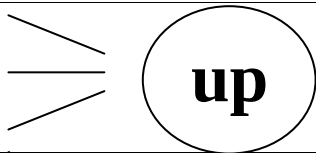
- Em hãy chọn từ dưới đây để viết vào chỗ trống mỗi câu cho thích hợp với hình vẽ:

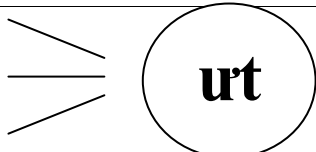
bút chì - búp sen

- Sau khi điền xong, em gạch dưới mỗi từ trong câu có vần đúng với vần ở góc trái ô hình.

ot úp  Dì Út gọt _____	úp ây  _____ đầy hồ.
---	--

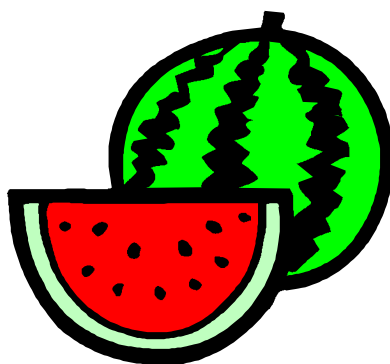
Em ráp vần

b + up		búp (bờ-up-bup-sắc-búp)	bụp (bờ-up-bup-nặng-bụp)
c		cúp	cụp
x		xúp	xụp
ng		ngúp	ngụp

s + ưt		sứt (sờ-ưt-sưt-sắc-sứt)	sựt (sờ-ưt-sưt-nặng-sựt)
b		bứt	bựt
n		nứt	
ph		phứt	phựt

• Bài tập

Em đọc câu đặt sẵn:	Em tập đặt câu bằng miệng:
Ao nhà có búp sen. Chú Tư hút bụi xe. Tủ gỗ bị nứt nẻ.	... tô xúp bút chì kẹo mút ...



- **Tập đọc**

Đi Cắm Trại

Chủ Nhật vừa qua, lớp em đi cắm trại. Chúng em nô nức trèo lên ngọn đồi xa **hun hút**. Lớp em dựng được bốn túp lều **lup xup**. Chị Mai đôn củi đun bếp bị đứt tay. Các bạn vui vẻ phụ nấu ăn. Tuy xa nhà nhưng em không cảm thấy thiếu hụt gì cả. Bữa ăn trưa ở trại thật là **thú vị**.

- **Bài tập**

- Em tìm và gạch dưới từ đơn có vần **up, ut, ưt** của bài trên.
- Em đánh vần và đọc lên từ đơn có vần **up, ut, ưt** vừa tìm.
- Viết từ ghép có từ đơn vừa tìm, đúng như trong bài:

.....

.....

.....

- Em đọc kĩ những câu dưới hình vẽ và câu đặt sẵn ở trang trước. Áp dụng những câu trên, em hãy:

Điền vào chỗ trống	Viết lại cả câu
Ao nhà có sen. sen đầy hồ. Chú Tư bụi xe. Dì Út gọt chì. Tủ gỗ bị nẻ.	

- **Việt sử**

Bánh Chung Bánh Dầy *

(Tiếp theo trang 79)

Bánh vuông hình đất,
Vua gọi bánh chung.
Bánh tròn hình trời,
Vua gọi bánh dầy.
Bày tỏ lòng ngay.
Công ơn tiên tổ,
Ví như đất trời.

- **Bài hát**

Thằng Cuội

Bóng trắng trắng ngà.
Có cây đa to.
Có thằng Cuội già ôm một mối mơ.
Lặng yên ta nói Cuội nghe:
"Ở cung trăng mãi làm chi".
Bóng trắng trắng ngà.
Có cây đa to.
Có thằng Cuội già ôm một mối mơ.

Lê Thương

- **Giải nghĩa**

- **Hun hút:** Thật dài và sâu. - **Lụp xụp:** Thấp bé, tồi tàn và xấu xí. - **Thú vị:** Làm cho ta vui thích.

Tay đứt, ruột xót.

* Bài đọc thêm ở cuối sách.

BÀI HAI MƯƠI BA

Ôn bài 20.

• Tập đọc có vần

ui	ưi	uy
Bé Vui, Bác Mùi gặp xui ăn mùi cam thúi. Khúc củi đen thui.	Đi thưa về gửi. Tai nghe mũi ngửi. Khung cửi dệt vải.	Bé Thùy tuy nhỏ đã quý quy y. Bác Duy say rượu túy lúy.

• Bài tập

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ui** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ưi** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **uy** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.

- Em trả lời câu hỏi theo bài ôn ở trên:

1- Bác Mùi gặp xui như thế nào ?

.....

2- Củi đốt thành than có màu gì ?

.....

3- Cam hư nhũn, gọi là cam gì ?

.....

4- Say lúy túy nghĩa là gì ?

.....

Ôn bài 21.

• Tập đọc có vần

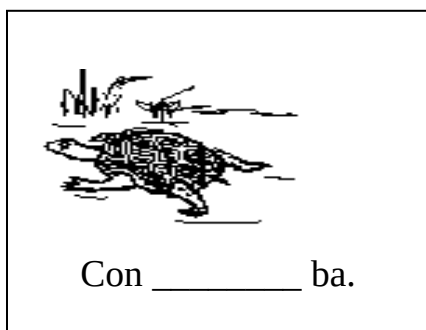
um	un	uê
Chùm chân nhảy chũm ùm ùm sùm tay. Lùm cây tùm lại um tùm.	Mèo mun ăn bún lăn thun bùn rủn. Dao cùn đào giun ở bùn.	Bác Huê về quê mua huệ và quế. Thuê xe ở Huế có thuế.

• Bài tập

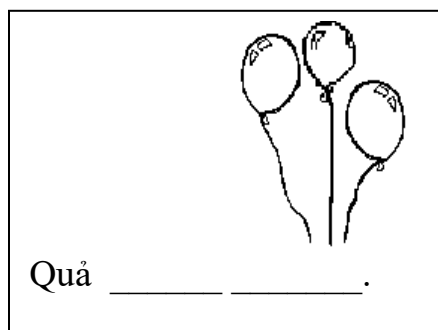
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **um** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **un** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **uê** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.

• Câu đố

1. Con gì hai số giống nhau,
Cộng thì được chẵn,
trừ thì bằng không.
Đó là con gì ?



2. Quả gì không ở cây nào,
Không chân, không cánh,
bay cao, chạy dài.
Đó là quả gì ?



Ôn bài 22.

• Tập đọc có vần

up	ut	urt
Túp lều lụp xụp suy sụp. Úp lại chụp đèn búp sen.	Chú Út thậm thụt chăm chút chim cút. Lũ lụt giảm sút chút ít.	Vứt đi chén nứt, sứt mẻ. Cắt mứt đứt tay. Nóng bức bứt rứt.

• Bài tập

- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **up** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **ut** ở trên.
- Tìm và gạch dưới 3 từ ghép có vần **urt** ở trên.
- Đánh vần và đọc lên những từ ghép vừa tìm.

- Em trả lời câu hỏi theo bài ôn ở trên:

1- Con út là người con nhỏ tuổi hay lớn tuổi nhất trong nhà ?

.....

2- Chén nứt có cùng nghĩa với bát nứt không ?

.....

3- Lụp xụp có nghĩa là to cao hay thấp nhỏ ?

.....

4- Bứt rứt có nghĩa là dễ chịu thoải mái ?

.....

- **Tập đọc - Chính tả**

Tiếng Việt Mến Yêu

Lớn lên ở Mỹ, em vẫn yêu tiếng Việt.

Này nhé! Tiếng mẹ ru em từ lúc nằm nôi. Ông bà, anh chị *âu yếm* chào đón em sinh ra đời. Bao lời dạy dỗ ngọt ngào hòa với dòng sữa mẹ nuôi em khôn lớn.

Nay học lịch sử, em mới hiểu nguồn gốc của mình. Thật *hãnh diện* cho chúng em là con cháu vua Hùng, nước Văn Lang.

- **Chính tả**

Thầy cô đọc bài "Tiếng Việt Mến Yêu" cho các em viết chính tả.

- **Viết sử**

Học ôn sáu bài số: 3, 7, 10, 14, 18 và 22.

- **Địa lí**

Học ôn ba bài số: 11, 15 và 19.

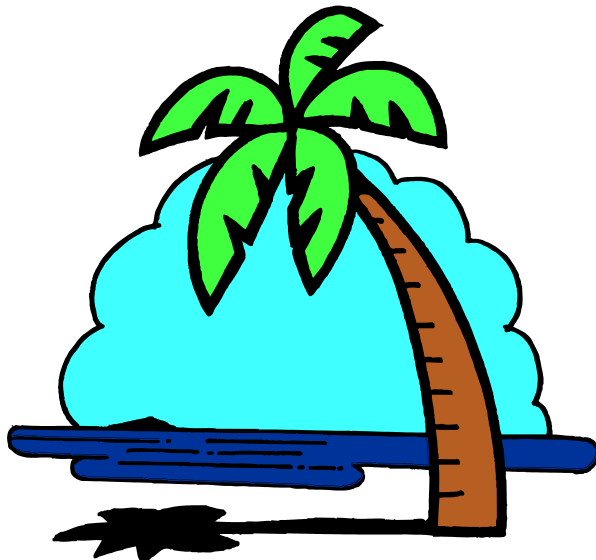
- **Giải nghĩa**

- *Âu yếm*: Biểu lộ tình thương dịu dàng bằng cử chỉ, giọng nói. - *Hãnh diện*: Tự hào với cái mình cho là hơn người khác.

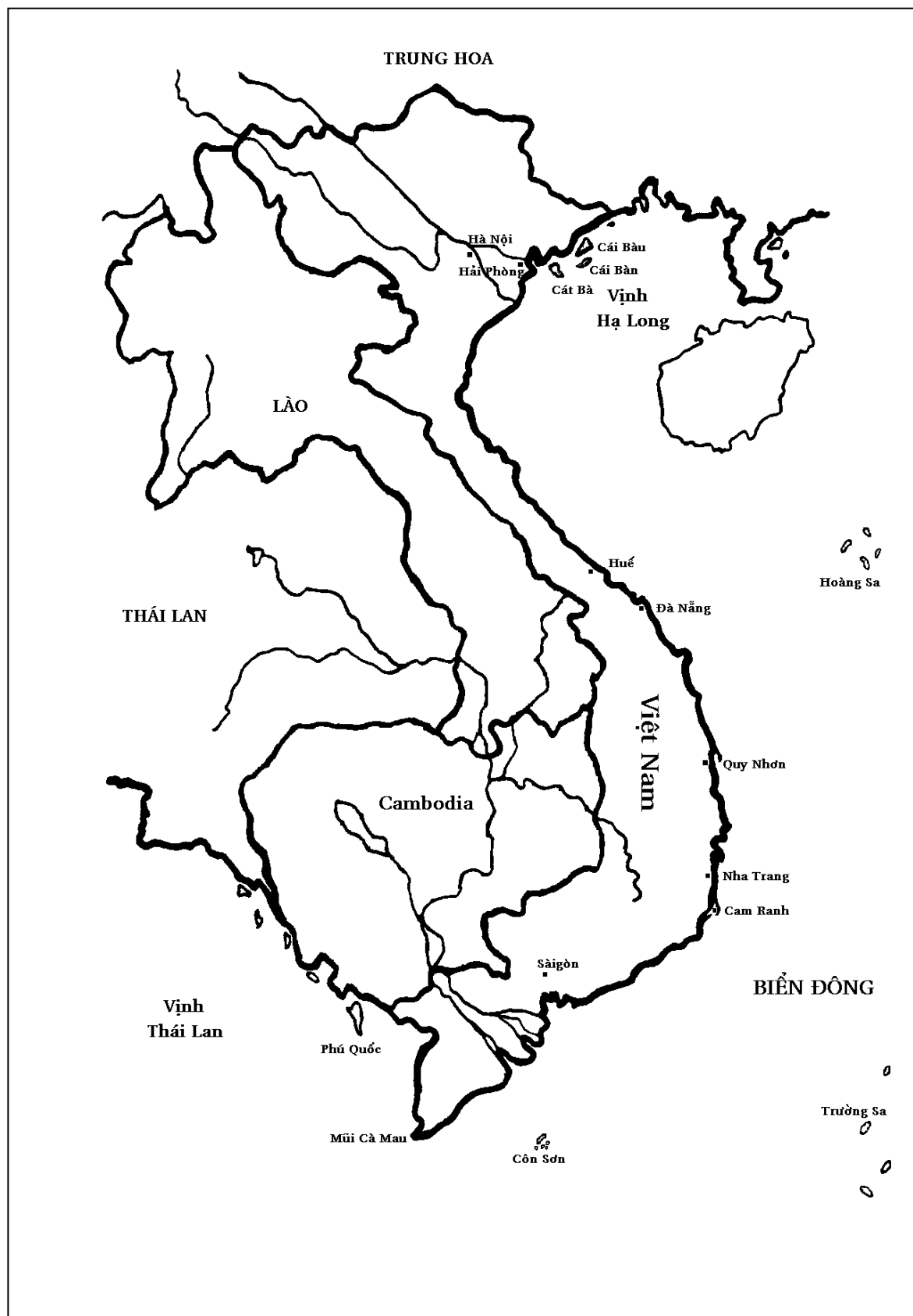
Tiền rừng, bạc biển.

• **Đếm Số**

21	hai mươi một
22	hai mươi hai
23	hai mươi ba
24	hai mươi bốn
25	hai mươi lăm
26	hai mươi sáu
27	hai mươi bảy
28	hai mươi tám
29	hai mươi chín
30	ba mươi
40	bốn mươi
50	năm mươi
60	sáu mươi
70	bảy mươi
80	tám mươi
90	chín mươi
100	một trăm



Tô màu bản đồ Việt Nam



III- Điền vào chỗ trống (10 điểm).

Chọn 4 hay 5 từ để điền vào chỗ trống theo bài "Tập đọc" hoặc "Tập đọc - Chính tả".

Thí dụ:

leo trèo, thiu, nhỏ, meo meo.

Con Mèo Nhà Em

Con mèo nhà em còn Nó thiu ngủ cả ngày. Tối đến nó hay
..... Lũ chuột rất sợ mỗi khi nghe mèo kêu

IV- Học thuộc lòng (20 điểm).

Chép lại một trong hai bài Học Thuộc Lòng đã được thầy cô chỉ định trước.

Đề bài 1:

Đề bài 2:

V- Đặt câu (10 điểm).

Chọn 3 từ để cho các em đặt một câu ngắn với những từ ấy.
(Chọn các từ trong bài số 9 đến 15)

Thí dụ:

- Áo thêu.

Ngày Tết, mẹ cho em mặc *áo thêu* rất đẹp.

1.

.....

2.

.....

3.

.....

VI- Địa lí (6 điểm).

Chọn một bài hay một đoạn địa lí để các em tìm hiểu, sau đó sẽ trả lời 2 hoặc 3 câu hỏi.

Thí dụ:

Việt Nam

Nước Việt Nam hình cong như chữ S, có ba thành phố lớn là: Hà Nội, Huế và Sài Gòn.

- Câu hỏi:

1. Kể tên những thành phố lớn của nước Việt Nam ?
2. ?
3. ?

VII- Việt sử (6 điểm).

Chọn một bài hay một đoạn Việt sử để các em tìm hiểu, sau đó sẽ trả lời 2 hoặc 3 câu hỏi.

Thí dụ:

Con Rồng Cháu Tiên

.....

Sinh ra trăm trứng.

Ơn trời cho nở,

Trăm con sồn sờ.

Năm mươi con thơ,

Theo mẹ lên non

- Câu hỏi:

1. Mẹ Âu Cơ sinh ra bao nhiêu con ?
2. ?
3. ?

BÀI LÀM

Ở NHÀ

Bài Làm Ở Nhà # 1

• Thâu băng cassette

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Đi Phố".
2. Học thuộc lòng: "Đêm Hè".

• Điền vào chỗ trống

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Đi Phố" điền vào chỗ trống:

Ngày mùa thu mát mẻ. Em và bà đi phố. Em nắm tay bà
 Em cảm ơn bà đã mua cho em nào mũ, nào giày và
 Khi về, em đi ngõ cho mau để khoe mẹ.

• Chọn câu đúng nhất

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài học thuộc lòng: "Đêm Hè".

Đêm mùa hè

- ☐ giá lạnh.
☐ gió rét.
☐ gió mát.

Mặt đất

- ☐ thật mát.
☐ rất nóng.
☐ ấm áp.

Bé đi

- ☐ chân đất.
☐ vào nhà.
☐ ra sân cát.

• Đặt câu

Em đặt câu với các từ:

giặt áo

trật tự.

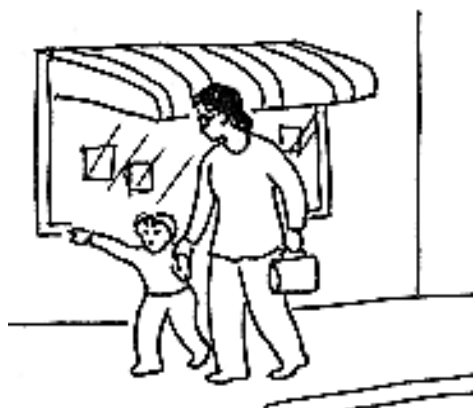
giỏi nhất lớp

tắm mát

ca hát

• Tìm từ

Em điền từ có vần **at, ăt, ap, âp** vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.



Bà _____ em đi phố.



Bà mua _____ cho em.

• Tập viết

Em tập viết từ có vần: **at ăt ât.**

Tắm mát

Giải khát

Phát quà

Tay mặt là tay phải

Thật thà là cha quý quái

- **Chính tả**

Hãy chép lại bài tập đọc "Đi Phố".

- **Tập vẽ**

Em vẽ hai bà cháu đi phố.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 2

• **Thâu băng cassette**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Xem Phim".
2. Học thuộc lòng: "Về Nhà".

• **Điền vào chỗ trống**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Xem Phim" điền vào chỗ trống.

Đêm mùa thu thật Tâm và Mai đi phim với ba.
 Không khí trong rạp mát mẻ và Phim thật là hay.
 Ai này chăm chú xem

• **Viết đúng chính tả**

Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới.

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Tâm vẽ trái sim <u>tim</u> .	
Đàn chim <u>bai</u> về tổ.	
Chị và em xem <u>phin</u> .	
Bà <u>tro</u> em li kem.	
<u>Dó</u> thổi nhẹ <u>va</u> êm.	

• Xếp câu

Em xếp câu cho hợp nghĩa và viết vào hàng dưới.

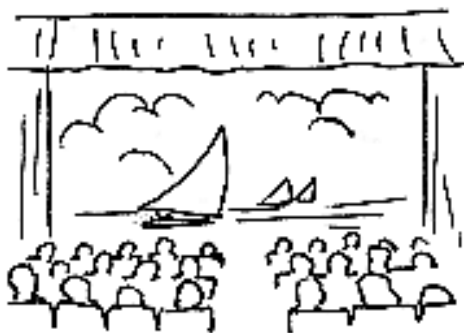
1. êm đêm thật Đêm thu

2. Đàn chim về tổ bay

3. ăn kem các em Ba cho

• Tìm từ

Em điền từ có vần **em, êm, im** vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.



Rạp chiếu phim _____ lặng.



Tâm và Mai ăn li _____.

- **Tập viết**

Em tập viết từ có vần: **em êm im.**

Cà tím

Nệm êm

Cô bé lọ lem

Chị đàn em hát

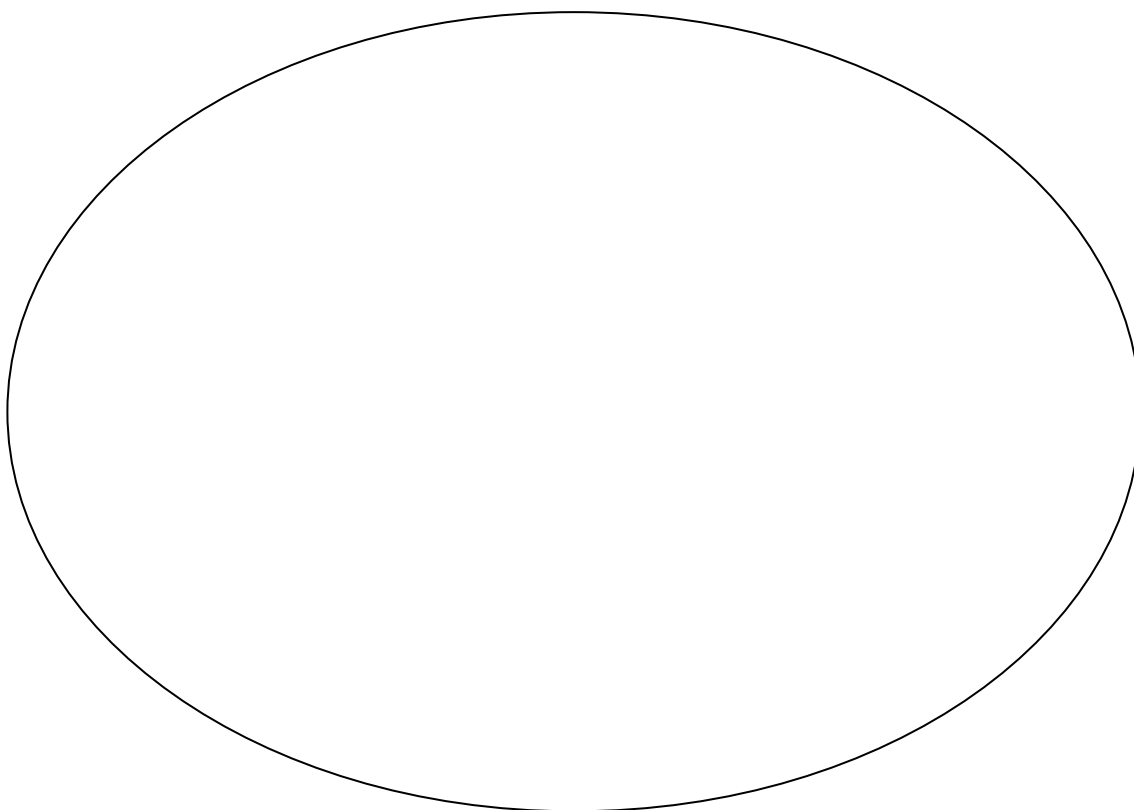
Đêm thu thật êm đềm

- **Chính tả**

Hãy chép lại bài tập đọc "Xem Phim".

- **Tập vẽ**

Em vẽ trái cà tím.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 3

• **Thâu băng cassette**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Chọn Bạn".
2. Bài hát: "Vòng Tròn".

• **Điền vào chỗ trống**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Chọn Bạn" điền vào chỗ trống.

Ca dao có câu: "Gần mực thì , gần thì sáng". Vì vậy em chọn bạn mà chơi. Bạn chăm chỉ học hành. Bạn ngoan như kính thầy, bạn thì em nên làm quen, gần gũi.

• **Chọn câu đúng nhất**

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài tập đọc "Chọn Bạn".

- | | |
|-------------------|--|
| Hễ ai gần mực thì | ☐ thêm sáng. |
| | ☐ sạch sẽ. |
| | ☐ dính mực đen. |

- | | |
|-----------------|--|
| Em nên chọn bạn | ☐ chỉ lo ăn chơi. |
| | ☐ lười biếng. |
| | ☐ chăm chỉ, nét na. |

- | | |
|-----------------|--|
| Em nên chọn bạn | ☐ kính thầy, mến bạn. |
| | ☐ nói xấu thầy, ghét bạn. |
| | ☐ không yêu quý mẹ cha. |

• Đặt câu

Em đặt câu với các từ:

màu đen

chọn bạn nét na

quý mến mẹ cha

bạn chăm học

con sên

• Tìm từ

Em điền từ có vần **en, ên, in** vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.



Hoa _____ nở đầy hồ.



Em _____ sên bò.

• Tập viết

Em tập viết từ có vần: **en ên in.**

Con nhện

Làm quen

Trái chín

Em nhìn sân bò

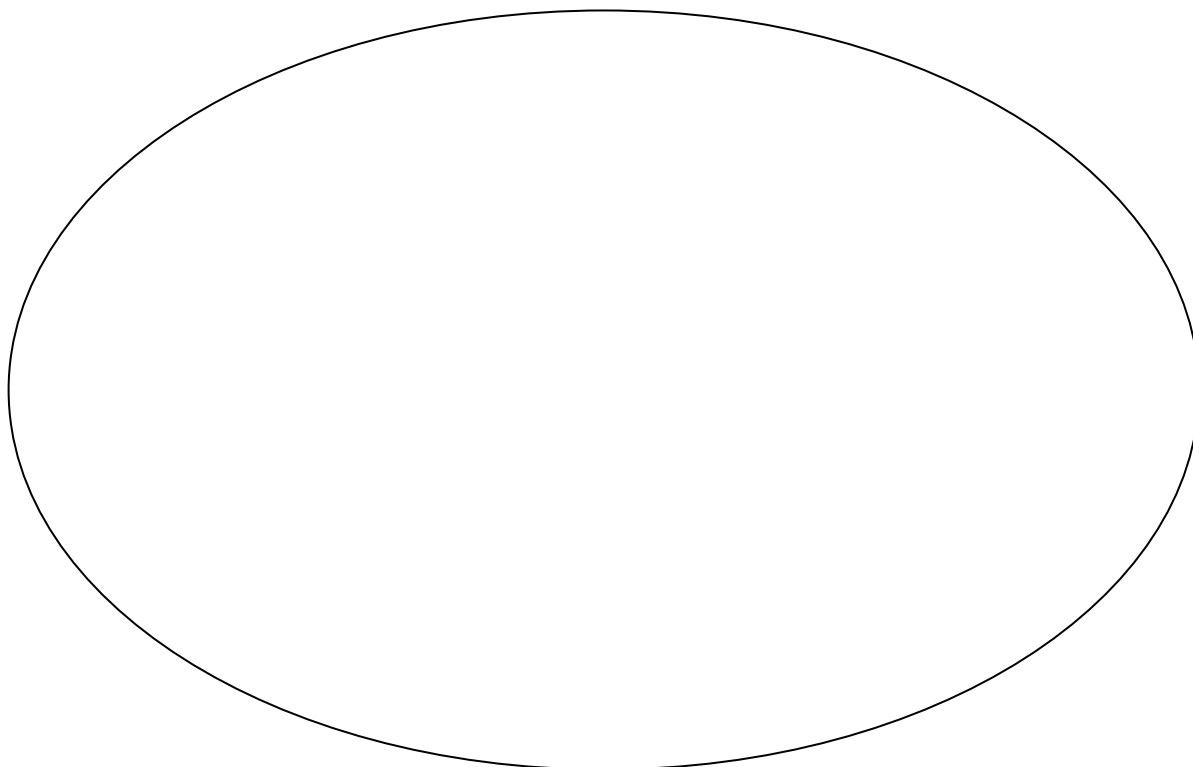
Mẹ khen áo len đen đẹp

- **Chính tả**

Hãy chép lại bài tập đọc "Chọn Bạn".

- **Tập vẽ**

Em vẽ con nhện.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 4

• **Thâu băng cassette**

Em đọc và thâu vào băng hai lần bài tập đọc "Quý Mến Mẹ Cha" để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

• **Điền vào chỗ trống**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Quý Mến Mẹ Cha" điền vào chỗ trống.

Sớm mai, em còn ngủ mà cha mẹ đã đi làm từ lâu.

Về nhà, mẹ nấu ăn, sắp đặt việc nhà thật tự. Giặt áo quần, mẹ còn nhắc nhở em làm bài. Cha mẹ thật vì con cái mà vẫn lấy làm vui. Em rất quý. cha mẹ.

• **Chọn câu đúng nhất**

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài tập đọc "Quý Mến Mẹ Cha".

Em còn ngủ

- ☐ mẹ đi nấu ăn.
- ☐ mẹ giặt áo quần.
- ☐ cha mẹ đã đi làm từ lâu.

Cha còn làm ở sở

- ☐ mẹ còn làm ở sở.
- ☐ mẹ về nhà nghỉ mệt.
- ☐ mẹ nấu ăn, sắp đặt việc nhà.

Em quý mến cha mẹ vì

- ☐ cha mẹ đã già.
- ☐ cha mẹ làm việc có thứ tự.
- ☐ cha mẹ vất vả, lo cho con.

- **Đặt câu**

Em đặt câu với các từ:

ca hát.

chủ nhật.

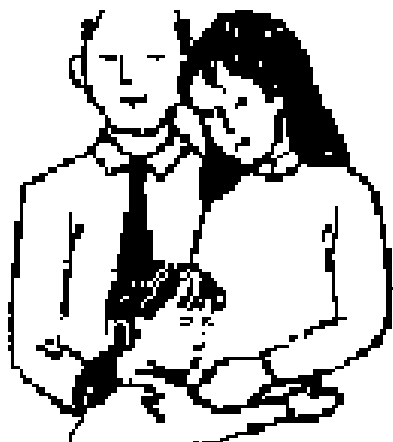
êm đêm.

chè hạt sen.

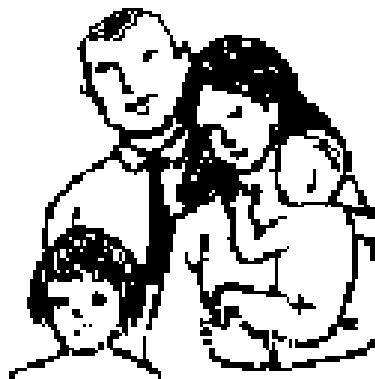
quý mến

- **Tìm từ**

Em điền từ có vần **at, ât, en, in** vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.



Em quý _____ mẹ cha.



Cha mẹ _____ vì con.

- **Tập viết**

Em tập viết từ có vần: **at ăt ât; em êm im; en ên in.**

Nệm êm

Cà tím

Chim kên kên

Em hái sim chín

Chim én bay sát mặt đất

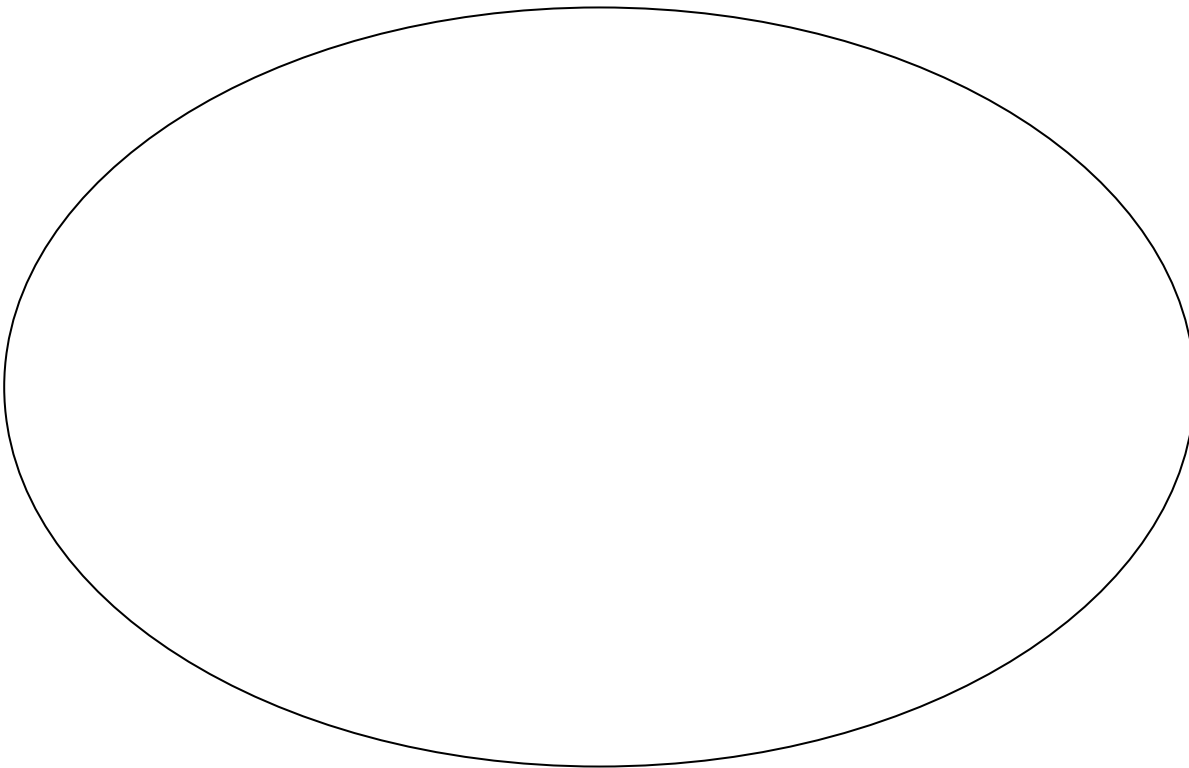
- **Chính tả**

Hãy chép lại bài tập đọc "Quý Mến Mẹ Cha".

This image shows a full page of handwriting practice paper. It features four identical sets of horizontal guidelines arranged vertically. Each set includes three lines: a solid top line, a dashed middle line, and a solid bottom line, providing a structured space for practicing letter formation and alignment.

- Tập vẽ

Em vẽ chim mẹ cho chim con ăn.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 5

• **Thâu băng cassette**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Đi Cẩn Thận".
2. Học thuộc lòng: "Đôi Dép Đẹp".

• **Điền vào chỗ trống**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Đi Cẩn Thận" điền vào chỗ trống:

Hết giờ học, em và các bạn bài vở ra về. Chân em đi
 Đầu đội mũ màu đen rất Em đi chậm chậm để chờ bạn sau
 em qua lộ một thể. Các em chỉ được qua lộ khi nào
 đèn cho người đi bộ bật sáng.

• **Chọn câu đúng nhất**

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài học thuộc lòng: "Đôi Dép Đẹp".

- Chú Chín ☐ đi dép đẹp.
 ☐ về nghỉ phép.
 ☐ đi lẹp xẹp.

- Đôi dép ☐ lẹp xẹp.
 ☐ thật xấu.
 ☐ đẹp.

- Bé mê ☐ đôi dép đẹp.
 ☐ nghỉ hè.
 ☐ đi lẹp xẹp.

• Đặt câu

Em đặt câu với các từ:

lễ phép.
đền xếp (trung thu)
phụ mẹ làm bếp.
đi học kịp giờ.
hát theo nhịp đàn.
chép lại câu.

• Tìm từ

Em điền từ có vần **ep, êp, ip** vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.



Em lễ _____ chào thầy cô.



Em phụ mẹ làm _____.

- **Tập viết**

Em tập viết từ có vần: **ep êp ip.**

Bếp lò

Xe đẹp

Chim bìm bịp

Hát theo nhịp đàn

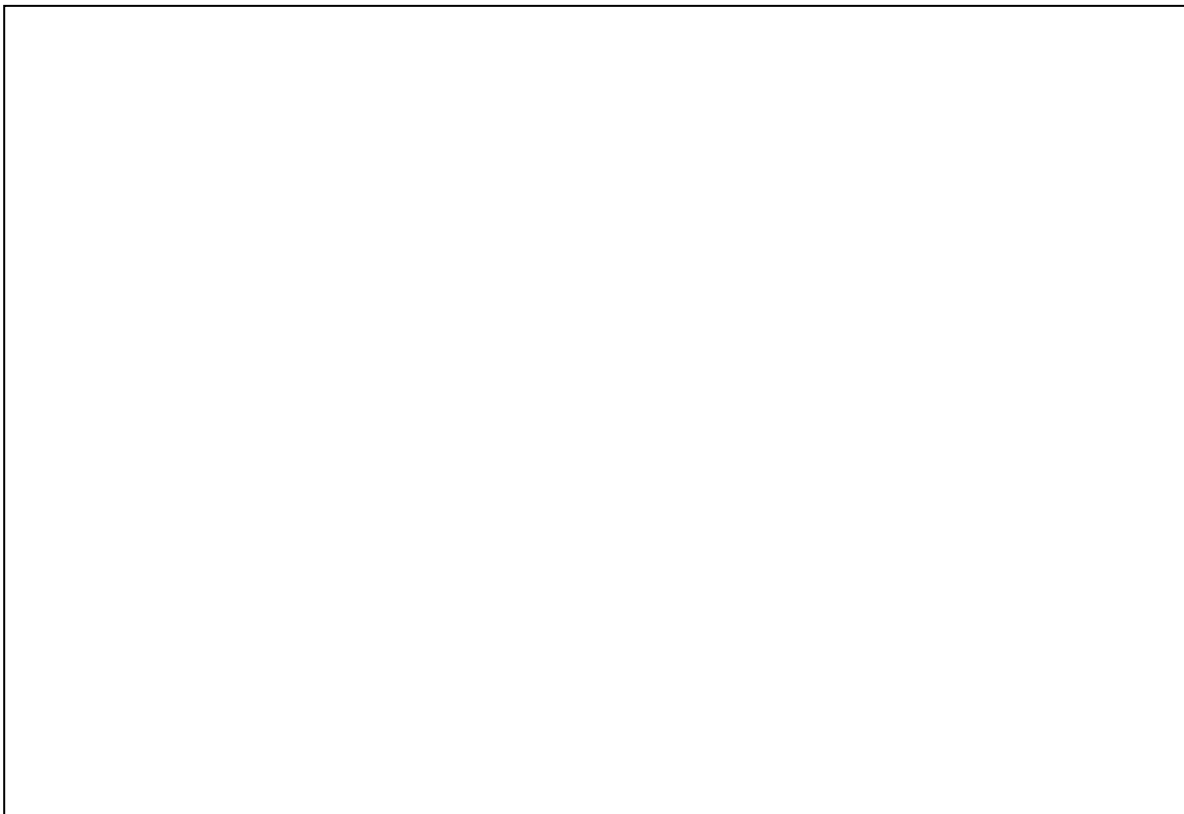
Em đi dép lẹp xẹp

- **Chính tả**

Hãy chép lại bài tập đọc "Đi Cẩn Thận".

- **Tập vẽ**

Em vẽ một đôi dép.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 6

• **Thâu băng cassette**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Về Quê".
2. Học thuộc lòng: "Sấm Sét".

• **Điền vào chỗ trống**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Về Quê" điền vào chỗ trống:

Năm gần hết, má dẫn em về quê ăn với ông bà nội. Nhà ông bà có chó, gà, vịt. Đàn gà con kêu chíp chíp và riu rít bên gà mẹ. kêu cạp cạp. Nghe chó sủa, em sợ khóc Bà âu yếm ôm ghì em vào lòng.

• **Viết đúng chính tả**

Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới.

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Hồ <u>giữ</u> gằm <u>théc</u> .	
Dệt vải để <u>mai</u> áo.	
Vỏ trái <u>mích</u> có gai.	
<u>Vic</u> kêu cạp cạp.	
Bé ngồi <u>bęc</u> trên đất.	

• Xếp câu

Em xếp câu cho hợp nghĩa và viết vào hàng dưới.

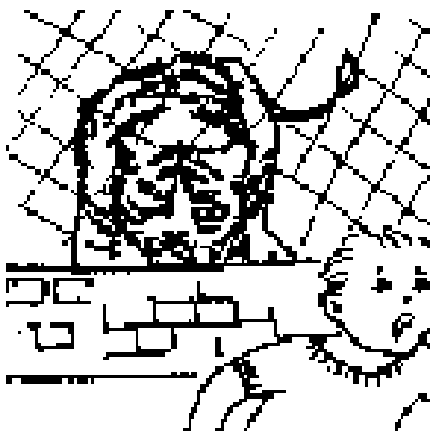
1. miền quê ở Ông bà

2. Má dẫn ăn Tết bé về quê

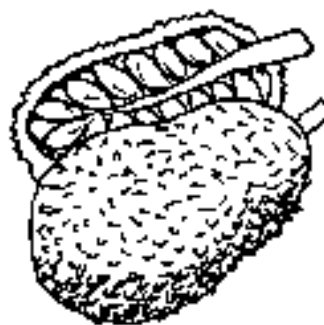
3. chó khóc thét Bé sợ

• Tìm từ

Em điền từ có vần **et, êt, it** vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.



Hồ dữ gầm _____.



Vỏ trái _____ có gai.

- **Tập viết**

Em tập viết từ có vần: **et êt it.**

Gà vịt

Gió rét

Tết Việt Nam

Sấm sét găm thét

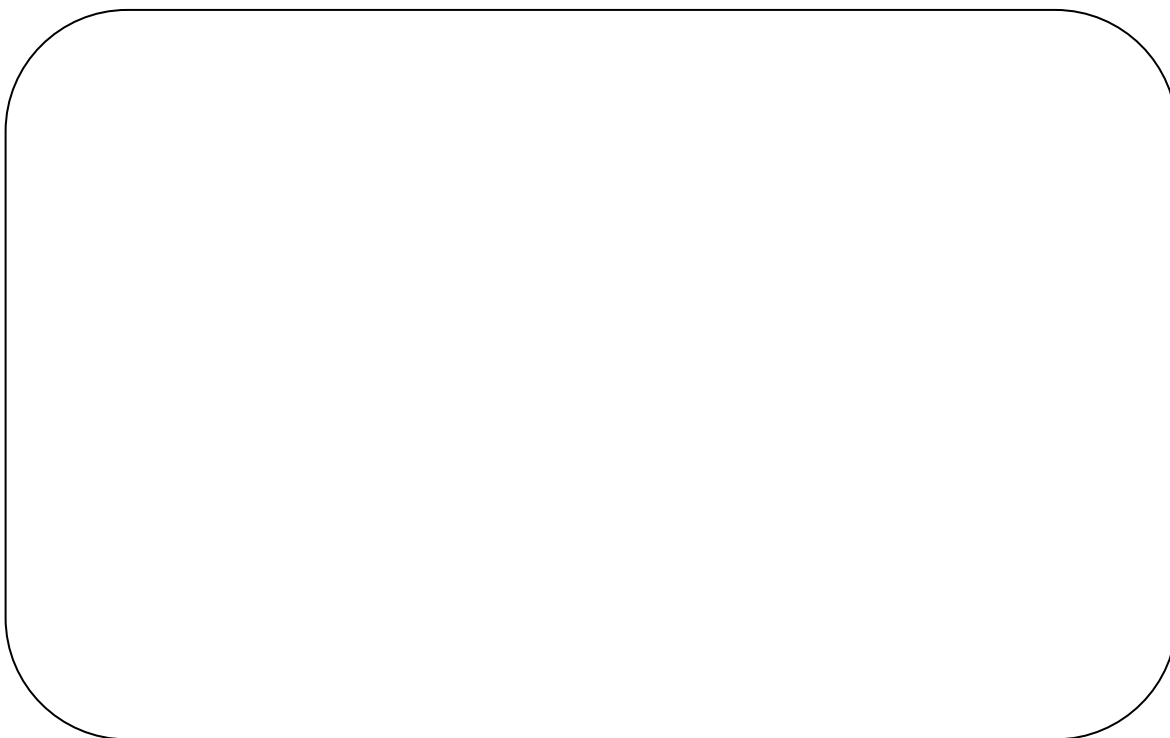
Hít thở cho hết mệt

- **Chính tả**

Hãy chép lại bài học thuộc lòng "Sấm Sét".

- **Tập vẽ**

Em vẽ con gà và con vịt.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 7

• **Thâu băng cassette**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc ôn các vần bài 13 và bài 14: "ep, êp, ip; et, êt, it."
2. Tập đọc: "Lễ Phép".

• **Điền vào chỗ trống**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Lễ Phép" điền vào chỗ trống.

Ông bà quý mến cháu Mai. Đi đâu xa, Mai nhớ xin mẹ cha.
Mai hay giúp đỡ kẻ nghèo khó. Mai là cô bé thật thà, na, chăm
chỉ học để theo bạn.
Cả nhà yêu mến Mai.

• **Chọn câu đúng nhất**

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài học thuộc lòng: "Lễ Phép".

Ông bà quý mến ☐ cha mẹ Mai.
☐ ông bà.
☐ cháu Mai.

Mai thật là ☐ ham chơi.
☐ xinh đẹp.
☐ nghèo khó.

Mai là một ☐ cô bé nét na.
☐ cô bé tham ăn.
☐ cô bé xấu xí.

• Đặt câu

Em đặt câu với các từ:

lễ phép

xôi nếp

gỗ nhịp

mù mịt

la hét

chạy mệt

• Tìm từ

Em điền từ có vần **et, êt, it** vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.



Con _____ có nhiều chân.



Trời mưa có sấm _____ .

- **Tập viết**

Em tập viết từ có vần: **ep êp ip; et, êt, it.**

đền xếp

trái mít

rộn rịp

Sấm sét găm thét

Cái nết đánh chết cái đẹp

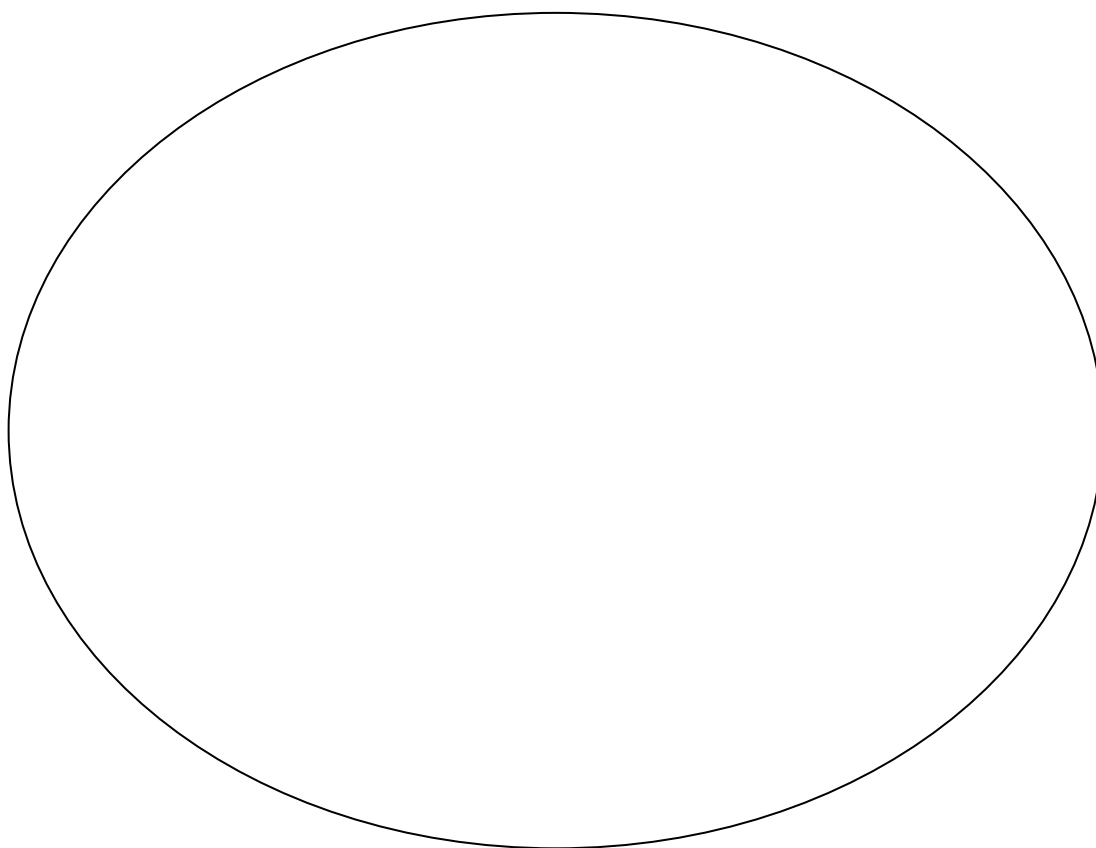
- **Chính tả**

Hãy chép lại bài tập đọc "Lễ Phép".

Handwriting practice lines consisting of five sets of three horizontal lines (top solid, middle dashed, bottom solid).

- **Tập vẽ**

Em vẽ đèn trung thu.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 8

• Thâu băng cassette

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Con Mèo".
2. Học thuộc lòng: "Mèo Kêu".

• Điền vào chỗ trống

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Con Mèo" điền vào chỗ trống:

Con _____ nhà em còn nhỏ. Nó thiú _____ ngủ cả ngày. Có khi nó hay _____. Lũ chuột rất sợ khi nghe mèo _____ meo meo.

• Chọn câu đúng nhất

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài tập đọc "Con Mèo" và bài học thuộc lòng "Mèo Kêu":

- Chuột sợ khi nghe

- ☐ heo kêu ụt ịt.
☐ gà gáy ò ó o ...
☐ mèo kêu meo meo!

- Con heo kêu

- ☐ meo meo.
☐ lú lo.
☐ ụt ịt.

- Chim hót

- ☐ ò, ó, o ...
☐ meo meo.
☐ lú lo.

• Đặt câu

Em đặt câu với các từ:

con mèo

con heo

mặc áo thun

bé mếu máo

thiu thiu

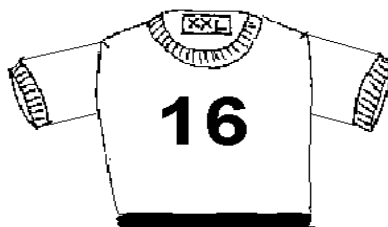
ríu rít

• Tìm từ

Em điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.



Con mèo _____ cây.



Áo thun có _____ số 16

• **Tập viết**

Em tập viết từ có vần: **eo êu iu.**

Mếu máo

Cơm thiêu

Kẹo cao su

Trèo cao ngã đau

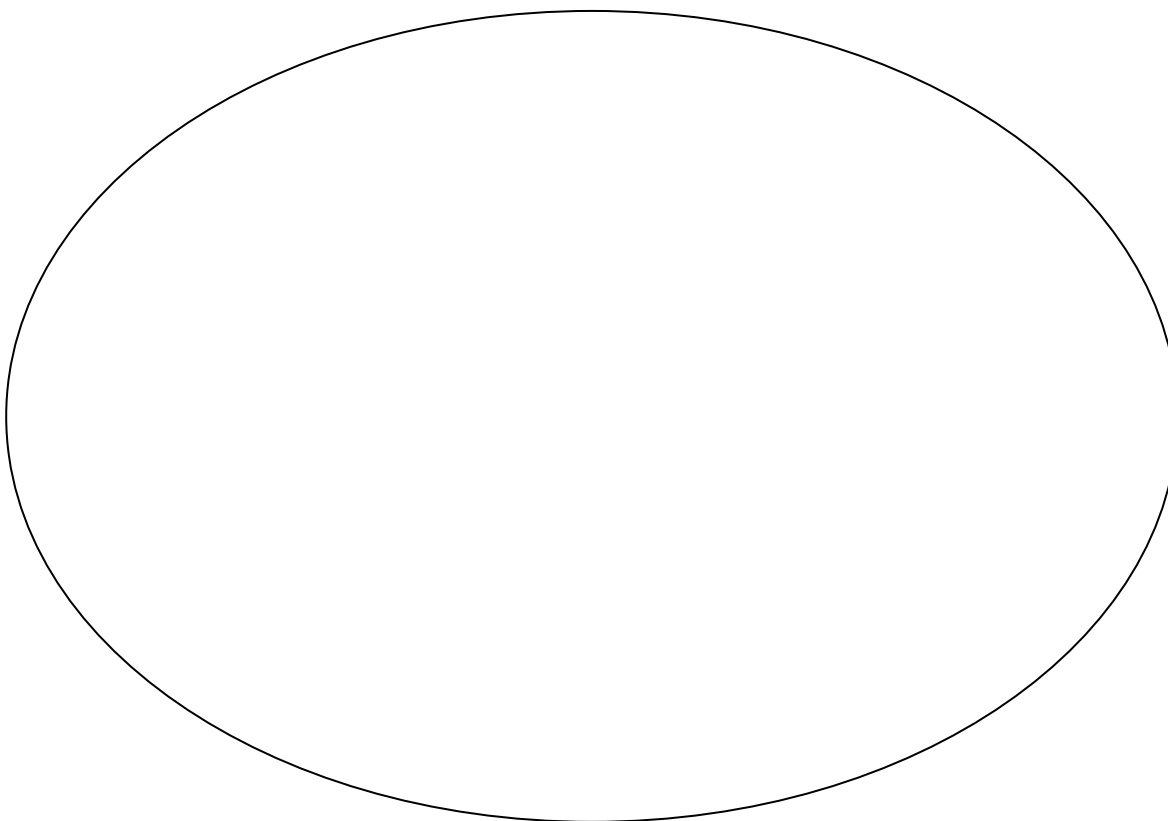
Mẹ chịu khó khâu áo

- **Viết chính tả**

Chép lại bài tập đọc "Con Mèo".

- **Vẽ**

Con mèo rồi tô màu.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 9

• **Thâu băng cassette**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Về Quê Chơi".
2. Học thuộc lòng: "Còn Bé".

• **Điền vào chỗ trống**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Về Quê Chơi" điền vào chỗ trống:

Ngày hè nghỉ , bé về quê thăm bà. Lần đầu bé thấy con
 Nó kêu kéc! kéc! nghe rất vui tai. Bé sợ thét khi thấy một con .
 . . . da xù xì nhảy tới. Để đỡ bé nín, bà chỉ cho bé xem con sên
 bò trên cây gần đây.

• **Chép lại câu trong bài**

Theo bài học thuộc lòng "Còn Bé", em chép lại:

1. Một câu có vần oc

2. Một câu có vần ec

3. Một câu có vần ôc

• Xếp câu

Em xếp câu cho hợp nghĩa và viết vào hàng dưới:

1. hay khóc Em còn bé

2. ở Nòng nọc dưới ao

3. con kéc học bài Em

4. bò Ốc sên rất chậm

• Tìm từ

Em điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.



Con _____ kêu kéc kéc.



Nòng nọc sẽ là con _____

- **Tập viết**

Em tập viết từ có vần: **ec oc ôc.**

Con kéc

Tập đọc

Thợ mộc

Học trò chăm chỉ

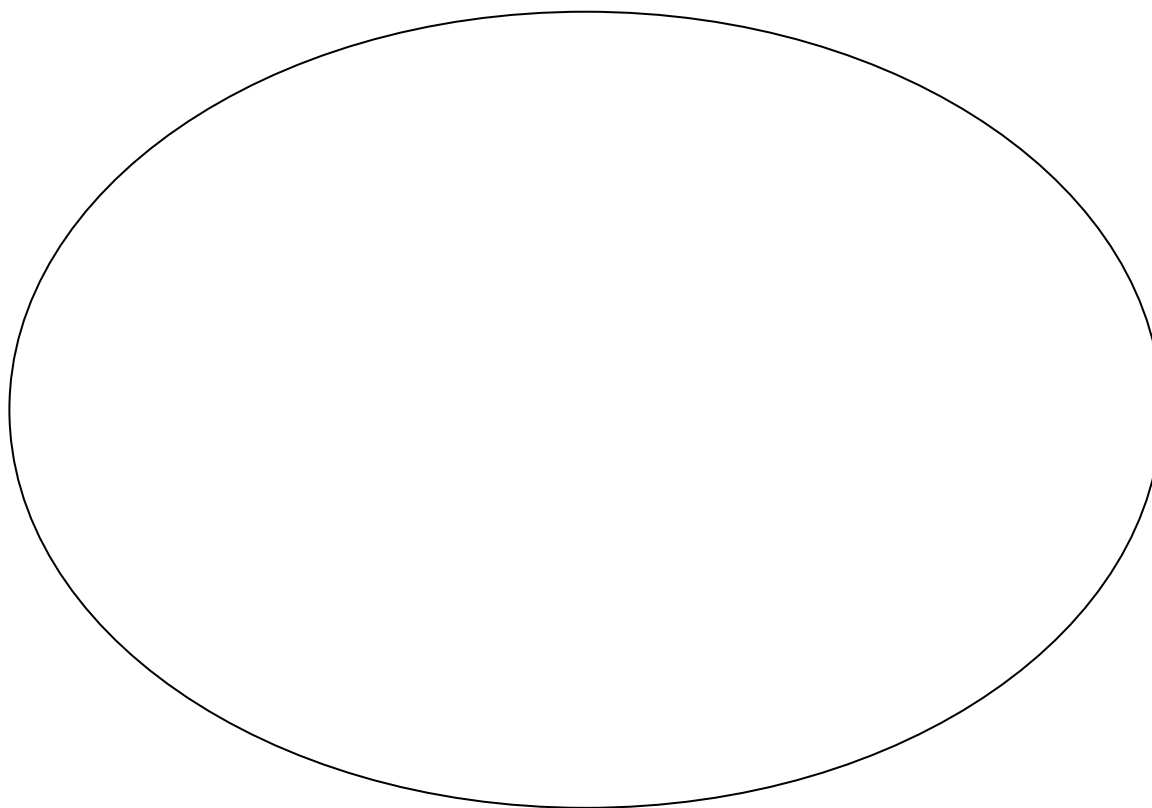
Chớ quên nguồn gốc

- **Chính tả**

Chép lại bài tập đọc "Về Quê Chơi".

- **Vẽ**

Con cóc rồi tô màu.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 10

• **Thâu băng cassette**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Bé Khỏe".
2. Bài hát: "Em Yêu Ai ?".

• **Điền vào chỗ trống**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Bé Khỏe" điền vào chỗ trống:

Bé rất Đôi mắt bé tròn Hai má như là phần hồng. Coi kìa ! Bé cười toét. Mẹ mến bé vì bé ít khi nhè.

• **Chọn câu đúng nhất**

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài tập đọc "Bé Khỏe":

- | | |
|------------------|---------------------------------|
| - Bé khỏe thì mẹ | ☐ cười. |
| | ☐ lo sợ. |
| | ☐ vui. |

- | | |
|------------------|------------------------------------|
| - Đôi mắt bé thì | ☐ cười toe. |
| | ☐ tròn xoe. |
| | ☐ đỏ hoe. |

- | | |
|---------------------|---|
| - Coi kìa! Miệng bé | ☐ tròn xoe. |
| | ☐ thoa phấn. |
| | ☐ cười toe toét. |

• Đặt câu

Em đặt câu với các từ:

mẹ khỏe

thoa phấn

kia kìa

ổ khóa

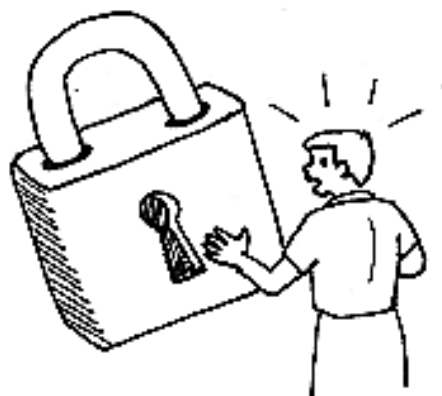
xòe tay

• Tìm từ

Em điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.



Mẹ vui vì bé _____



Ồ _____ to quá.

- **Tập viết**

Em tập viết từ có vần: **ia oa oe.**

Cây mía

Ổ khóa

Cá lia thia

Hoa đào đỏ

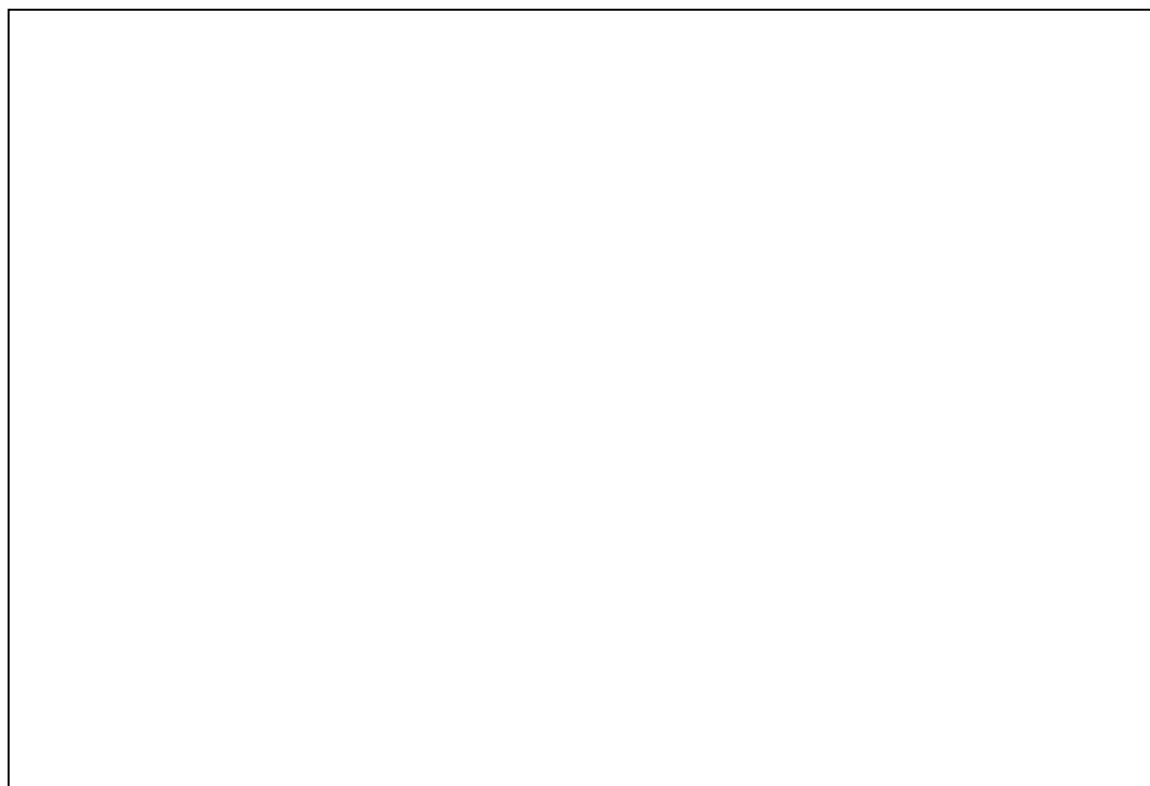
Mẹ khoe bé khỏe

- **Chính tả**

Chép lại bài tập đọc "Bé Khỏe".

- **Vẽ**

Hoa hồng đỏ tía rồi tô màu.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 11

• **Thâu băng cassette**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Bé Khoa".
2. Tập đọc trong những cột có vần: iu, ôc, oe.

• **Điền vào chỗ trống**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Bé Khoa" điền vào chỗ trống:

Bé Khoa mạnh và bụ bẫm. Khoa cha dạy chim kéc học nói. Nó lo như trẻ nhỏ. Chóc nó lại kêu kéc. Vào nhà, khoe mẹ chim kéc được tiếng người.

• **Chọn câu đúng nhất**

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài tập đọc "Bé Khoa":

- | | |
|--------------------|--|
| - Coi kìa, bé Khoa | ☐ dạy kéc học nói.
☐ lúu lúu, lo lo.
☐ khỏe mạnh và bụ bẫm. |
| - Chim kéc | ☐ lông đen.
☐ mỏ đỏ.
☐ lúu lo. |
| - Ba Khoa dạy | ☐ Khoa học nói.
☐ chim kéc học nói.
☐ học tiếng người. |

• Đặt câu

Em đặt câu với các từ:

coi kìa

gió lốc

học theo

giao hạt cam

eng éc

• Tìm từ

Em điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.



Con mèo _____ cây.



Chân _____ cao nghều.

• Tập viết

Em tập viết từ có vần: **eo oc in oa ia ec.**

Con mèo

Ốc sên

Nhỏ xíu

Bé Khoa tập đọc

Kìa kéc kêu kéc kéc

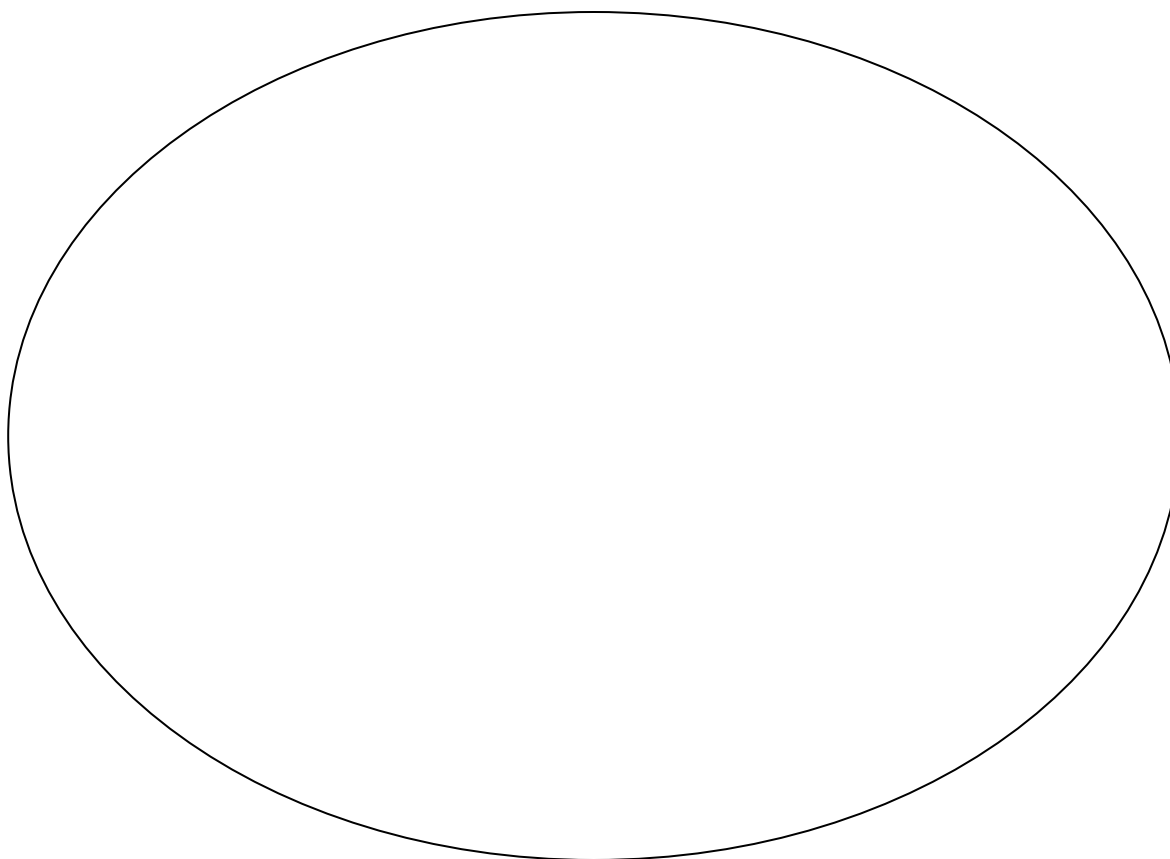
• Chính tả

Chép lại bài tập đọc "Bé Khoa".

Handwriting practice lines consisting of five sets of three horizontal lines (top solid, middle dashed, bottom solid) for copying the text.

• Vẽ

Con heo rồi tô màu.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 12

- **Thâu băng cassette**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Giờ Ra Chơi".
2. Học thuộc lòng: "Buổi Tối Ở Quê".

- **Điền vào chỗ trống**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Giờ Ra Chơi" điền vào chỗ trống:

Tối giờ ra chơi, có học trò đây ở nơi này. Các em khác chạy đua la ở nơi kia. Mặt trời chiếu Mãi vui đùa, ai nấy quên cả ngơi.

- **Chọn câu đúng nhất**

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài học thuộc lòng "Buổi Tối Ở Quê":

- Dế kêu ran ☐ trên đồi.
☐ khắp lối.
☐ khi trời tối.
- Đom đóm bay ☐ nơi tôi ngồi.
☐ khắp lối.
☐ lập lòe.
- Nghe chó sủa ☐ nơi tôi ngồi.
☐ như gió thổi.
☐ nơi xa xa.

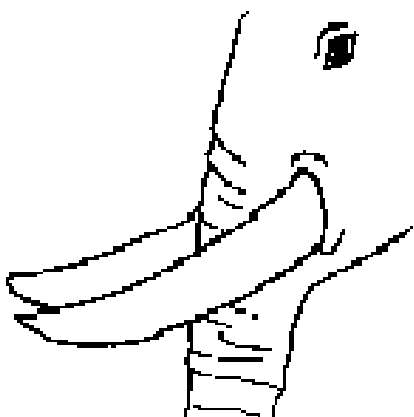
• **Đặt câu**

Em đặt câu với các từ:

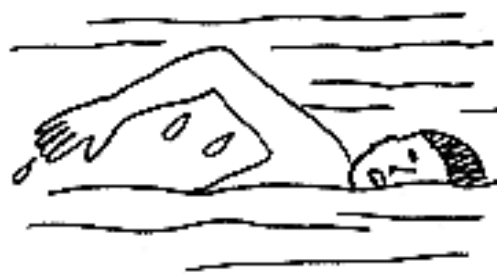
học giỏi
con voi
tôi ngồi
ăn xôi
đi chơi
Khôi bơi lội

• **Tìm từ**

Em điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.



Con _____ có ngà to.



Khôi _____ _____ giỏi.

• Tập viết

Em tập viết từ có vần: **oi ôi ơi.**

Bé đôi

Ăn xôi

Nghỉ ngơi

Học giỏi có quà

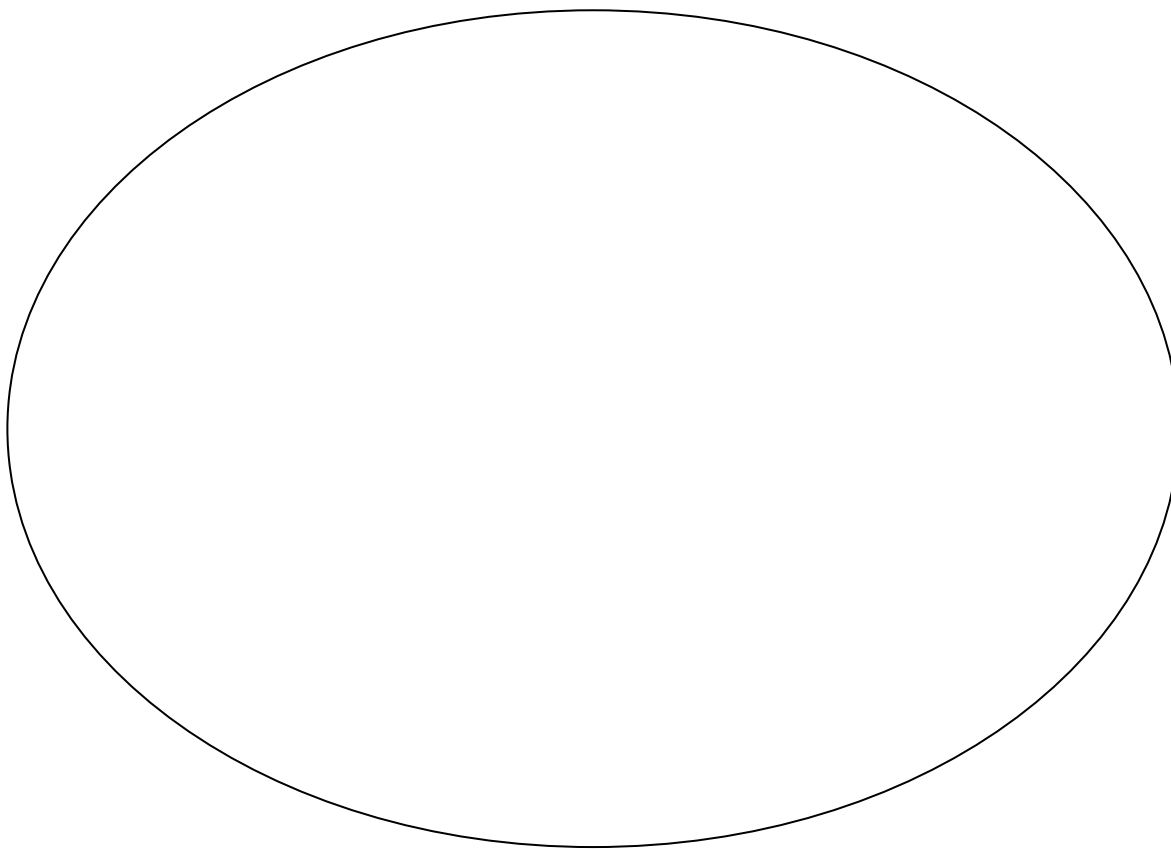
Tôi ngồi chơi trên đồi

- **Chính tả**

Chép lại bài học thuộc lòng "Buổi Tối Ở Quê".

- **Vẽ**

Con chó rồi tô màu.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 13

• **Thâu băng cassette**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Bà Bị Ốm".
2. Học thuộc lòng: "Ngày Mùa".

• **Điền vào chỗ trống**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Bà Bị Ốm" điền vào chỗ trống:

Hôm qua bà em bị Bà ăn rất ít. Sớm hôm mẹ ở nhà chăm và đưa bà đi bác sĩ. Em vui mừng bà khỏe trở lại.

• **Viết đúng chính tả**

Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới:

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Cụ <u>dà</u> cúi lom khom.	
Bát <u>kơ</u> m nếp <u>de</u> o.	
Bé <u>trơ</u> i om sòm.	
Mẹ <u>trắ</u> m nom bà.	

• Xếp câu

Em xếp câu cho hợp nghĩa và viết vào hàng dưới.

1. Hôm qua bị ốm bà

.....
.....

2. trái mít quá thơm Mẹ mua

.....
.....

3. thật sớm dậy Mẹ em

.....
.....

• Tìm từ

Em điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ



Hôm qua bà bị _____.



Mẹ ân cần chăm _____ bà.

- Tập viết

Em tập viết từ có vần: **om ôm ơm.**

Chăm nom

Tôm tép

Nấm rơm

Chim mẹ mớm mồi

Sớm hôm mẹ chăm nom bà

- **Chính tả**

Chép lại bài tập đọc "Bà Bị Ốm".

This image shows four sets of primary writing lines. Each set is composed of three horizontal lines: a solid top line, a dashed middle line, and a solid bottom line. These lines are provided for handwriting practice.

- **Vẽ**

Bà em.

[illegible]

Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 14

• **Thâu băng cassette**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Bàn Tay".
2. Bài hát: "Em Yêu Ai ?".

• **Điền vào chỗ trống**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Bàn Tay" điền vào chỗ trống:

Mỗi bàn tay đều có năm Ngón thì ngắn, thì dài. Ví như anh em một nhà, có người kẻ kém về tài năng. Nếu biết giúp đỡ và đoàn kết thì việc gì cũng xong. Anh em một nhà làm được như vậy mới là ngoan.

• **Chọn câu đúng nhất**

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài tập đọc "Bàn Tay":

- | | |
|--|--|
| - Bàn tay có ngón ngắn,
ngón dài ví như | ☐ Bạn bè cùng xóm.
☐ anh em một nhà.
☐ bạn học cùng trường. |
| - Anh em biết đoàn kết thì | ☐ không làm được việc.
☐ làm việc gì cũng xong.
☐ mọi việc đều dở dang. |
| - Anh em một nhà khôn
ngoan thì | ☐ không đoàn kết lại.
☐ không giúp đỡ nhau.
☐ đoàn kết và giúp đỡ nhau. |

- **Đặt câu**

Em đặt câu với các từ:

ngón tay cái.

con chồn

đội nón

cơm ngon

cao hơn

- **Tìm từ**

Em điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.



Con _____ có đuôi dài.



Mai cao lớn _____ Tâm.

• Tập viết

Em tập viết từ có vần: **on ôn ƠN.**

Trộn gỏi

Đĩa lớn

Nho ngon

Thịt bò bằm món

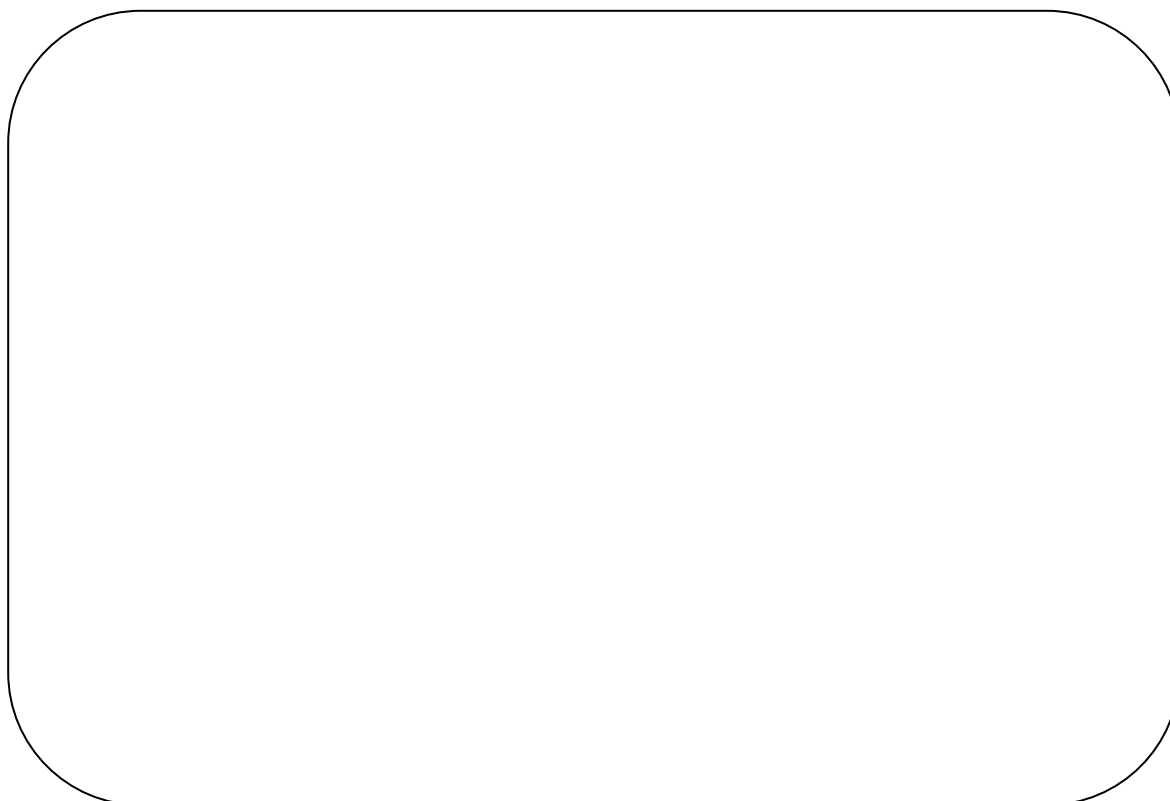
Trái cam tròn hơn trái lê

- **Chính tả**

Chép lại bài tập đọc "Bàn Tay".

- **Vẽ**

Trái cam và trái lê.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 15

• **Thâu băng cassette**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Mưa Lớn".
2. Tập đọc ôn trong cột có vần **oi ôi - ôm ơm - on ơn**.

• **Điền vào chỗ trống**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Mưa Lớn" điền vào chỗ trống:

Hôm nay trời mưa hơn mọi năm. Cả bầu tối
 như ban đêm. Bắt đầu mưa rơi rồi như thác
 đổ. Trẻ sợ hãi sấm chớp.
 Sau mưa, cây cối như tắm gội sạch sẽ. Khí trời mát mẻ trở
 lại.

• **Chọn câu đúng nhất**

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài tập đọc "Mưa Lớn":

- | | |
|--------------------------|---|
| - Cả bầu trời tối om như | ☐ ban ngày.
☐ ban đêm.
☐ nửa đêm. |
| - Trẻ con sợ hãi vì | ☐ mưa to gió lớn.
☐ trời tối như ban đêm.
☐ sấm chớp chói lòa. |
| - Sau cơn mưa | ☐ trời nóng bức.
☐ trời lại tối.
☐ trời mát trở lại. |

• Đặt câu

Em đặt câu với các từ:

trời mưa.

trời tối.

con tôm.

bơm xe đạp.

nhớ ơn.

• Tìm từ

Em điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.



Nhớ _____ thầy cô dạy dỗ.



_____ mưa sấm chớp.

- **Tập viết**

Em tập viết từ có vần: **oi ôi ơ; om ôm ơ; on ôn.**

Sợi tóc

Trái thơm

Con tôm

Tập nói ôn tồn

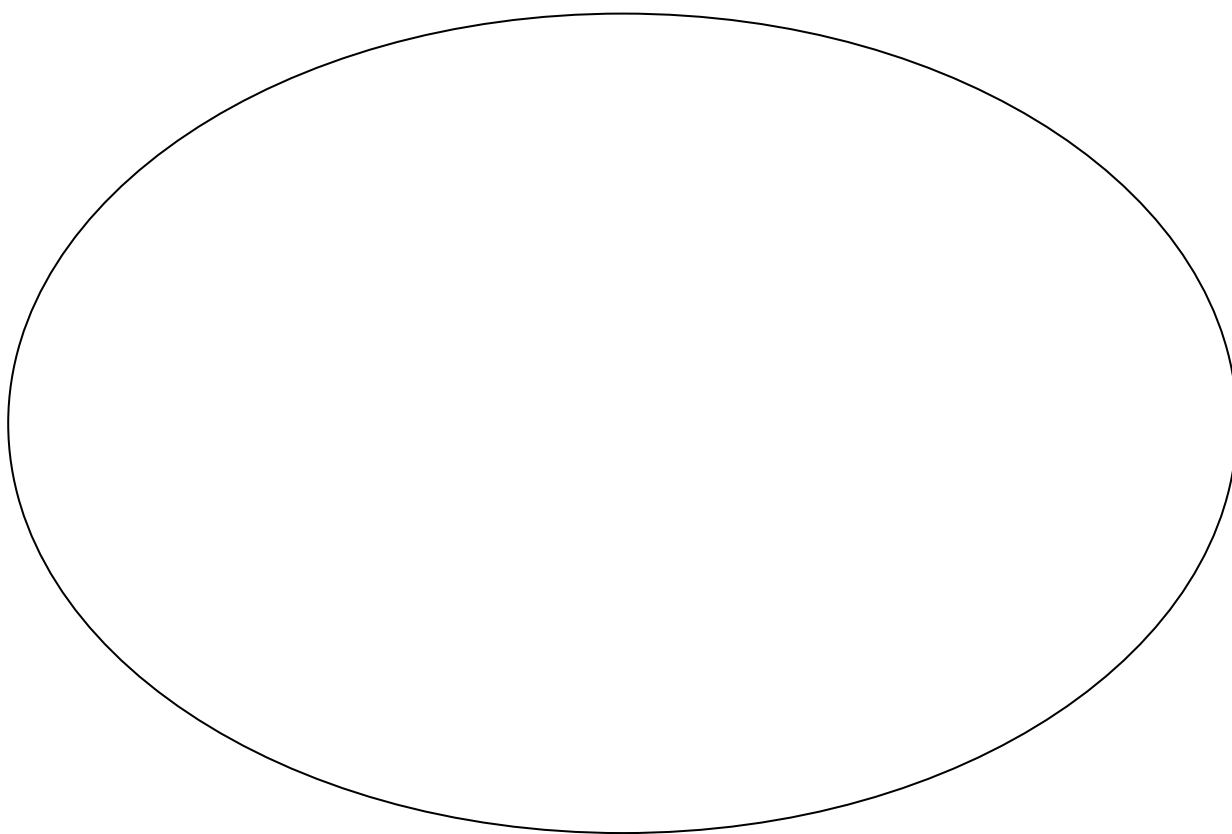
Hôm nay trời tối om

- **Chính tả**

Chép lại bài tập đọc "Mưa Lớn".

- **Vẽ**

Con tôm rồi tô màu.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 16

• **Thâu băng cassette**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Sấm Chớp".
2. Học thuộc lòng: "Lớp Ba".

• **Điền vào chỗ trống**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Sấm Chớp" điền vào chỗ trống:

Trời mưa lớn, có sấm Ở lớp học, em nghe mưa rơi
trên mái ngói. Mái ngói bị đột vì gió thổi quá mạnh. Cho nên có vài
. . . . học phải dời qua phòng khác.

• **Chọn câu đúng nhất**

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài học thuộc lòng: "Lớp Ba":

- | | |
|----------------------|---|
| - Em đang học | ☐ lớp ba.
☐ lớp bốn.
☐ lớp năm. |
| - Em làm bài | ☐ tại lớp.
☐ tại nhà.
☐ tại chợ. |
| - Em nộp bài làm cho | ☐ bạn em.
☐ cha mẹ.
☐ cô giáo. |

• Đặt câu

Em đặt câu với các từ:

sấm chớp

lộp độp

bể lớp xe

lốp ba

góp bài

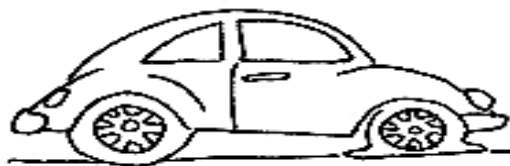
con cộp

• Tìm từ

Em điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.



Hai con _____



Xe ba bị xẹp _____

- **Tập viết**

Em tập viết từ có vần: **op ôp ơp.**

Lớp học

Họp mặt

Nộp bài

Pháo nổ lớp bốp

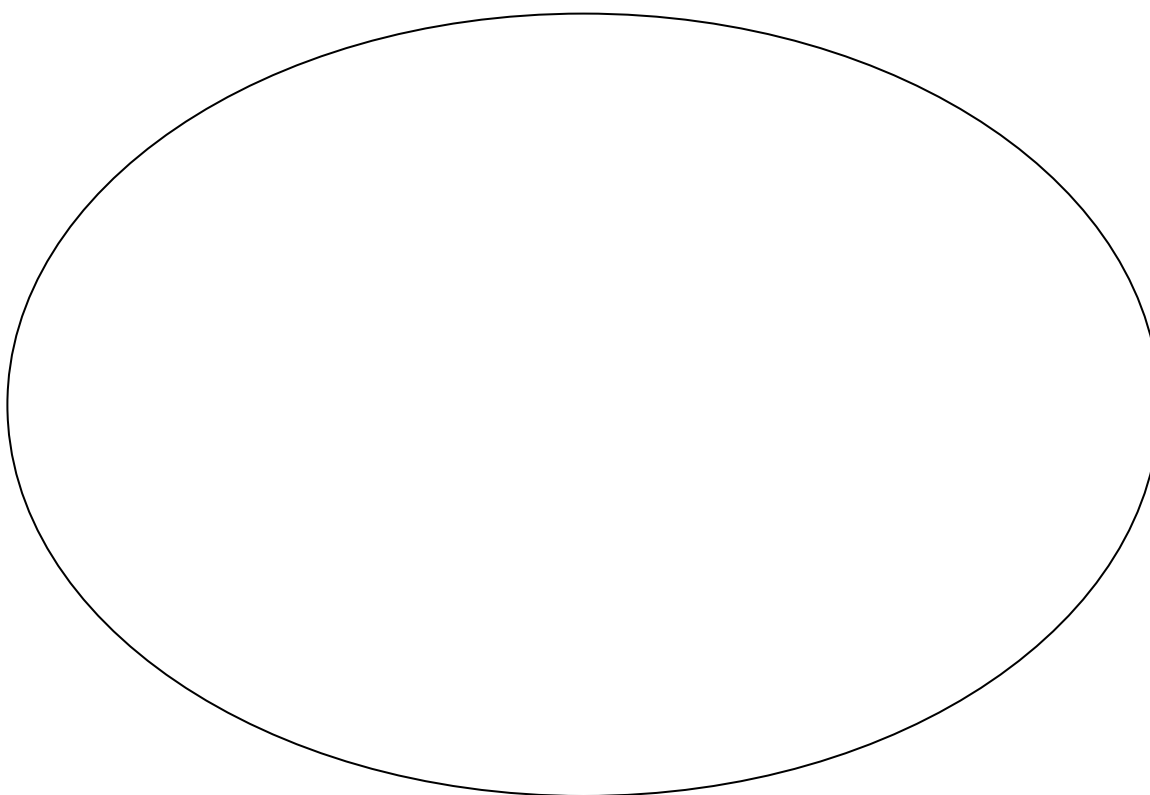
Sấm chớp trên trời

- **Chính tả**

Chép lại bài tập đọc "Sấm Chớp".

- **Vẽ**

Con cọp rồi tô màu.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 17

• **Thâu băng cassette**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Vườn Sau".
2. Học thuộc lòng: "Bạn Tốt".

• **Điền vào chỗ trống**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Vườn Sau" điền vào chỗ trống:

Vườn sau nhà em có chim hót trên ngọn cây.
 Có mấy dãy cà sai trái. Kia kia khóm cà coi đẹp mắt. Và đây
 trái ớt chín đỏ thẫm trên vài bụi xum xuê. Em chăm sóc vườn
 sau mỗi khi tan học về nhà.

• **Viết đúng chính tả**

Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới:

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Vườn <u>xau</u> có <u>trim</u> hót. Và đây <u>dài</u> bụi <u>ốc</u> . <u>Góc</u> chân bé đỏ <u>chóc</u> . Em nên <u>troi</u> bạn <u>tôt</u> . Ngọt bùi <u>tria</u> <u>xốt</u> .	. .

• Xếp câu

Em xếp câu cho hợp nghĩa và viết vào hàng dưới.

1. trên ngọn cây chót vót Chim hót

.....
.....

2. lá tả rơi Lá vàng

.....
.....

3. được tốt cho sức khỏe Tập thể thao

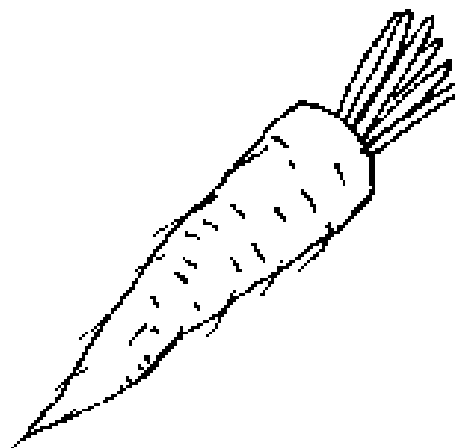
.....
.....

• Tìm từ

Em điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ



Chim hót thánh



Củ cà đỏ.

- **Tập viết**

Em tập viết từ có vần: **ot ôt ot.**

Cây ót

Bột gạo

Chim hót

Chùa một cột

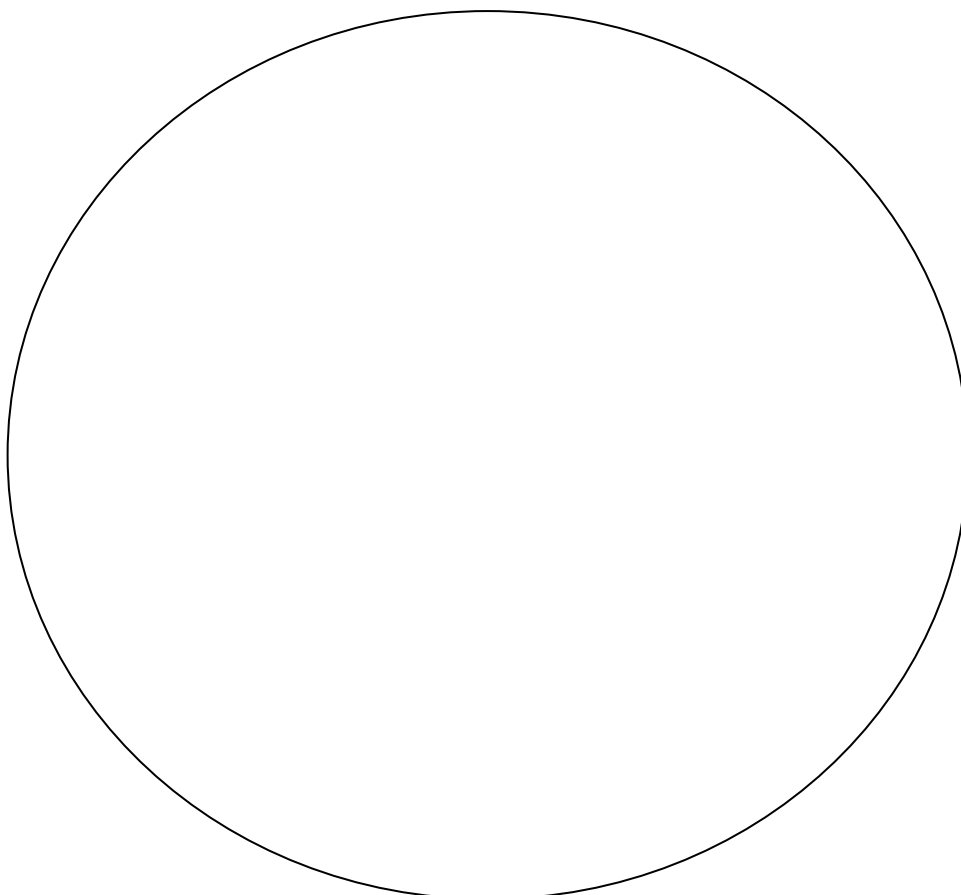
Hột ớt rất cay

- **Chính tả**

Chép lại bài tập đọc "Vườn Sau".

- **Vẽ**

Chim hót.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 18

• **Thâu băng cassette**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Phải Gắng Sức".
2. Bài hát: "Em Yêu Ai ?".

• **Điền vào chỗ trống**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Phải Gắng Sức" điền vào chỗ trống:

Còn nhỏ tuổi, các em nên gắng học hành. Ngày qua đi rất mau.
 Khó lòng lại được thời gian đã mất. Vì vậy chớ có đua đòi,
 ham chơi phí cả lực. Hãy nhớ lại gương về thỏ và rùa.
 Thỏ chạy mau hơn rùa bò. Thế mà thỏ chạy thua vì thỏ không
 gắng

• **Chọn câu đúng nhất**

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài tập đọc "Phải Gắng Sức":

- | | |
|------------------------|--|
| - Em là học sinh phải | ☐ ham chơi hơn học.
☐ chơi cho hết ngày tháng.
☐ chăm chỉ học và làm bài. |
| - Thời gian qua rồi | ☐ em mua lại dễ dàng.
☐ em đem bán đi.
☐ em không thể mua lại được. |
| - Thỏ chạy thua rùa vì | ☐ rùa bò chậm hơn thỏ.
☐ thỏ chạy lẹ hơn rùa.
☐ thỏ không gắng sức. |

• Đặt câu

Em đặt câu với các từ:

cố sức

thức dậy

con rùa

trời mưa

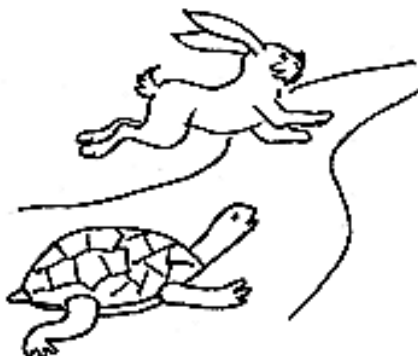
gỗ mục

• Tìm từ

Em điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ



Em gắg _____ học.



Rùa thỏ chạy _____

• Tập viết

Em tập viết từ có vần: **ua ưa uc ưc.**

Cây lúa

Trời mưa

Hoa cúc

Thức dậy sớm

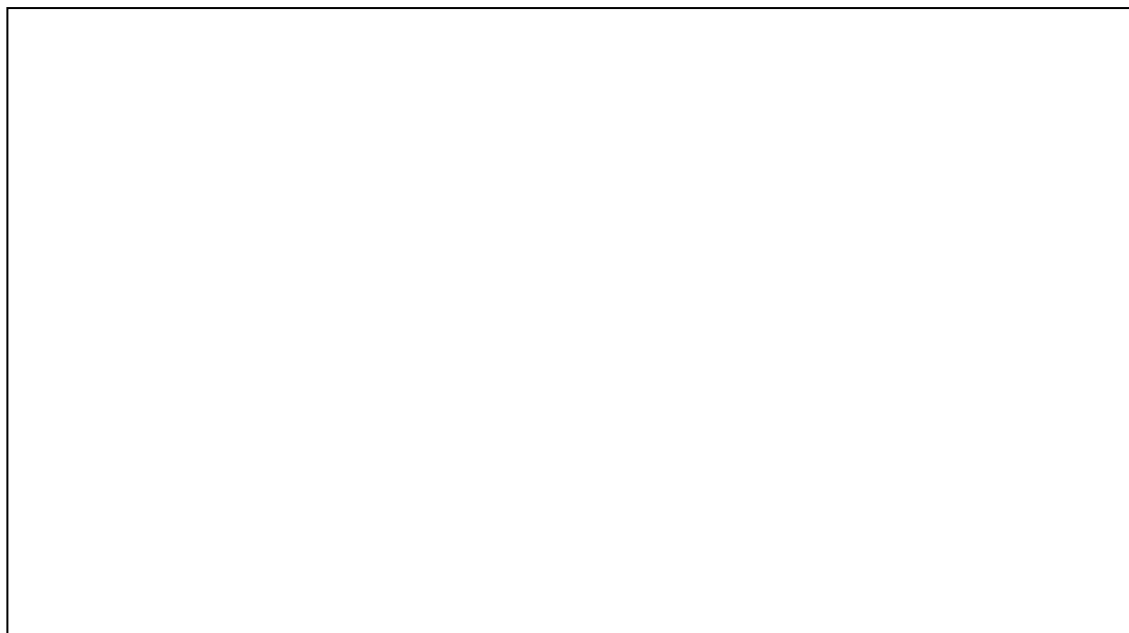
Em gắng sức học hành

- **Chính tả**

Chép lại bài tập đọc "Phải Gắng Sức".

- **Vẽ**

Con rùa và con thỏ.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 19

• Thâu băng cassette

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Đàn Chim Việt".
2. Tập đọc ôn trong những cột có vần **ôp ơp -- ot ôt -- ưa uc**.

• Điền vào chỗ trống

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Đàn Chim Việt" điền vào chỗ trống:

Các em học sinh ví như đàn chim nhỏ. Tất cả chăm chỉ tới tập, tập viết và tiếng Việt Nam. Các em là nguồn, hạnh phúc của cha. Thầy cô chia sẻ niềm vui quý này. Vào khóa học tới, thầy cô sẽ gặp lại các em thân mến.

• Chọn câu đúng nhất

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài tập đọc "Đàn Chim Việt":

- | | |
|-----------------------|--|
| - Các em đến lớp | ☐ nô đùa.
☐ cha mẹ vui.
☐ tập đọc, tập viết, và học nói. |
| - Ai làm cha mẹ vui ? | ☐ đàn chim nhỏ.
☐ thầy cô giáo.
☐ các em học sinh. |
| - Thầy cô giáo vui vì | ☐ cha mẹ các em.
☐ các em chăm chỉ học hành.
☐ các em đua chơi. |

- **Đặt câu**

Em đặt câu với các từ:

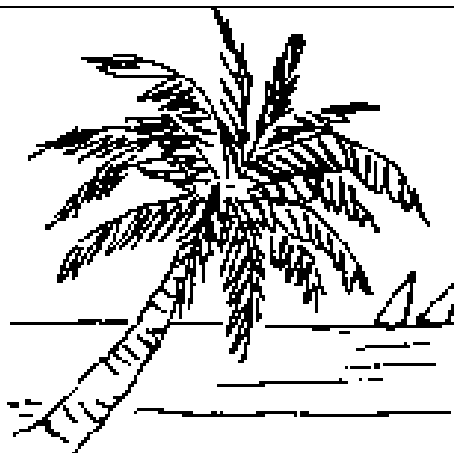
lớp bốn
thi đua học
hột ớt
bút mực đỏ
bóp còi xe

- **Tìm từ**

Em điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.



Chim _____ thánh thót.



Lá cây dừa _____ thừa.

- Tập viết

Em tập viết từ có vần: **ôp ot ôt; ua ua.**

Hộp phân

.....

.....

Chim hót

.....

.....

Bạn tốt

.....

.....

Mưa rơi lộp độp.

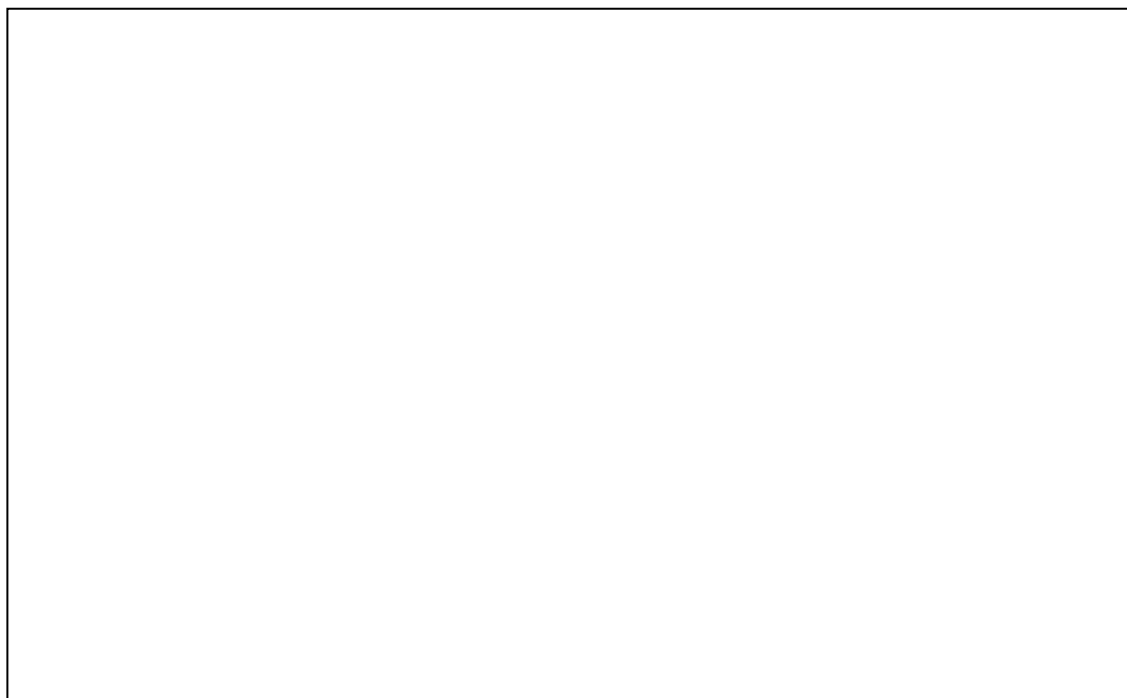
Thỏ chạy thua rùa

- **Chính tả**

Chép lại bài tập đọc "Đàn Chim Việt".

- **Vẽ**

Con rùa chạy đua với thỏ.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 20

• **Thâu băng cassette**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

1. Tập đọc: "Má Em".
2. Học thuộc lòng: "Gửi Thư".

• **Điền vào chỗ trống**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Má Em" điền vào chỗ trống:

Má em chịu khó làm việc. Ở sở về, má chăm nom nhà cửa. Má vui vẻ lau bàn ghế, giặt áo quần. Trên bàn thờ tổ có bày hoa cúc, hoa tiên.

Vào nhà, em thấy mùi thơm ngát dễ chịu.

• **Chọn câu đúng nhất**

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài học thuộc lòng: "Gửi Thư":

- | | |
|-------------------------|---|
| - Ba gửi thư thăm | ☐ má ở xa.
☐ bé Thùy ở xa.
☐ ông bà nội và ngoại. |
| - Gia đình em đang | ☐ ở xa quê nhà.
☐ ở gần quê nhà.
☐ ở tại quê nhà. |
| - Ba má nhận thư ông bà | ☐ không vui mừng.
☐ vui mừng ít.
☐ vui mừng thiết tha. |

- **Đặt câu**

Em đặt câu với các từ:

mũi người

hút bụi

vui vẻ

giặt ủi

lau chùi

- **Tìm từ**

Em điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.



Chú Duy hút _____



Ba _____ thư thăm bà.

- Tập viết

Em tập viết từ có vần: **ui ưi uy.**

Mũi người

Bụi bặm

Giặt ủi

Duy đi gửi quà

Thúy rất vui vẻ

- **Chính tả**

Chép lại bài tập đọc "Má Em".

This image shows a full page of handwriting practice paper. It features five identical sets of horizontal guidelines arranged vertically. Each set includes three lines: a solid top line, a dashed middle line, and a solid bottom line, providing a structured space for practicing letter formation and alignment.

- **Vẽ**

Chậu hoa cúc.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 21

• Thâu băng cassette

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

3. Tập đọc: "Chú Lùn".
4. Học thuộc lòng: "Ở Quê".

• Điền vào chỗ trống

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Chú Lùn" điền vào chỗ trống:

Ở quê em có chú làm nghề đồn củi. Tay cầm con dao cùn, chú chặt củi để bếp. Tới bụi rậm rúi , chú dẫm phải bùn sâu. Chân bị tới đầu gối. Rút chân lên không được, chú kêu cứu sùm.

• Viết đúng chính tả

Em sửa lại từ viết sai có gạch dưới:

Câu có từ viết sai	Viết lại cả câu cho đúng
Chú <u>lùnq</u> dẫm bùn.	
Sáo sậu hay ăn <u>dun</u> .	
<u>Trùm</u> nho <u>trín</u> đỏ.	
Rau <u>quê</u> để ăn <u>phơ</u> .	
Bụi <u>ốc</u> xum <u>xoe</u> .	

• Trả lời

Em trả lời câu hỏi.

4. Em kể tên vài loại chim ăn giun ?

5. Rau húng quế dùng để làm gì ?

6. Um tùm và xum xuê có khác nghĩa nhau không ?

• Tìm từ

Em điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.



_____ nho chín đỏ.



Sáo sậu ăn _____

- Tập viết

Em tập viết từ có vần: **um un uê.**

Rét run

Làm giùm

Khai thuế

Bún bò Huế cay

Chú lùn kêu cứu um sùm

- **Chính tả**

Chép lại bài tập đọc "Chú Lùn".

This image shows a full page of handwriting practice paper. It features five identical sets of horizontal guidelines arranged vertically. Each set includes three lines: a solid top line, a dashed middle line, and a solid bottom line, providing a structured space for practicing letter formation and alignment.

- **Vẽ**

Tô phở.

[illegible]

Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 22

• **Thâu băng cassette**

Em đọc và thâu vào băng mỗi bài hai lần để nạp thầy cô chấm điểm tập đọc:

3. Tập đọc: "Đi Cẩm Trại".

4. Bài hát: "Thăng Cuội".

• **Điền vào chỗ trống**

Em tìm từ hợp nghĩa trong bài tập đọc "Đi Cẩm Trại" điền vào chỗ trống:

Em và các bạn cùng lớp đi cắm trại. Chủ Nhật vừa qua, chúng em nô nức trèo lên ngọn đồi xa Cả lớp dựng được bốn túp lều

Mai bị tay vì chặt củi bếp. Các bạn vui vẻ phụ nấu ăn.

Bữa ăn trưa ở trại thật là

• **Chọn câu đúng nhất**

Em đánh dấu (X) vào ô vuông cho đúng theo bài tập đọc: "Đi Cẩm Trại":

- Ngọn đồi xa

☐ thật xa.

☐ thăm thẳm.

☐ hun hút.

- Bốn túp lều

☐ to cao.

☐ cao đẹp.

☐ lụp xụp.

- Bữa cơm trưa

☐ thật là đầy đủ.

☐ thật đơn giản.

☐ thật thú vị.

• Trả lời

Em trả lời câu hỏi.

1. Cả lớp đi cắm trại vào ngày nào ?

2. Các em trèo lên ngọn đồi xa như thế nào ?

3. Cả lớp dựng được mấy túp lều lụp xụp ?

• Tìm từ

Em điền vào chỗ trống cho hợp nghĩa với hình vẽ.



Kẹo _____ ngày Tết.



Túp lều _____

- **Tập viết**

Em tập viết từ có vần: **up ut, urt.**

Túp lều lụp xụp

Mưa ngập lụt

Nóng hè bức rứt

Chụp đèn búp sen

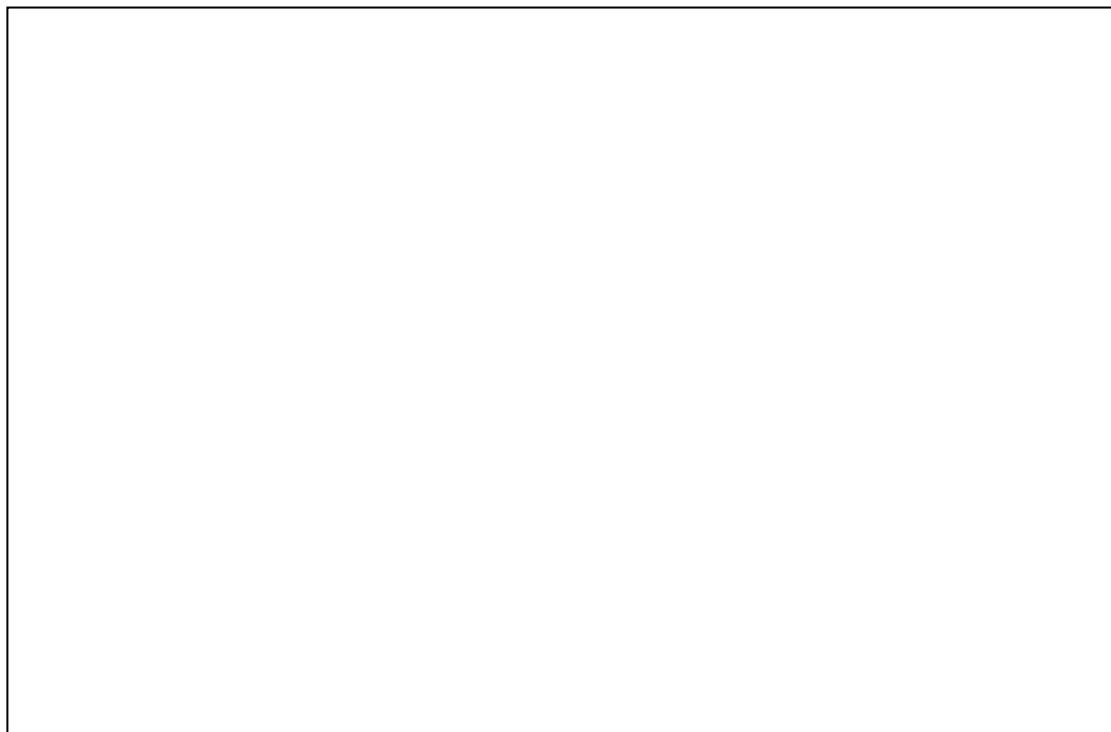
Dì Út hút bụi xe

- **Chính tả**

Chép lại bài tập đọc "Đi Cắm Trại".

- **Vẽ**

Ba túp lều.



Họ và tên học sinh : _____ Phụ huynh kiểm nhận : _____

Bài Làm Ở Nhà # 23

- **Học ôn thi**

Thầy cô hướng dẫn các em những bài đã học để ôn thi cuối khóa.



Bài đọc thêm

Con Rồng Cháu Tiên

Theo Việt Sử, Lạc Long Quân lấy bà Âu Cơ, sinh được một trăm người con. Lạc Long Quân là dòng dõi Rồng, còn bà Âu Cơ là dòng dõi Tiên.

Một hôm Lạc Long Quân mới bảo vợ rằng:

"Ta là nòi giống Rồng mà nàng là nòi giống Tiên. Nay ta chia con ra, cho nàng năm mươi đứa đem lên núi, ta đem năm mươi đứa xuống biển."

Nói xong, vợ chồng chia tay nhau, mỗi người đem con đi một ngả. Người con đầu được phong làm vua nước ta tức là vua Hùng thứ nhất. Vua Hùng đặt tên nước là Văn Lang.

Do sự tích này, người Việt ta ngày nay tự hào là con Rồng cháu Tiên.

Chử Đồng Tử

Vua Hùng thứ ba có một người con gái xinh đẹp tên là Tiên Dung. Công chúa thích đi chơi theo sông biển. Một hôm, Tiên Dung đi chơi đến gần làng Chử Xá thì cho quân lính cắm trại. Đến khi công chúa đi tắm, dội nước thì thấy Chử Đồng Tử ẩn dưới cát. Hỏi chuyện ra mới biết Chử Đồng Tử rất nghèo nhưng hiếu thảo. Cho là duyên Trời đưa lại, công chúa lấy Chử Đồng Tử làm chồng.

Vua Hùng được tin rất là tức giận. Thấy vậy, công chúa ở lại cùng chồng và làm ăn buôn bán. Một hôm Chử Đồng Tử đi buôn ghé vào một am nhỏ và ở lại tu. Sau một năm đi về thì được thầy tặng cho cây gậy và cái nón thần. Về nhà Chử Đồng Tử dạy đạo lí cho vợ rồi hai vợ chồng bỏ nghề buôn bán và đi học đạo. Một đêm tối gặp nơi không có ai ở, hai vợ chồng mới tạm chống gậy, che nón ở đường để nghỉ. Khuya ấy, cung điện, lầu đài hiện ra với đủ quân lính và kẻ hầu. Vua Hùng cho là con mình làm loạn, liền cho quân tới đóng ở bên kia sông. Đến tối cả khu đất có lầu đài bay thẳng về Trời. Khu đất đó sập thành một cái đầm lớn gọi là Nhất Dạ Trạch nghĩa là đầm một đêm. Dân chúng thấy sự linh dị bèn lập miếu thờ, hàng năm có tế lễ. Đầm Nhất Dạ nay thuộc tỉnh Hưng Yên, Bắc Việt Nam.

Sự Tích Trầu Cau

Đời Hùng Vương thứ 4, có hai anh em nhà họ Cao, giống nhau như đúc. Hai anh em rất thương mến nhau.

Đến khi người anh có vợ rồi, anh em cũng vẫn ở chung một nhà. Một hôm, hai anh em cùng nhau ra đồng làm việc. Người em về trước. Chị dâu tưởng chồng mình, vui vẻ ra đón, có chiều thân ái. Người em sợ anh mình về biết chuyện, bèn bỏ nhà ra đi. Tới bờ sông to, ngồi khóc rồi chết hóa ra hòn đá. Biết được tin người em bỏ đi, người anh vội đi tìm; đến bên hòn đá, khóc em rồi cũng chết, hóa ra cây cau. Người vợ nhớ chồng, đi tìm. Đến bờ sông ôm cây cau khóc thảm thiết, rồi ngất đi mà chết. Sau, hóa ra dây trầu leo lên thân cau.

Người trong vùng biết chuyện lập miếu thờ. Về sau, khi vua Hùng đi qua nghe thuật lại sự tích ấy rất cảm thương. Vua sai hái lá trầu nhai với quả cau thấy có vị thơm, nhổ lên hòn đá thấy màu đỏ thắm. Vua bèn truyền cho dân chúng dùng trầu cau trong việc cưới hỏi.



NGŨ VÙNG ĐÃ HỌC

A

Âu yếm: Biểu lộ tình thương dịu dàng bằng cử chỉ, giọng nói.

C

Cái tâm: Điểm ở giữa vòng tròn.

Cặm cũi: Chăm chú làm việc gì.

Cao quý: Có giá trị và ý nghĩa lớn lao, đáng quý trọng.

Con cái: Các con.

CH

Chót vót: Cao vút, vượt khỏi mọi vật.

D

Dột: Bị nước chảy vào nhà qua lỗ thùng hoặc kẽ hở trên mái nhà.

Đ

Đồ cổ: Đồ xưa, vật dụng lâu đời.

Đoàn kết: Gắn bó với nhau thành một nhóm và hoạt động với cùng một mục đích.

H

Hả hê: Vui sướng thích thú.

Hãnh diện: Tự hào với cái mình cho là hơn người khác.

Hiu hiu: Gió thổi nhẹ, từng hồi.

Hun hút: Thật dài và sâu.

I

Im lìm: Hoàn toàn im lặng.

KH

Khí hậu: Tình hình chung về thời tiết của một vùng.

L

Lả tả: Rơi xuống nhiều và liên tiếp.

Lác đác: Thưa thớt, ít ỏi.

Lập lòe: Ánh sáng khi lóe lên khi mờ đi.

Lẹp xẹp: Tiếng dế đi trên nền gạch.

Lúu lo: Tiếng chim hót với nhiều âm thanh cao, trong và liên tiếp nhau nghe vui tai.

Lom khom: Tư thế cong lưng xuống.

Lụp xụp: Thấp bé, tồi tàn và xấu xí.

Lưu truyền: Truyền lâu dài tới đời sau.

N

Nết na: Có tính tốt.

Nòng nọc: Loại ếch hay nhái con ở giai đoạn mới sinh trưởng, sống dưới nước, thở bằng mang và có đuôi.

Nộp: Đưa cho.

NG

Ngọt bùi: Có được lúc sung sướng, hạnh phúc.

NH

Nhân nghĩa: Lòng thương người và yêu chuộng lẽ phải.

S

Sai trái: Có nhiều trái.

Sấm: Tiếng nổ do sự dẫn nổ không khí bị đốt nóng bởi sét.

Sét: Ánh sáng sinh ra do phản ứng điện giữa hai đám mây hay giữa đám mây và mặt đất.

Sức nức: Xông lên rất mạnh và tỏa ra khắp nơi.

T

Tắt: Bí tắt hay vớ.

TH

Thiết tha: Có tình cảm sâu sắc, gắn bó.

Thú vị: Làm cho ta vui thích.

Thuận hòa: Êm ảm, không cãi cọ.

Thủy chung: Trước sau như một, không thay đổi.

U

Um sùm: Om sòm.

Um tùm: Rậm rạp, sum sê.

V

Vất vả: Khó nhọc vì phải bỏ nhiều sức lực và tâm trí.

X

Xum Xuê: Có nhiều cành lá rậm rạp, tươi tốt.

----- oOo -----

Phần giải nghĩa các câu tục ngữ

- Bà** **Nước chảy, đá mòn.**
Đá dù cứng hơn nước, dòng nước chảy mãi trên đá lâu ngày đá cũng phải mòn. Ý nói con người kiên nhẫn làm một việc gì, lâu ngày cũng sẽ thành công.
- Bài 1** **Mật ngọt chết ruồi.**
Lời lẽ dịu ngọt thường làm xiêu lòng người.
- Bài 2** **Có công mài sắt, có ngày nên kim.**
Cần cù cố gắng làm thì dù cho công việc có khó khăn cách nào cũng sẽ được thành công.
- Bài 3** **Một sự nhịn, chín sự lành.**
Nhịn được một việc hay một lời nói là tránh khỏi một điều tranh chấp có thể sinh rắc rối hay gây tai hại cho mình. Điều dễ thấy là mình không phải lo ngại ngày đêm việc người ta sẽ trả thù bất cứ lúc nào.
- Bài 4** **Lời thật mịch lòng.**
Những lời nói ngay thẳng, thật tình, không bợ đỡ bao giờ cũng trái tai người nghe. Nếu người nào chịu nghe thì có lợi.
- Bài 5** **Đời cha ăn mặn, đời con khát nước.**
Cha làm ác, con phải chịu cái quả báo ấy. Nghĩa là, lớp con của người làm ác sẽ chịu khổ sở như những người đã bị cha chúng làm hại.
- Bài 6** **Cái nết đánh chết cái đẹp.**
Tính tình nết na, ngoan hiền thì quan trọng và cần thiết hơn là nhan sắc đẹp đẽ bề ngoài.
- Bài 7** **Ăn ngay nói thật, mọi tật mọi qua.**
Ngay thật đứng đắn thì lòng không phải thắc mắc, lo ngại.
- Bài 8** **Ăn bát cơm dẻo, nhớ nẻo đường đi.**
Ăn uống sung sướng thì phải cho khôn ngoan, biết nghe lời dạy bảo.
- Bài 9** **Cái răng cái tóc là vóc con người.**
Hàm răng và mái tóc là hai món chính làm tăng vẻ đẹp con người.
- Bài 10** **Kiên tha lâu đầy tổ.**
Kiên nhẫn làm mỗi khi một ít, lâu ngày sẽ thành công.
- Bài 11** **Thương người như thể thương thân.**
Yêu thương, lo lắng cho người khác giống như lo cho chính mình.
- Bài 12** **Lá rụng về cội.**
Con cái dù được ai nuôi dưỡng, lớn lên cũng muốn tìm về cha mẹ ruột, ông bà hay nguồn gốc, tổ tiên của mình.
- Bài 13** **Sau cơn mưa trời lại nắng.**
Hết loạn đến trị, hết nguy đến an. Sau một hồi xung đột, chùng biết ý nhau rồi hai đảng thân mật hơn trước.
- Bài 14** **Con hơn cha là nhà có phúc.**

Con mà làm nên hơn cha là hợp với lẽ tiến bộ của xã hội. Gia đình có phúc đức.

Bài 15 Ăn kĩ no lâu, cày sâu tốt lúa.

Nhai kĩ càng và ăn từ từ thì ăn được nhiều, tức nhiên được no lâu. Cày sâu lớp đất, rễ lúa xuống sâu hơn thì lúa tốt hơn. Ý nói, mọi việc nếu làm kĩ lưỡng thì sẽ có kết quả tốt.

Bài 16 Góp gió thành bão.

Thu nhặt mỗi ngày một ít, lâu ngày sẽ được một số lớn.

Bài 17 Tốt gỗ hơn tốt sơn.

Nên coi trọng cái thực chất bên trong, hơn là cái vỏ loè loẹt hào nhoáng bên ngoài.

Bài 18 Có đức mặc sức mà ăn.

Có phước đức do sự ăn ở hiền lành của mình hay của cha mẹ ông bà thì không lo nghèo đói, khổ sở.

Bài 19 Cửa rề rề không bằng một nghề trong tay.

Giàu có mà không làm ra thì lâu ngày cũng hết, không bằng có một nghề mỗi ngày đều làm ra không hết được.

Bài 20 Miệng ăn núi lở.

Ở không mà ăn xài, tiền của bao nhiêu cũng hết.

Bài 21 Làm phúc được phúc.

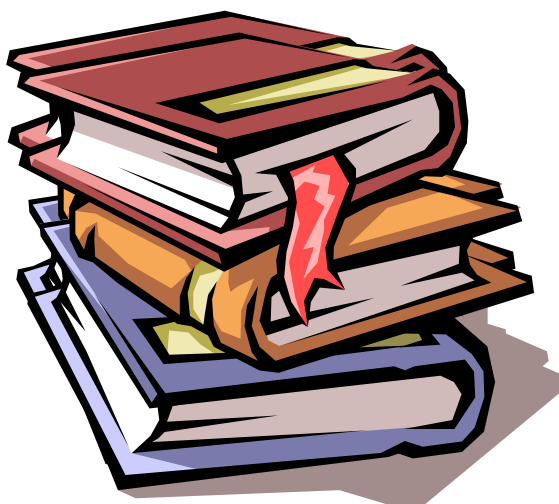
Làm ơn cho ai thì được người đó nhớ ơn và nhiều người khác cảm mến, có dịp là họ làm ơn lại cho mình ngay.

Bài 22 Tay đứt ruột xót.

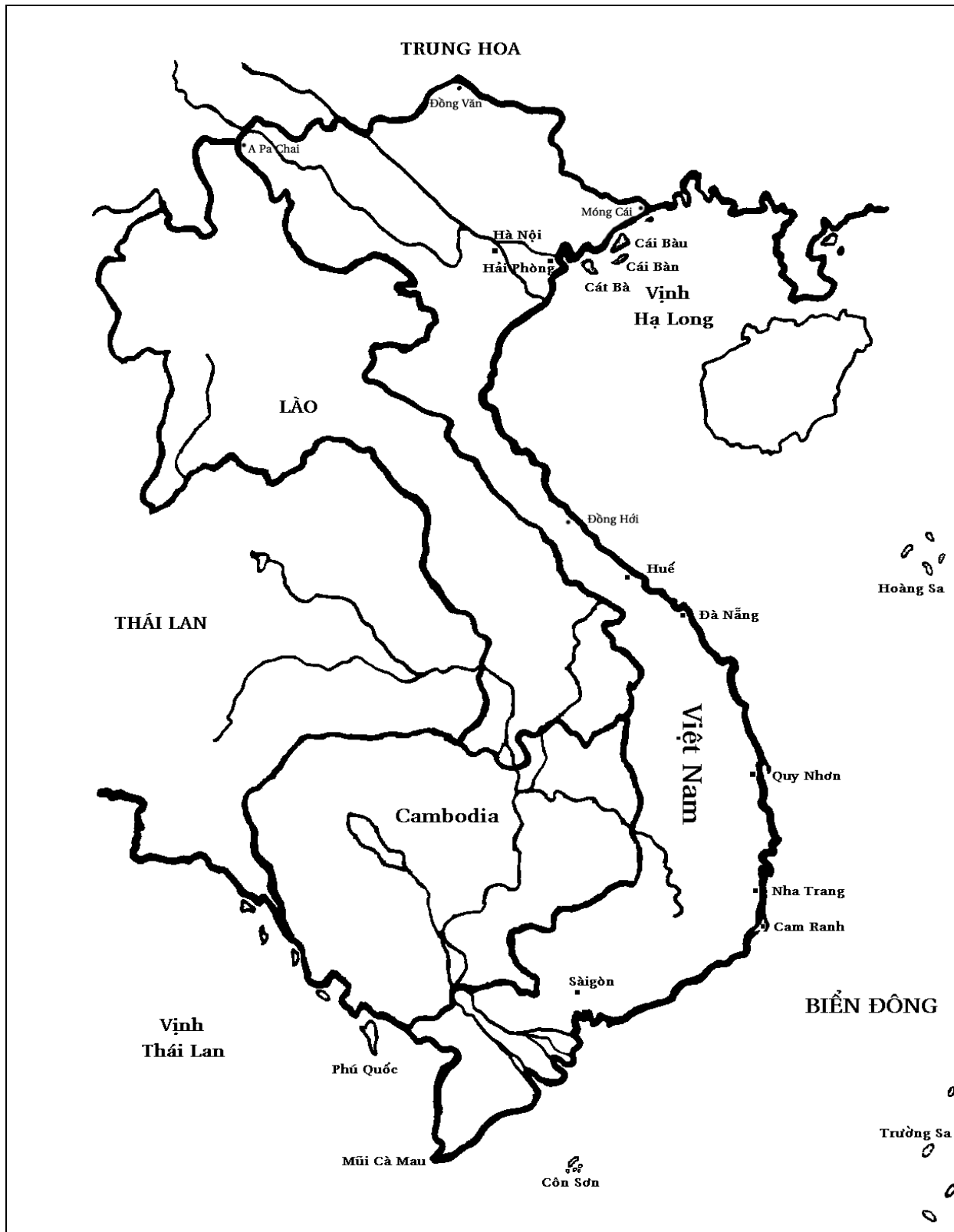
Một người thân bị hại hay rủi ro mắc nạn, thì các người khác đều đau xót.

Bài 23 Tiền rừng, bạc biển.

Giàu có nhiều của cải, tài sản quý giá.



Bản đồ Việt Nam.



Tài liệu tham khảo:

- **Việt Nam Tự Điển.**
Hội Khai Trí Tiến Đức.
- **Việt Nam Tự Điển.**
Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ.
- **Tự Điển Việt Nam.**
Thanh Nghị.
- **Việt Nam Sử Lược.**
Trần Trọng Kim.
- **Việt Sử Toàn Thư.**
Phạm Văn Sơn.
- **Địa lí Việt Nam.**
Nguyễn Khắc Ngữ.
- **Văn Việt Ngữ.**
Bùi Văn Bảo.
- **Chữ Việt Học Mau.**
Khuất Hữu Dũng - Thảo Bình.
- **Thơ Tuổi Thơ.**
Nguyễn Hữu Bào.
- **Cẩm Nang Sư Phạm.**
Các Trung Tâm Việt Ngữ Nam California.
- **Em Học Việt Ngữ.**
Trung Tâm Giáo Dục Hồng Bàng.
- **Chúng Em Cùng Học.**
Trung Tâm Việt Ngữ Văn Lang.



QUỐC CA VIỆT NAM CỘNG HOÀ

Lưu Hữu Phước



Này Công Dân ơi Đứng lên đáp lời sông núi Đồng lòng cùng
đi hy sinh tiếc gì thân sống. Vì tương lai Quốc dân, cùng
xông pha khói tên, làm sao cho núi sông từ nay luôn vững bền. Dù
cho thầy phoir trên gươm giáo, thù nước lấy máu đào đem
báo Nòi giống lúc biến phải cần giải nguy, người Công Dân
luôn vững bền tâm trí, hùng tráng quyết chiến đấu làm cho khắp nơi vang
tiếng người nước Nam cho đến muôn đời Công Dân ơi! mau hiến thân dưới
cờ Công Dân ơi Mau làm cho cỏi bờ, thoát cơn tàn phá, về
vang nòi giống xứng danh nghìn năm giòng giống Lạc Hồng

VĂN LANG HÀNH KHÚC

Thượng Nhàn



Về Văn Lang ta vui chúng ta cùng quay về nguồn
Lòng hằng say ta vui chúng ta cùng xây dựng đời

Về nơi đây hôm nay chúng ta cùng xây đời mới
Rồi mai đây quê hương sẽ vang lòng thế hệ mới

Hãy cùng sánh vai Vì non sông góp công vì quê hương đầu
Hướng về nước Nam Lòng ta luôn quyết tâm cùng nhau đi đắp

tranh xây Cho khắp nơi chan hoà mừng vui
Cho khắp nơi reo mừng đoàn viên

Anh chị em hối mau về đây ta cùng tô thắm cho đời

sau Cho nước non mai này sẽ thanh bình nơi nơi
Cho cháu con Tiên Rồng sẽ sống đời yên vui

NGÔI TRƯỜNG VĂN LANG

Thượng Nhân

Nơi Văn Lang em vui học vui Em siêng
Nơi Văn Lang em luôn học chăm Em hăng
năng trau dồi tiếng Việt Em sẽ là học sinh gương
say đến trường mỗi tuần Em sẽ là trò ngoan trong
mẫu Cho xứng là giống giống Ròng Tiên
lớp Cho xứng lòng thương mến thầy cô
Em luôn luôn nghe theo thầy cô Chăm viết
chăm đánh vần chữ Việt Em sẽ thành một người hữu
ích Cho xứng là giống giống Việt Nam
Văn Lang ơi thầy cô yêu mến dạy cho em lễ
Văn Lang ơi trường em yêu dấu là nơi em ra
phép làm người. Em không quên những lời khuyên bảo
sức học hành. Em mong sao đến ngày khôn lớn
Để mai sau xứng thành người dân
Sẽ mang cống hiến về quê hương

VIỆT NAM

Phạm Duy



Việt Nam Việt Nam nghe tự vào đời Việt Nam hai câu nói bên vành nôi Việt

Nam nước tôi Việt Nam Việt Nam tên gọi là người Việt Nam hai câu nói sau cùng đi lia

đời Việt Nam đây miền xinh tươi Việt Nam đem vào sông núi Tự do công bình bác ái muôn

đời Việt Nam không đời xương máu. Việt Nam kêu gọi thương nhau Việt Nam đi xây đắp yên vui dài

lâu Việt Nam trên đường tương lai lửa thiêng soi toàn thế giới. Việt Nam ta nguyện tranh đấu cho

đời. Tình yêu đây là khí giới. Tình thương đem về muôn nơi. Việt Nam đây tiếng nói đi xây tình

người... Việt Nam Việt Nam Việt Nam quê hương đất nước sáng

ngôi Việt Nam Việt Nam Việt Nam muôn đời

VIỆT NAM QUÊ HƯƠNG NGẠO NGHỀ

Nguyễn Đức Quang

1. Ta như nước dâng dâng tràn có bao giờ tàn. Đường dài ngút ngàn chỉ một trận cười vang.

2. Ta như giống dân di tràn trên lò lửa hồng. Mặt lạnh như đồng cùng phin về một xa vang. Lê sau bàn chân gông xiềng của thời xa xăm. Đôi mắt ta rực sáng theo nhịp xích kêu loang xăm. Da chan mồ hôi nhễ nhại cuộn vòng gân tươi. Ôm vết thương rỉ máu ta cười dưới ánh mặt xoang. Ta khua xích kêu vang dậy trước mặt mọi người. Nụ cười muôn đời là một nụ cười không trời. Ta khuyên cháu con ta còn tiếp tục làm người. Làm người huy hoàng phải chọn làm người dân tươi. Nụ cười xa vời nụ cười của lòng hồn sỏi. Bước tiến ta tràn tới tung xiềng vào mặt nhân Nam. Làm người ngang tàng điểm mặt mày của trần gian. Hồi những ai gục xuống ngoi dậy hùng cường đi gian. ĐK. Máu ta từ thành Văn Lang dồn lại. Xương da thịt này cha ông lên.

miệt mài Từng ngày qua, cười ngạo nghề đi trong đau nhức không người

chúng ta thành một đoàn người hiên ngang trên bàn chông hát cười đùa

vang vang. Còn Việt Nam triệu con tim này còn triệu khối kiêu hùng (2. Ta như giống.....)